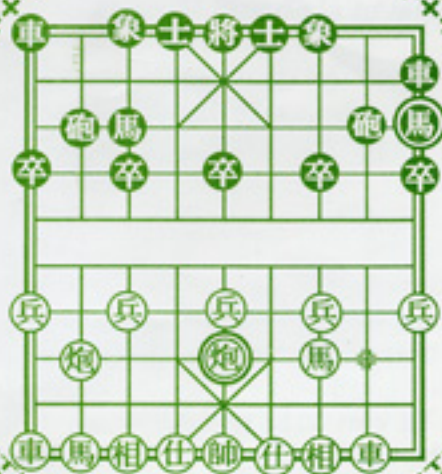




TỦ SÁCH CHUYÊN SÂU KHAI CUỘC

PHÁO ĐẦU ĐỐI ĐÓN ĐỀ MÃ



LỜI NÓI ĐẦU

黃順俠

Pháo đầu đối đơn đề Mã là một dạng khai cuộc mà bạn mới học chơi thường rất ít sử dụng, bởi thoát nhìn tưởng như nước đi này của bên đi hậu là vô thưởng vô phạt và bị động, khác với cách chơi tích cực hay được sử dụng là bình phong Mã.

Tuy nhiên những tay cờ lão luyện lại xem đơn đề Mã có những khả năng tiềm ẩn rất hay và thường gây cho đối phương sự chủ quan dẫn tới bị bất ngờ khi chuyển vào trung cuộc.

Chữ "đơn đề" làm cho nhiều bạn khó hiểu. Thực ra về mặt chữ nghĩa thì đơn đề Mã có nghĩa là "ngựa một vó" hay "ngựa một móng", còn trên bàn cờ đây là nước mà khi bên đi tiên đưa Pháo vào trung lộ (Pháo đầu) thì bên đi hậu nhả Mã ra ngoài biên, mà chỉ nhả có một bên chứ không nhả cả hai bên (nếu nhả ra biên cả hai Mã ngay khi khai cuộc thì thường là tự làm suy yếu cờ mình).

Tất nhiên khi nhả như thế thì sự nối kết giữa hai Mã cũng như nối kết giữa Mã và Pháo sẽ gặp khó khăn hơn những dạng khai cuộc khác, quân có vẻ rời rạc, làm nhiều người e ngại.

Tuy nhiên so với dạng khai cuộc Phi tượng, Khởi mã hay Tiên nhân chỉ lộ thì việc nhả Mã biên lại có những lợi thế nhất định, nhất là khi bên hậu sớm hoành Xe hay sau đó đẩy Tốt biên mở đường cho Mã này nhả sang bên đối phương thì sẽ tạo ra những cuộc đối công rất thú vị.

Đó chỉ là một ví dụ, bởi trong sách này sẽ trình bày cho các bạn thấy trận đơn đề Mã có rất nhiều diễn biến, mà mỗi người chơi cờ sau khi đọc và nghiên cứu

Nguyễn Văn
kỹ sẽ khám phá ra rất nhiều ý tưởng mới khá hay, thậm chí là khá bất ngờ. Khi đã chơi thạo thì sẽ có thêm một vũ khí sắc bén để gây khó cho đối phương.

Cho đến nay, làng cờ Tướng thế giới đã chấp nhận kiểu khai cuộc này, tại các trận đấu đỉnh cao cấp châu lục và thế giới, các danh thủ cũng đã đem ra thử nghiệm và không ít người đã thành công.

Tóm lại việc học chơi thể trận Pháo đầu đối đơn đề mã là cần thiết, trước tiên là để bạn khỏi bỏ ngỡ khi gặp đối phương chơi trận này, sau nữa là bạn có thể đi sâu nghiên cứu để có những nước đi độc đáo của riêng mình.

Sách được chia thành các chương (23 chương)

Trong các chương có các tiết

Trong các tiết có các cục

Trong cục có các biến

Trong biến có các phương án

Cách chia như thế để tách bạch riêng ra từng vấn đề để các bạn nghiên cứu dễ dàng.

Chúc các bạn thành công !

PHÁO ĐẦU ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ

CHƯƠNG 1

PHÁO ĐẦU TRỰC XA LÊN MÃ 7 ĐỐI

ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

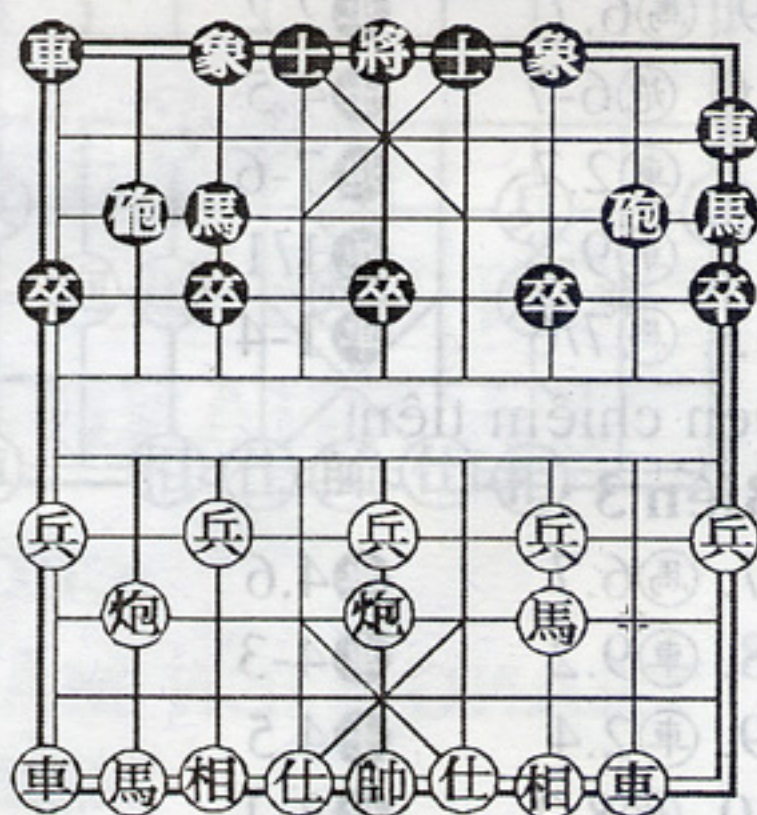
TIẾT 1

TIẾN MÃ LỘ 7 ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CUNG

CỤC 1 ✓

TRẮNG TIẾN MÃ LỘ 7 ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 7

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |



Đây là thế cờ điển hình của thế trận Đơn đề Mã của

bên Đen dùng để chống lại Pháo đầu của bên Trắng.
Nó được mô tả bằng hình vẽ trên.

4. 兵7.1 炮8-7

5. 馬8.7 象3.5

6. 馬7.6 車9-4

Tới đây ta có diễn biến như trên hình sau. Lúc này
Trắng có 3 cách để đi tiếp :

Biến 1 :

7. 馬6.5 馬3.5

8. 炮5.4 士4.5

9. 仕4.5 車4.2

10. 炮8-5 炮2.5

11. 馬3/1 車1-2

12. 車9-8 車2.2

Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

7. 炮8.2 炮2-1 ✓

Hình 3

8. 炮5-6 車4-2

9. 馬6.7 車2.2

10. 炮6-7 士4.5

11. 車2.7 炮7-6

12. 車9-8 炮1/1

13. 馬7/6 車1-4

Đen chiếm tiên

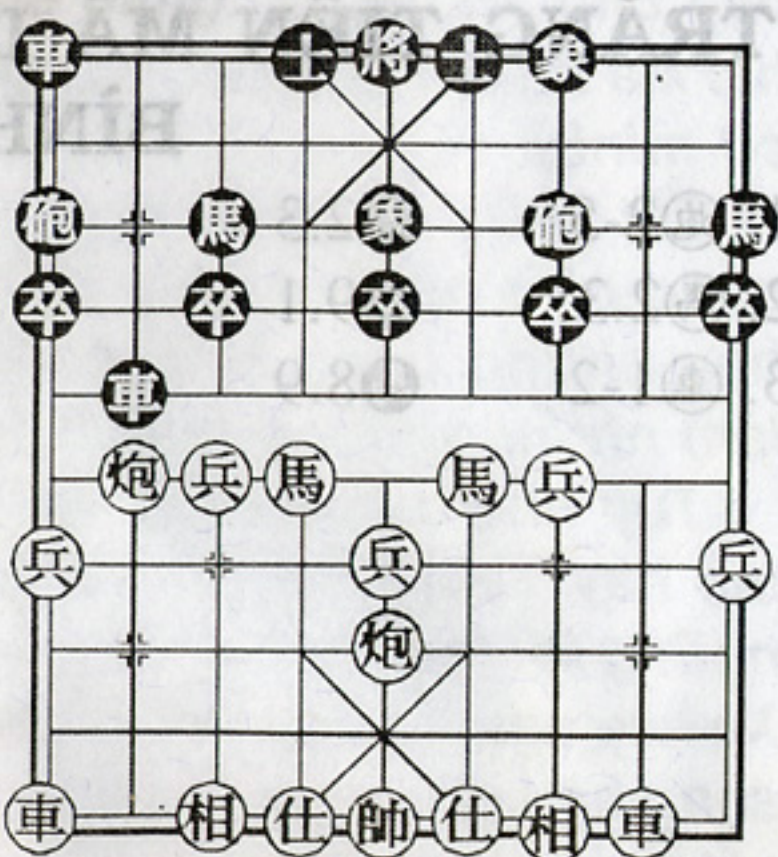
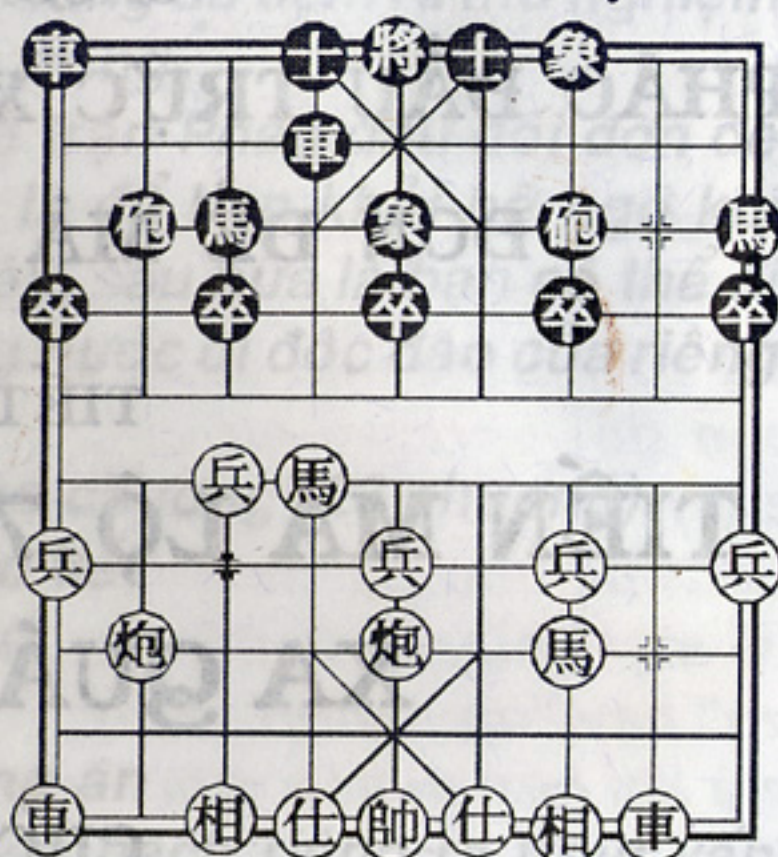
Biến 3 :

7. 馬6.7 車4.6

8. 車9.2 車4-3

9. 車2.4 士4.5

10. 炮8.2 車3-1



- | | |
|----------|------|
| 11. 相7.9 | 車1-4 |
| 12. 馬7/6 | 車4.4 |
| 13. 炮5-6 | 車4-7 |
| 14. 相3.5 | 馬3.2 |
| 15. 炮8.3 | 炮7-2 |
| 16. 車2-4 | 馬2.3 |
| 17. 兵3.1 | 車7-2 |
| 18. 相9/7 | 卒5.1 |

Cờ hai bên cân bằng.

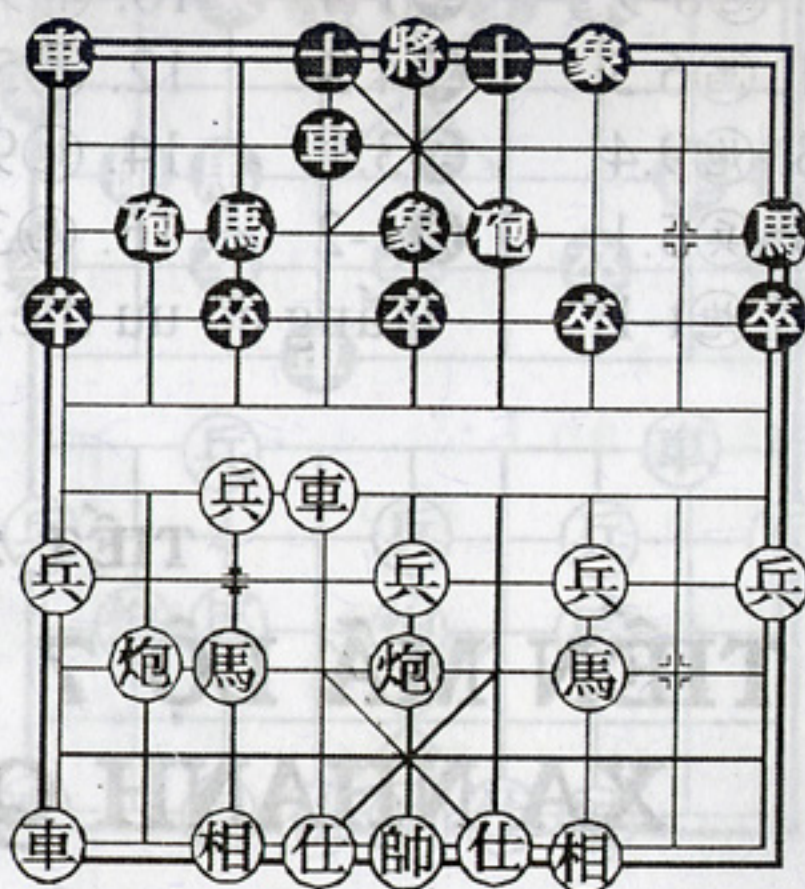
CỤC 2 ✓

TRẮNG TIẾN MÃ LỘ 7 ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 6

- | | |
|--------------------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 兵7.1 | 炮8-6 |
| 5. 馬8.7 | 象3.5 |
| 6. 車2.4 | 車9-4 |
| 7. 車2-6 (xem hình) | |

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 7... 車1.1 | |
| 8. 炮5-6 | 車4.4 |
| 9. 馬7.6 | 炮2.3 |
| 10. 馬6.7 | 車1-4 |
| 11. 仕6.5 | 炮2.1 |
| 12. 相7.5 | 卒9.1 |



Đen có lợi thế hơn chút ít.

Biến 2 :

- 7... 車 4-8
 8. 炮 8-9 車 8.5
 9. 兵 5.1 車 8-7
 10. 兵 5.1 卒 5.1
 11. 馬 7.5 車 1-2
 12. 馬 5.3 卒 5.1
 13. 車 6-5 士 4.5

Đến đây bước vào trung cuộc, Trắng có ưu thế hơn chút ít nhưng không đủ để thắng cờ, nói chung là ở thế hòa.

Biến 3 :

- | | | | |
|-----------|---------------------------------|-----------|-------|
| 1. 炮 2-5 | 馬 2.3 | 2. 馬 2.3 | 車 9.1 |
| 3. 車 1-2 | 馬 8.9 | 4. 兵 7.1 | 炮 8-6 |
| 5. 馬 8.7 | 象 3.5 | 6. 車 2.4 | 車 9-4 |
| 7. 車 2-6 | 車 4.4 | 8. 馬 7.6 | 士 4.5 |
| 9. 炮 8-9 | 車 1-4 | 10. 車 9-8 | 炮 2-1 |
| 11. 馬 6.5 | 車 4.3 | 12. 兵 5.1 | 馬 3.5 |
| 13. 炮 9.4 | 卒 3.1 | 14. 炮 9-5 | 卒 3.1 |
| 15. 兵 5.1 | 炮 1-2 | 16. 馬 3.5 | 卒 3-4 |
| 17. 炮 t-1 | Trắng có ưu thế, chiếm tiên thủ | | |

TIẾT 2

TIẾN MÃ LỘ 7 ĐỐI HOÀNH XA NHANH QUÁ CUNG

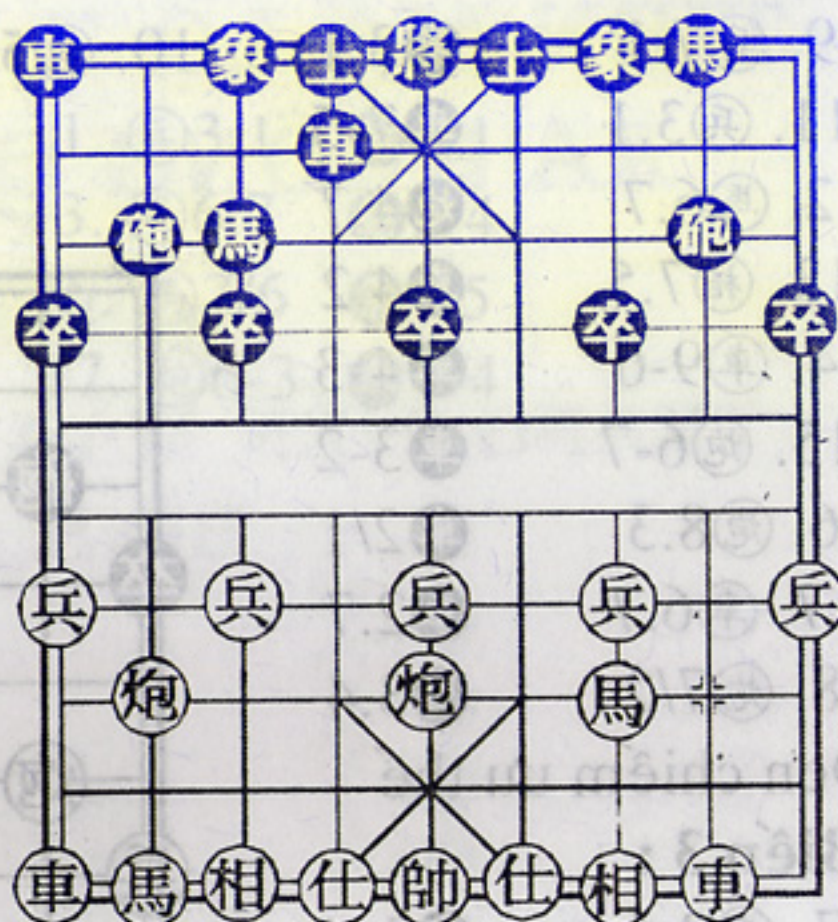
CỤC 1

TRẮNG TIẾN MÃ LỘ 7 ĐỐI XE 4 TIẾN 3

1. 炮 2-5 馬 2.3

2. 馬2.3 車9.1
3. 車1-2 車9-4

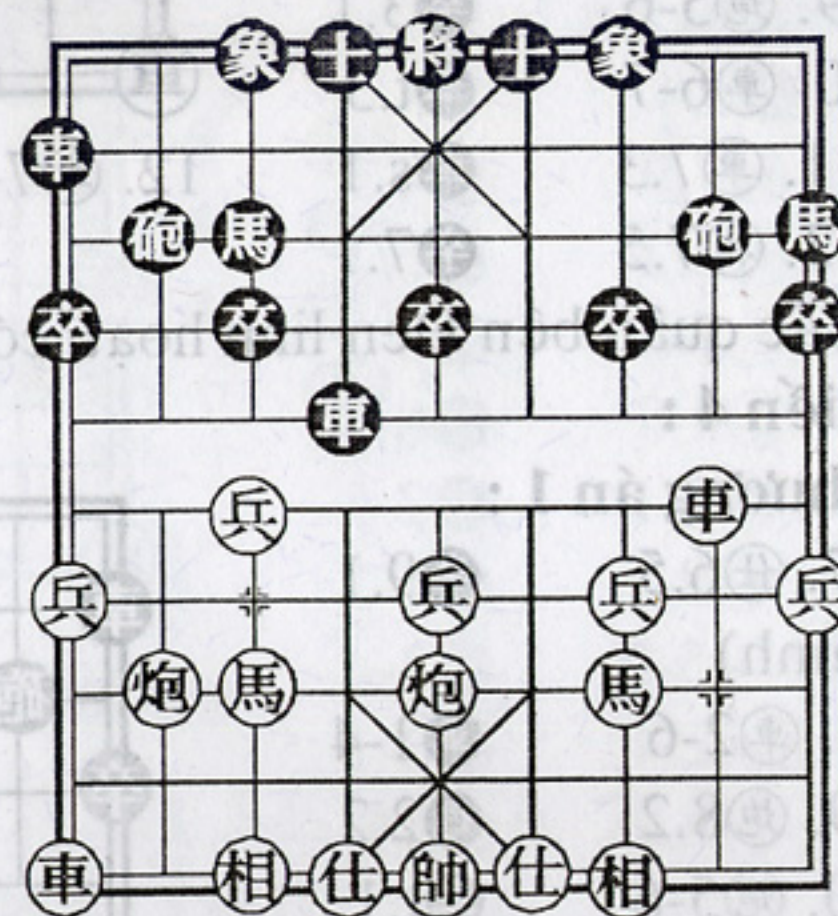
Hình vẽ.



4. 兵7.1 車4.3
5. 馬8.7 馬8.9
6. 車2.4 車1.1

Đến đây hình thành thế cờ như hình vẽ.

Biến 1:



7. 炮8.4 卒9.1
8. 炮8-5 馬9.8
9. 車2-6 車4.1
10. 馬7.6 馬3.5
11. 兵3.1 車1-4
12. 馬6.5 炮2-5
13. 車9.1 車4.5
14. 車9-4 馬8.9
15. 馬5.3 士4.5
16. 馬s.1 車4-5
17. 仕6.5 炮5.5
18. 相7.5 車5-9
19. 車4.5 車9-1
20. 車4-3 炮8.4
21. 車3-7 象3.5
22. 車7-6 炮8-5

Hoà cờ

Biến 2

7. 馬7.6 車1-4 8. 炮8.2 炮8-4

9. 兵7.1 卒3.1 10. 炮5-6 車t-7 (hình)
 11. 兵3.1 車7-5
 12. 馬6.7 炮4.7
 13. 相7.5 車4.2
 14. 車9-6 車4-3
 15. 炮6-7 車3-2
 16. 炮8.3 車2/1
 17. 車6.7 車2.7
 18. 炮7/2 馬3.4

Đen chiếm ưu thế

Biến 3 :

7. 車2-6 車1-4
 8. 炮8.2 卒3.1
 9. 炮5-6 卒3.1
 10. 車6-7 車t.3
 11. 車7.3 車s.1
 13. 相7.5 卒7.1

Các quân bên Đen linh hoạt, có phần ưu hơn.

Biến 4 :

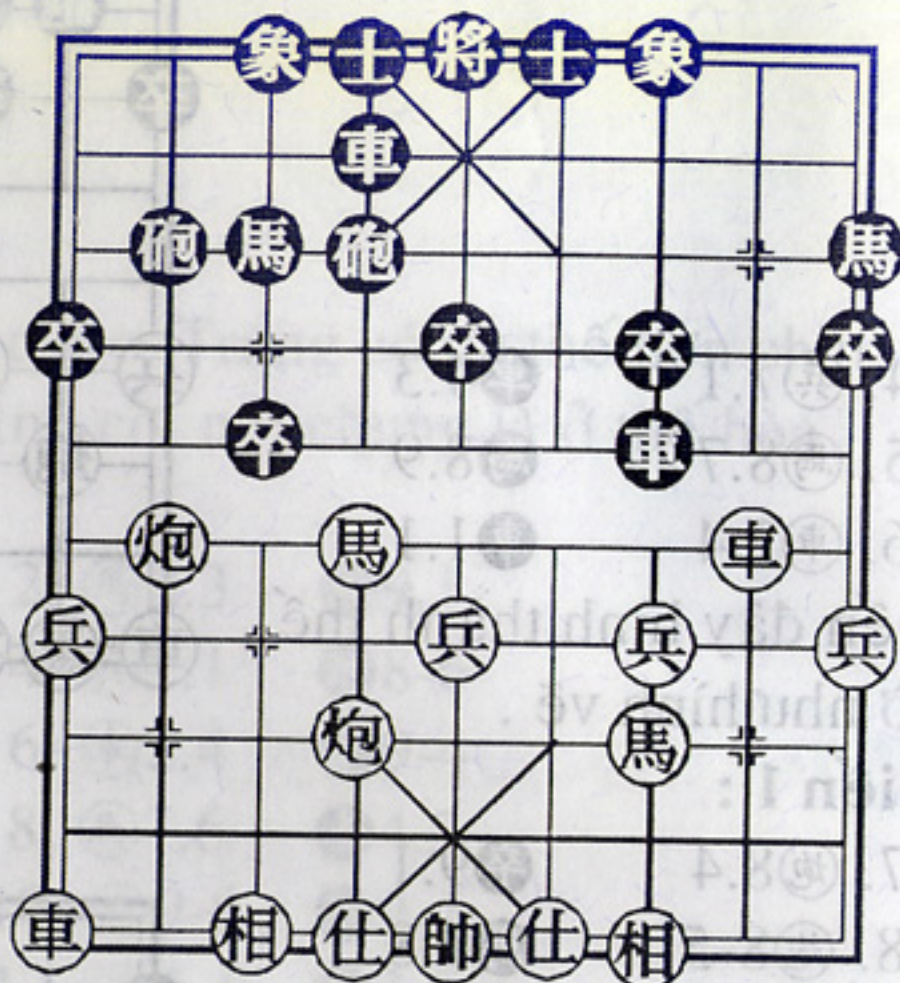
Phương án 1 :

7. 仕6.5 卒9.1
 (hình)
 8. 車2-6 車1-4
 9. 炮8.2 炮2.2
 10. 炮5-6 車t.1
 11. 炮8-6 車4-2
 12. 車9-8 炮2.2
 13. 兵3.1

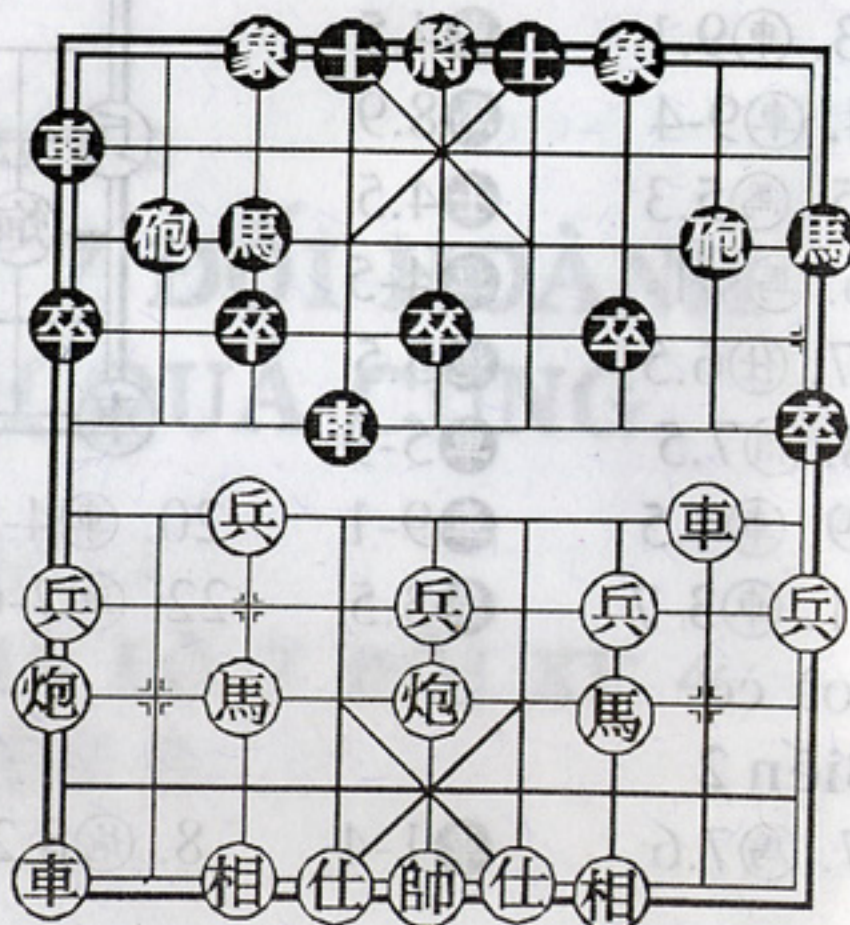
Hai bên đối công

Phương án 2 :

8. 炮5-6 馬9.8



12. 車7-6 車4/5



9. 車2-6 車4.1
 10. 馬7.6 炮2.4
 11. 兵3.1 炮2/1
 12. 兵3.1 卒7.1
 13. 馬6.7 炮2/4
 14. 相7.5 炮2-7
 15. 馬7/6 象7.5
 16. 炮8-7 炮7.6
 17. 炮6-3 車1-4
 18. 馬6.7 車4.5

Đen ưu hơn chút đỉnh

Biến 5:

7. 炮8-9 卒9.1

Phương án 1

8. 車9-8 馬9.8
 9. 車2-6 車1-4
 10. 車6.1 車4.3
 11. 兵3.1 炮2.2

Hai bên bình ổn

Phương án 2 :

8. 兵5.1 士4.5
 9. 馬3.5 車4-2

Đen chiếm tiên

Phương án 3 :

8. 車9.1 馬9.8
 9. 車2-6 車1-4
 10. 車9-6 車t.1
 11. 車6.3 車4.4
 12. 馬7.6 馬8.6
 13. 炮9-7 象7.5

Đen tiên hơn

TIẾT 3

TIẾN MÃ LỘ 7 ĐỐI HOÀNH
XA KHÔNG QUÁ CUNG

CỤC 1

TRẮNG TIẾN MÃ LỘ 7 ĐỐI XE 9

BÌNH 6

1. 炮2-5 馬2.3
2. 馬2.3 車9.1
3. 車1-2 馬8.9
4. 兵7.1 車9-6
5. 馬8.7 Hình vẽ

Biến 1 :

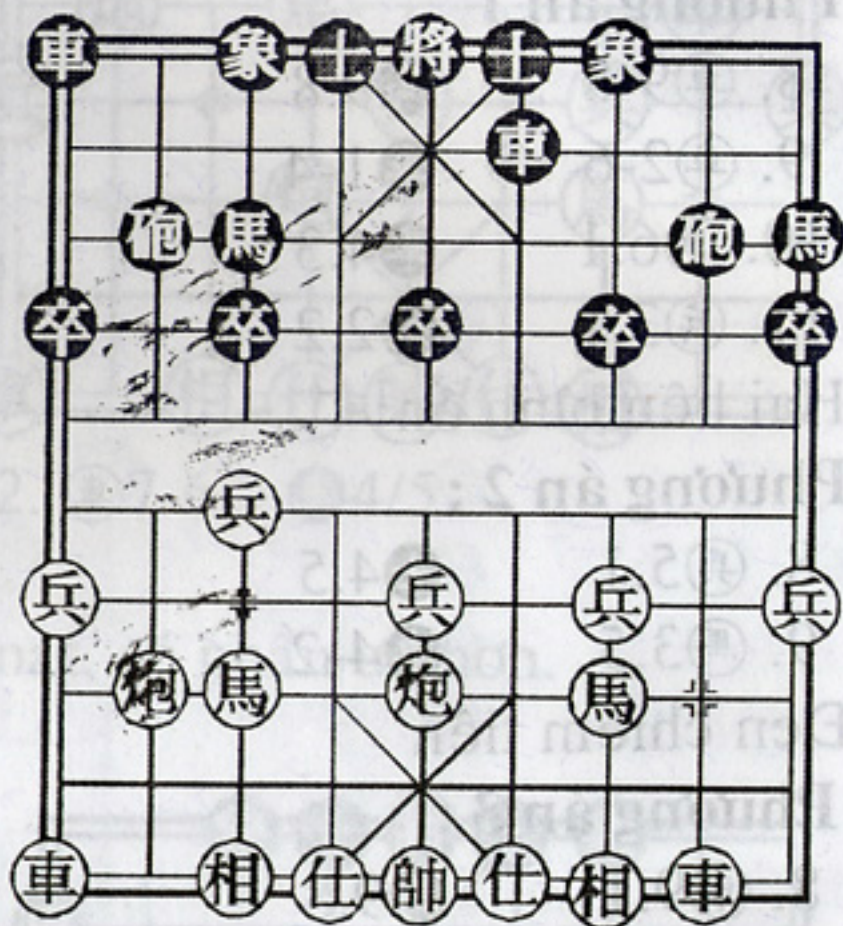
Phương án 1 :

- | | | | |
|------|---|-----|-------|
| 5... | 車 | 6.4 | |
| 6. | 相 | 7.9 | 士 4.5 |
| 7. | 炮 | 8.2 | 車 6/1 |
| 8. | 馬 | 7.6 | 車 6-2 |
| 9. | 車 | 9-8 | 炮 8-6 |
| 10. | 兵 | 7.1 | 車 2-3 |
| 11. | 炮 | 8-7 | 車 1-2 |
| 12. | 炮 | 5-7 | 車 3-4 |
| 13. | 車 | 2.4 | 炮 2-1 |
| 14. | 車 | 8.9 | 馬 3/2 |
| 15. | 炮 | s-6 | |

Trắng tiên

Phương án 2 :

7. 仕6.5 炮2-1
8. 炮8.2 車6/1 9. 馬7.6 車6-2
10. 車9-8 炮8-7 11. 兵3.1 象3.5



12. 馬6.7	車2/1	13. 炮5-7	車1-4
14. 馬3.4	卒1.1	15. 車2.5	卒7.1
16. 相3.5	炮1.1	17. 兵7.1	車4.5
18. 相9.7	象5.3	19. 炮8-6	車2.6
20. 炮6/4	炮7.1		

Biến 2 :

5... 車6.3			
6. 馬7.6	車6-4	7. 車2.4	卒9.1
8. 炮8-6	車4-8	9. 車2.1	馬9.8
10. 車9-8	馬8.7	11. 炮6-7	車1-2
12. 兵7.1	馬7.5	13. 相3.5	炮2-1
14. 車8.9	馬3/2	15. 兵7.1	

Trắng chiếm ưu thế lớn.

Biến 3 :

5... 炮8-5			
6. 馬7.6	士4.5	7. 仕6.5	車6.4
8. 馬6.5	馬3.5	9. 炮5.4	車6-3
10. 相7.5	車3/1	11. 車2.4	車3-5
12. 車2-5	車5-4	13. 車9-6	車4.5
14. 帥5-6	炮2-4	15. 車5-7	

CHƯƠNG 2

PHÁO ĐẦU TRỰC XA LÊN MÃ 7 ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ TRỰC XA

CỤC 1

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI TƯỢNG 3 TIẾN 5

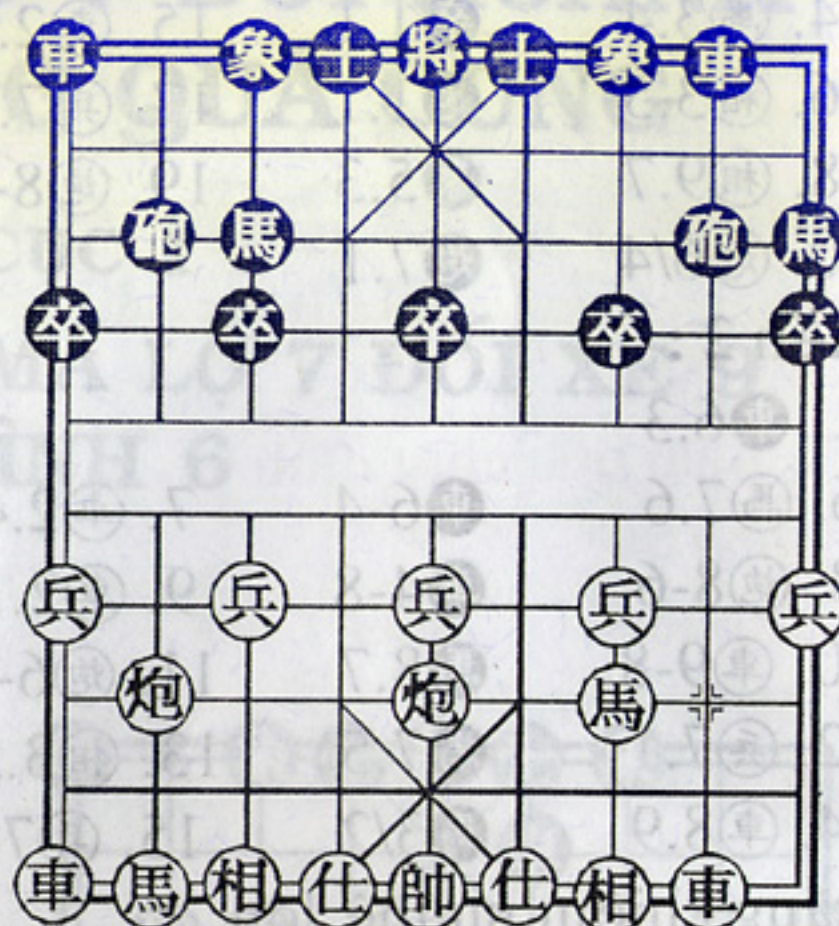
1. 炮2-5 馬2.3

2. 馬 2.3 馬 8.9

3. 車 1-2 車 9-8

Hình

4. 兵 7.1 象 3.5



5. 馬 8.7 Hình

Biến 1 :

5... 炮 2.2

6. 兵 3.1

Phương án 1 :

6... 卒 9.1

7. 車 2.6 炮 8-7

8. 車 2.3 馬 9/8

9. 馬 3.4 士 4.5

10. 炮 8-9 車 1-4

11. 馬 4.5 馬 3.5

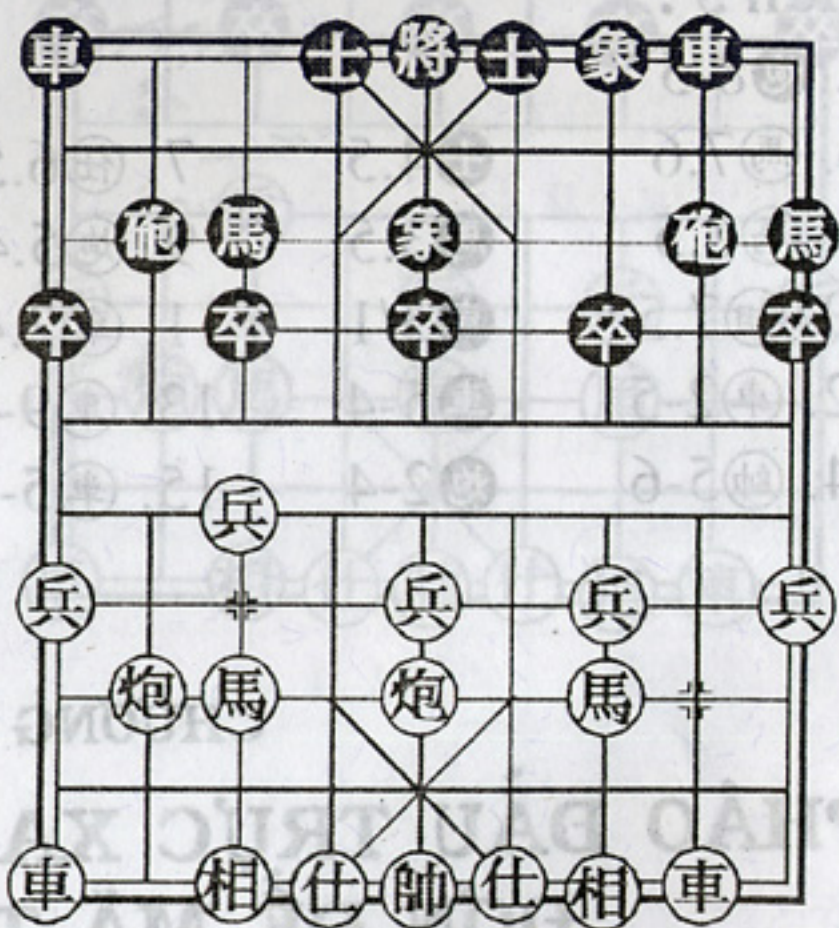
12. 炮 5.4 炮 2-5

13. 相 3.5 車 4.3

14. 兵 5.1 車 4-5

15. 兵 5.1 車 5.1

16. 車 9-8 Trắng tiên thủ



Biến 2 :

6... 士 4.5

7. 炮 8-9 車 1-4 8. 車 9-8 (hình) 卒 3.1

9. 兵 7.1 象 5.3

10. 馬3.4 炮8.5
 11. 炮5.4 馬3.5
 12. 馬4.5 炮8/3
 13. 相3.5 車4.3
 14. 馬5/6 炮2/1
 15. 馬6.4 車4-6
 16. 馬7.6

Trắng chiếm ưu thế

Biến 2 :

- 5... 炮2.4
 6. 兵3.1 士4.5
 7. 炮8-9 車1-4

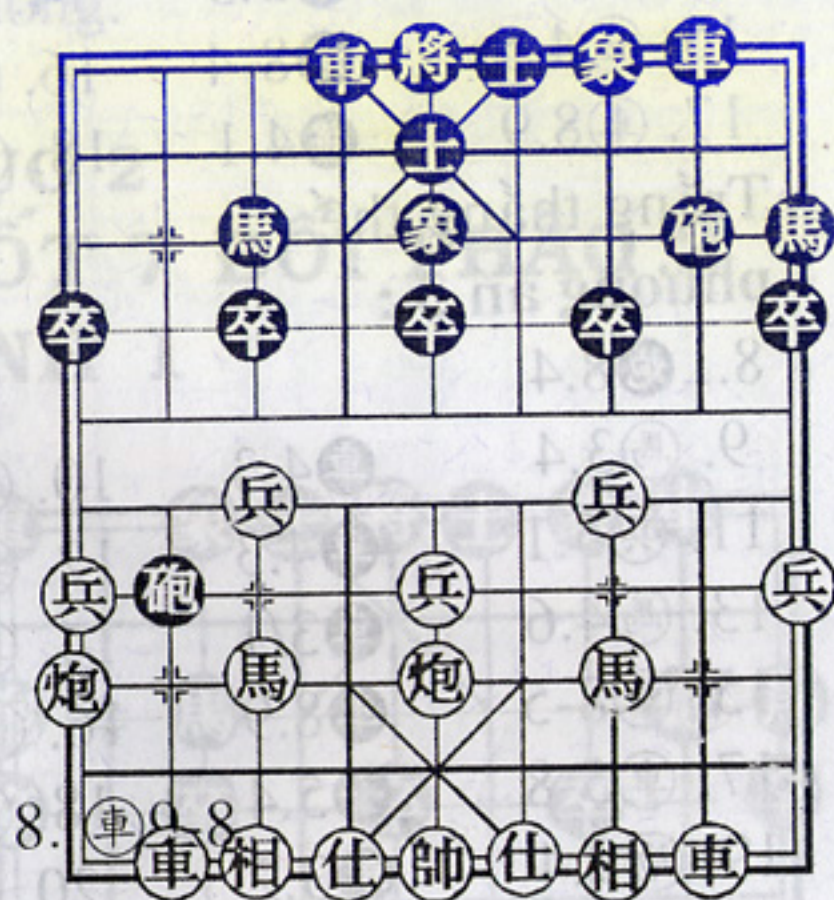
Phương án 1 :

- 8... 炮2-3
 9. 車2.4 炮8-7
 10. 車2.5 馬9/8
 11. 馬3.4 卒7.1
 12. 馬4.5 卒7.1
 13. 相3.1 車4.3
 14. 兵5.1 卒7-6
 15. 馬5/4 車4-6
 16. 馬4.5 炮3-8
 17. 馬5.7 炮8.3
 18. 帥5.1 炮7-3
 19. 炮9.4 車6.4
 20. 車8.9 士5/4
 21. 炮9.3 車6-9
 22. 帥5-4 士6.5
 23. 車8/6 象5/3
 24. 車8-3 象7.5
 25. 馬7.6 馬8.7
 26. 炮5.5 士5/6
 27. 炮5/2 馬7/8
 28. 馬6.5 炮3-5
 29. 馬5.3 炮5-6
 30. 馬3/2 車9.1
 31. 帥4.1 車9-8
 32. 車3.4

Trắng ưu

phương án 2 :

- 8... 車4.6
 9. 馬3.4 炮2-5
 10. 馬7.5 車4-5



11. 馬4.6

車5/2

12. 馬6.8

車5-4

13. 兵7.1

象5.3

14. 馬8.7

將5-4

15. 仕4.5

炮8-4

16. 車2.9

馬9/8

17. 車8.9

將4.1

18. 炮9-8

Trắng thắng thế
phương án 3 :

8... 炮8.4

9. 馬3.4

車4.3

10. 仕6.5

卒9.1

11. 兵5.1

車4.3

12. 兵5.1

車4-3

13. 馬4.6

車3/1

14. 車8.3

炮8-5

15. 車8-5

車8.9

16. 馬6.7

車8/5

17. 車5-8

士5.4

18. 炮5.4

士6.5

19. 炮9.4

車3.2

20. 仕5/6

車8-5

21. 仕4.5

車5-1

22. 車8-6

將5-6

23. 車6-4

將6-5

24. 帥5-4

Trắng thắng
Biến 3:

5... 士4.5

6. 炮8-9 (hình) 炮2.4

7. 車9-8

炮2-3

8. 兵3.1

車1-4

9. 炮5-4

炮8-7

10. 車2.9

馬9/8

11. 相7.5

卒7.1

12. 車8.3

卒7.1

13. 車8-7

炮7.5

14. 兵5.1

馬8.7

15. 車7-8

馬7.8

16. 車8.4

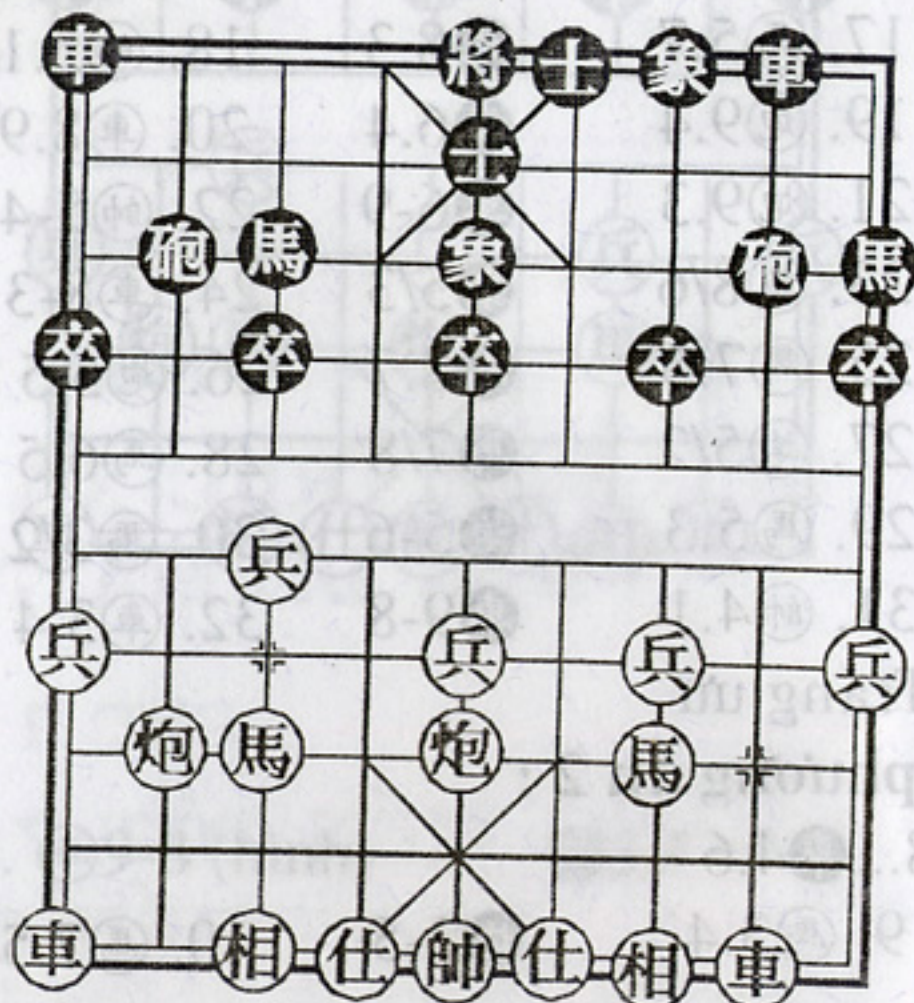
卒7-6

17. 車8-7

卒6.1

18. 馬7.5

馬8.6

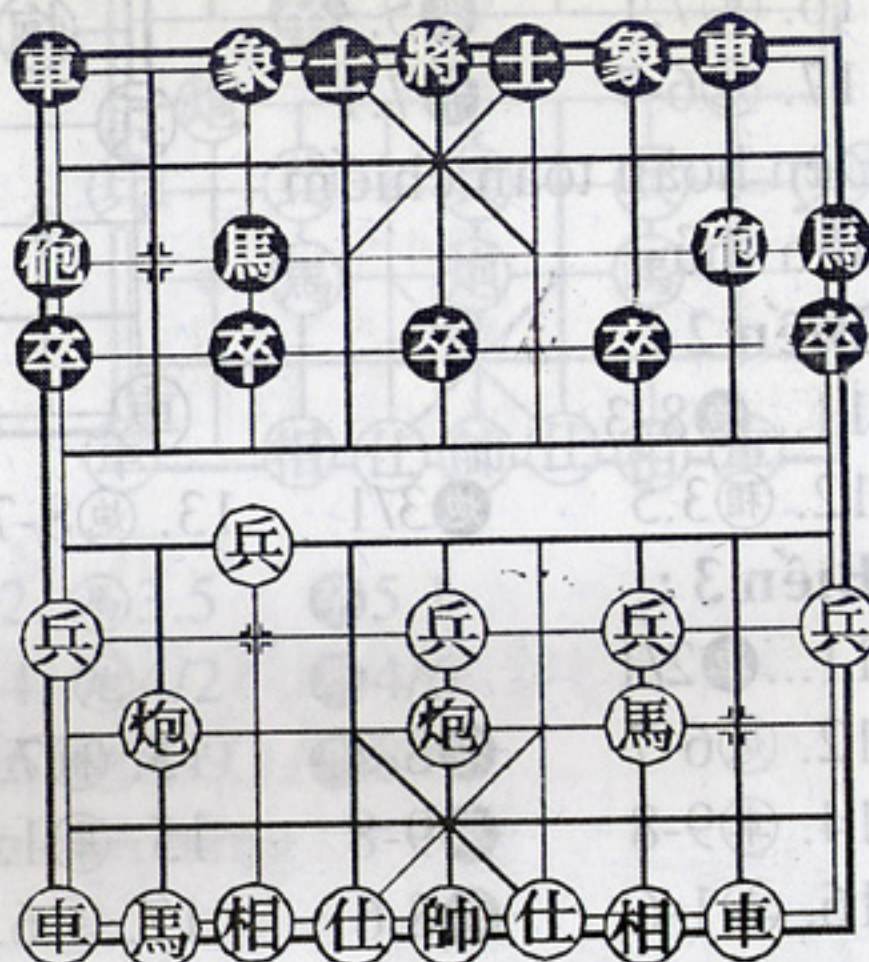


Lực lượng hai bên tương đương.

CỤC 2 TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI PHÁO 2 BÌNH 1

- | | |
|----------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.9 |
| 3. 車1-2 | 車9-8 |
| 4. 兵7.1 | 炮2-1 |
| Hình vẽ | |
| 5. 馬8.7 | 車1-2 |
| 6. 車9-8 | 車2.4 |
| 7. 馬7.6 | 車2-4 |
| 8. 車2.4 | 炮8-4 |
| 9. 車2.5 | 馬9/8 |
| 10. 馬6/7 | 馬8.7 |
| 11. 炮8-9 | 卒3.1 |

Đen tiên hơn.



CỤC 3 TRẮNG MÃ 8 TIẾN 7 ĐỐI SĨ 4 TIẾN 5

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 | 2. 馬2.3 | 馬8.9 |
| 3. 兵7.1 | 象3.5 | 4. 馬8.7 | 士4.5 |
| 5. 馬7.6 | 車1-4 | 6. 炮8.2 | 炮2.2 |
| 7. 兵3.1 | 炮2-4 | 8. 馬3.4 | 炮8.3 |
| 9. 馬4.6 | 車4.4 | 10. 炮5-6 | 車4-2 |
| 11. 馬6.7 | | | |

Hình vẽ

Biến 1 :

- 11... 象 5.3
 12. 炮 6.2 炮 8/2
 13. 車 9-8 象 7.5
 14. 車 1-2 車 9-8
 15. 相 3.5 卒 7.1
 16. 兵 7.1 象 5.3
 17. 炮 6-7 卒 7.1

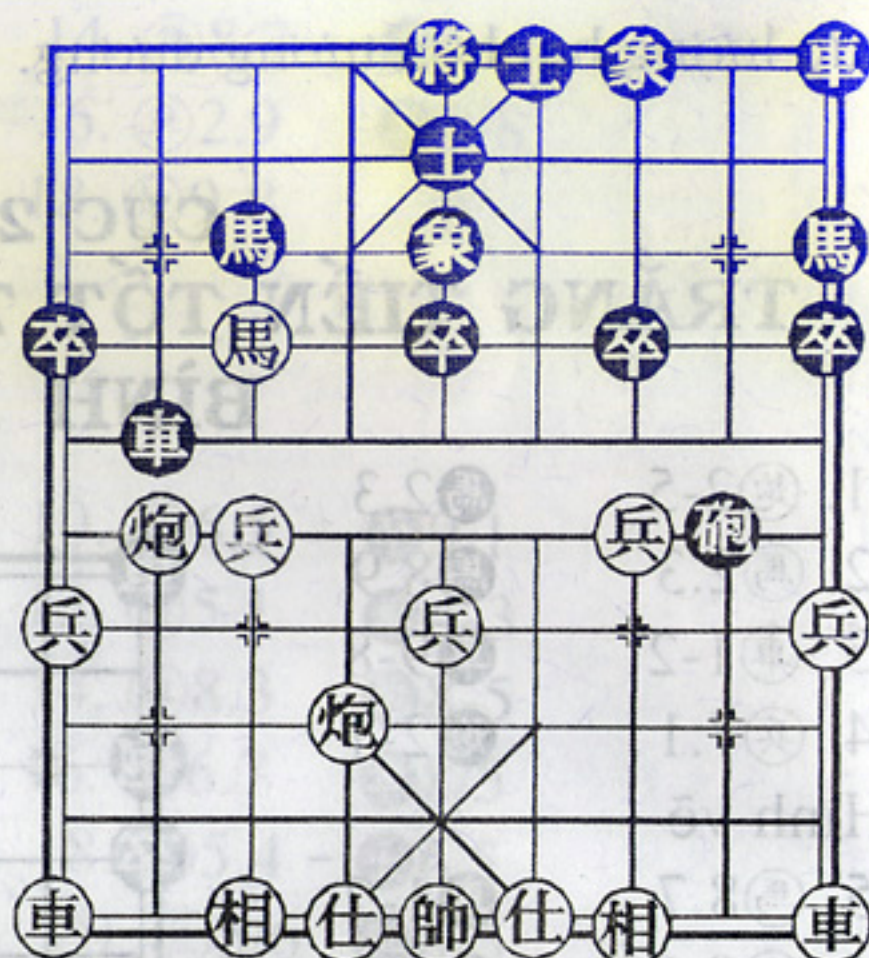
Đen hoàn toàn chiếm
 tiên thủ

Biến 2 :

- 11... 炮 8-3
 12. 相 3.5 炮 3/1 13. 炮 8-7 車 9-8

Biến 3 :

- 11... 車 2/1
 12. 炮 6-7 炮 8-3 13. 相 7.5 炮 3/1
 14. 車 9-8 車 9-8 15. 車 1.1 象 5/3
 16. 車 1-6 車 8.6 17. 車 6.4



CHƯƠNG 3

PHÁO ĐẦU TRỰC XA TUẦN HÀ PHÁOP ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

TIẾT 1

PHÁO BÊN TRÁI TUẦN HÀ ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CUNG

CỤC 1

TRẮNG LÊN HAI MÃ TRONG, BÌNH

PHÁO ĐẢ TƯỢNG ĐỐI TƯỢNG 3 TIẾN 5

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 炮8.2 | 卒3.1 |
| 5. 馬8.7 | 炮8-6 |

Hình vẽ

Biến 1 :

- | | | |
|----------|-------------------|---------------|
| 6. 炮8-3 | 象3.5 | |
| 7. 車2.7 | 士4.5 | |
| 8. 車9-8 | 炮2-1 | |
| 9. 兵5.1 | 卒7.1 | |
| 10. 炮3-4 | 車1-4 | |
| 11. 兵5.1 | 卒5.1 | 12. 馬3.5 卒5.1 |
| 13. 炮5.2 | 馬3.4 | 14. 炮4/2 馬4/6 |
| 15. 炮4.5 | 馬6/8 | 16. 炮4-9 馬8.6 |
| 17. 炮5.1 | Cục diện cân bằng | |

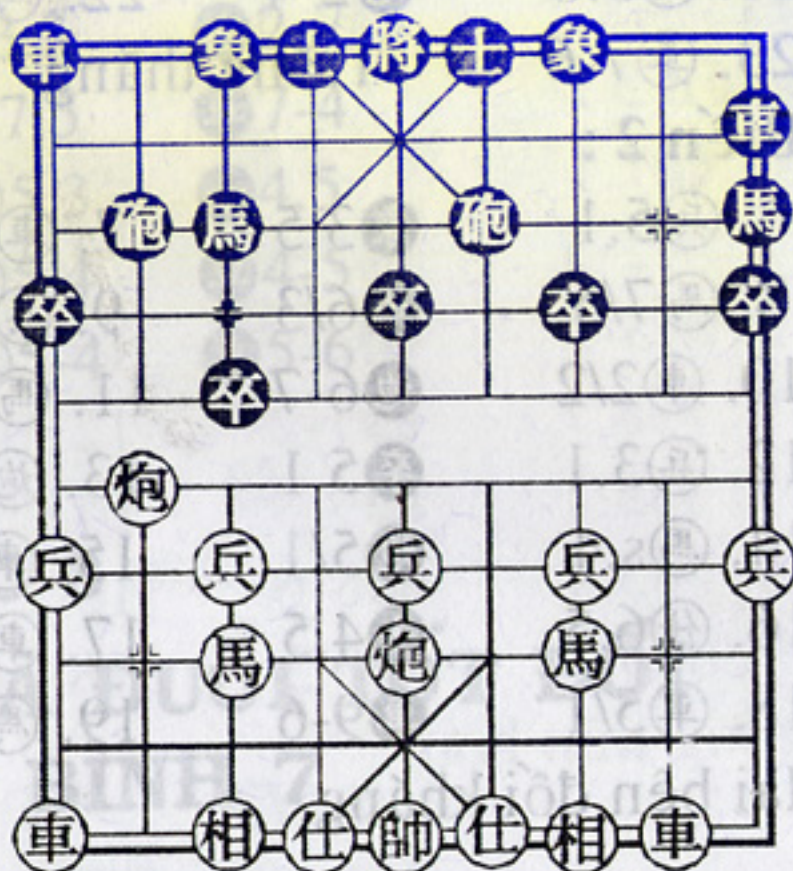
Phương án 1 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 車9-8 | 車1-2 | 8. 車2.7 | 士4.5 |
| 9. 兵5.1 | 卒7.1 | 10. 炮3-1 | 卒9.1 |
| 11. 炮1.3 | 車9.1 | 12. 車2-1 | 象7.9 |
| 13. 兵5.1 | 卒5.1 | 14. 馬7.5 | 炮2.2 |

Trắng có phần tiên hơn

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 車9-8 | 車1-2 | 8. 車8.6 | 車9-4 |
| 9. 兵5.1 | 士4.5 | 10. 車2.5 | 卒7.1 |
| 11. 車2-3 | 車4.5 | 12. 車8-7 | 車4-3 |
| 13. 兵5.1 | 炮2.2 | 14. 馬3.5 | 車2-4 |
| 15. 兵5.1 | 車4.6 | 16. 兵5.1 | 象7.5 |
| 17. 車3-7 | 車3/2 | 18. 車7/1 | 將5-4 |



19. 炮5.5 馬9/7 20. 炮3-6 炮2/3
 21. 馬5.6 炮2-4 22. 馬6.7 炮4-3
 23. 車7-6 Trắng thắng

Biến 2 :

6. 兵5.1 象3.5 7. 車2.7 炮6.5
 8. 馬7/5 炮6/3 9. 兵5.1 卒5.1
 10. 車2/2 炮6-7 11. 馬3.5 炮2.2
 12. 兵3.1 卒5.1 13. 炮5.2 炮7-5
 14. 馬s.4 炮5/1 15. 車2-7 車1.2
 16. 仕6.5 士4.5 17. 車7-5 炮5.2
 18. 車5/1 車9-6 19. 馬4.5 車6.2

Hai bên đối kháng.

CỤC 2

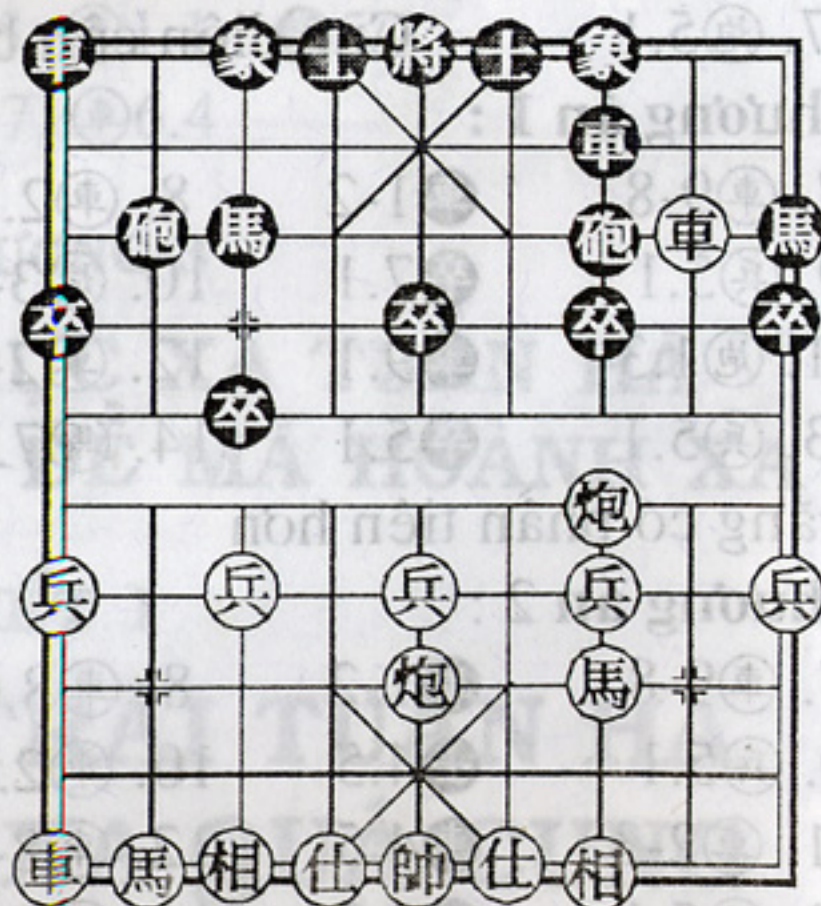
TRẮNG ĐÁNH NGAY TƯỢNG ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 7

1. 炮2-5 馬2.3
 2. 馬2.3 車9.1
 3. 車1-2 馬8.9
 4. 炮8.2 卒3.1
 5. 炮8-3 炮8-7
 6. 車2.7 車9-7

hình vẽ

Biến 1 :

7. 兵5.1 卒7.1
 8. 炮3.3 炮2-7
 9. 兵5.1 炮7-5
 10. 兵5-4 馬3.4
 11. 馬8.7 車1.1 12. 炮5.5 象3.5
 13. 馬3.5 馬4.5 14. 馬7.5 車1-4



15. 車 9.2

車 4.5 車 16. 車 9-5 車 7.2

Biến 2 :

7. 馬 8.7

卒 7.1 8. 炮 3.3 炮 2-7

9. 兵 5.1

炮 7-5 10. 馬 7.5 車 7-4

11. 兵 5.1

卒 5.1 12. 炮 5.3 士 4.5

13. 相 7.5

車 4.4 14. 馬 5.4 車 4-5

15. 馬 4.5

象 3.5 16. 炮 5-4 車 5-6

17. 炮 4-5

車 6.1

CỤC 3

TRẮNG XE KỶ HÀ ĐUỔI TỐT ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 7

1. 炮 2-5

馬 2.3

2. 馬 2.3

車 9.1

3. 車 1-2

馬 8.9

4. 炮 8.2

卒 3.1

5. 炮 8-3

炮 8-7

Hình vẽ

Biến 1 :

6. 車 2.5

炮 7.3

7. 車 2-7

炮 7.2

8. 車 7.2

炮 2.2

9. 炮 5.4

車 9-4

10. 車 7/2

炮 2-1

11. 馬 8.9

車 4.5

12. 兵 5.1

車 4/1

13. 兵 5.1

車 1-2

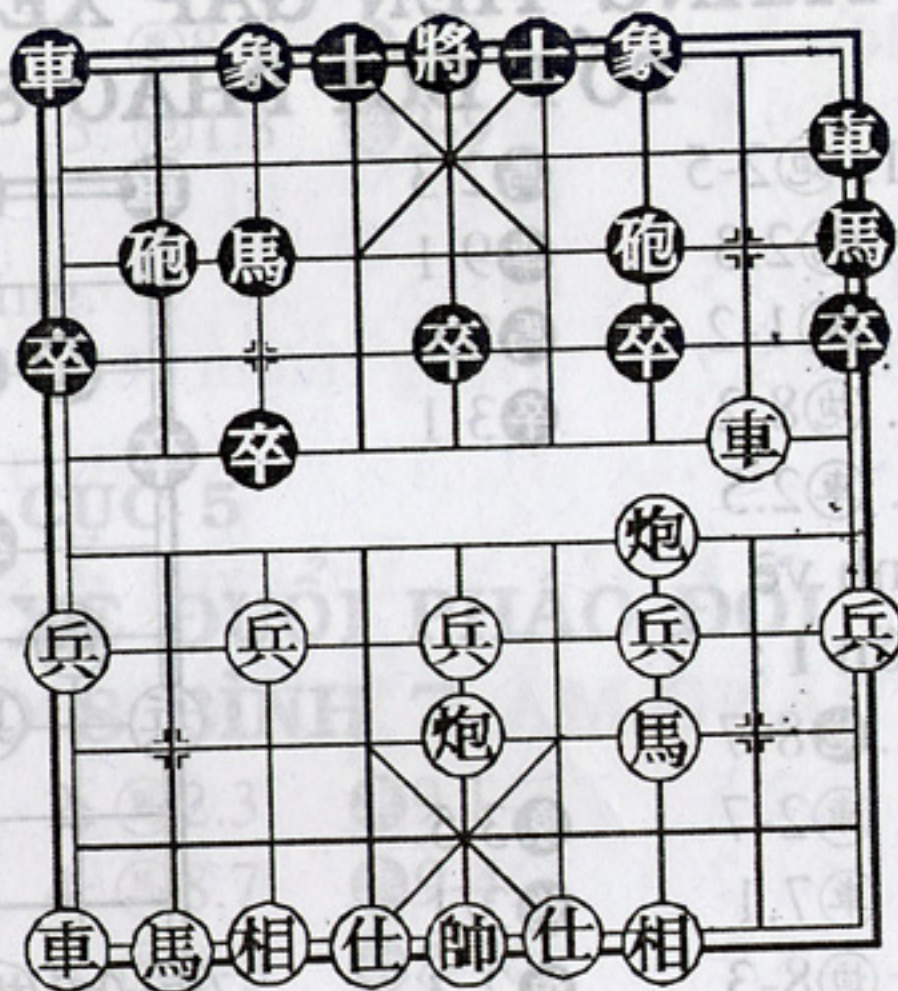
14. 車 9-8

炮 7-2

Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

6... 象 3.1



7. 馬8.7 車9-4 8. 車9-8 車1-2
 9. 車8.6 炮7.3 10. 兵3.1 炮2/1
 11. 車2.2 車2-3 12. 車8-7 Trắng tiên

Biến 3 :

6... 卒7.1
 7. 車2-3 象7.5 8. 車3.2 馬3/5
 9. 車3-1 炮2-9 10. 炮5.4 炮9-7
 11. 馬8.7 車1-2 12. 兵5.1 車2.3
 13. 兵5.1 車9-8 14. 馬7.5 車8.3
 15. 馬5.4 車8-6 16. 兵5-4 車2-5
 17. 相3.5 馬5.3 18. 車9-8

Trắng tiên hơn

CỤC 4

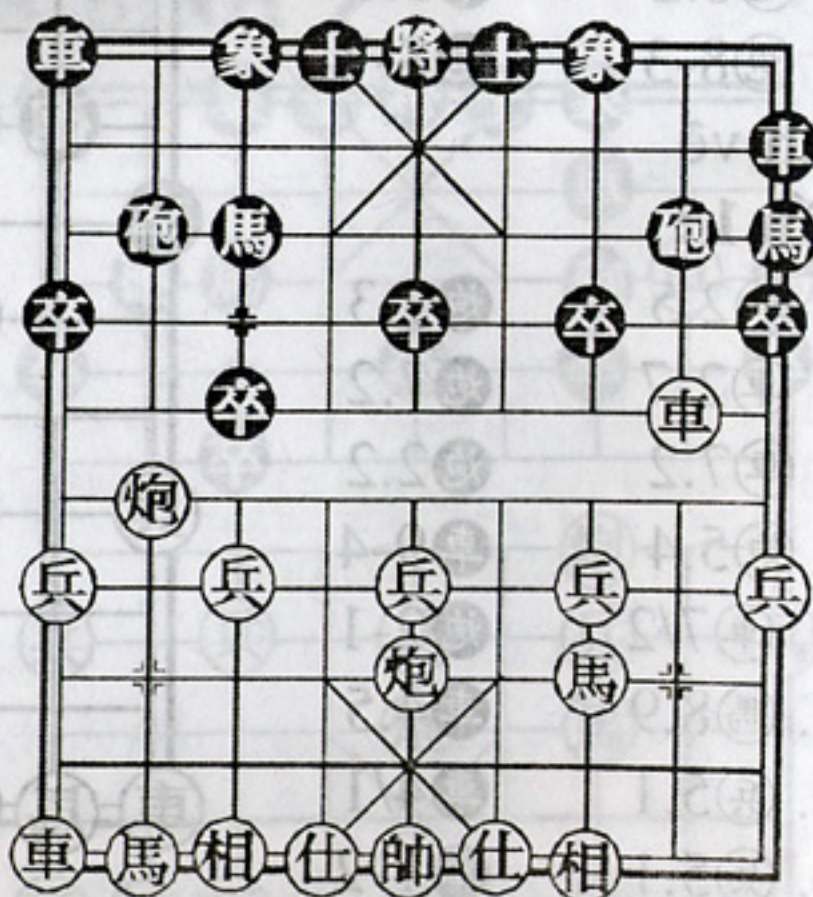
TRẮNG TIỀN GẤP XE KỲ HÀ ĐUỔI TỐT ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 7

1. 炮2-5 馬2.3
 2. 馬2.3 車9.1
 3. 車1-2 馬8.9
 4. 炮8.2 卒3.1
 5. 車2.5

Hình vẽ

Biến 1 :

5... 炮8-7
 6. 車2-7 象3.5
 7. 車7.1 炮2/1
 8. 炮8-3 炮2-3
 9. 車7-6 馬3.2
 10. 車6-7 馬2.4
 11. 車7/2 馬4.5
 12. 相3.5 炮7.3
 13. 兵3.1 車1-2
 14. 馬8.7 車2.7



15. 車 9.2 車 2/1 Hai bên cân bằng

Biến 2 :

5... 卒 7.1

6. 車 2-3 象 3.5 7. 車 3.2 馬 3/5

8. 車 3/1 馬 5.3 9. 炮 5.4 馬 3.5

10. 車 3-5 車 9-4 11. 炮 8-5 士 4.5

12. 馬 8.9 車 4.3 13. 車 9-8 卒 9.1

14. 相 3.5 馬 9.8 15. 兵 3.1 車 1-4

16. 仕 6.5 Thế hai bên quân bình

Biến 3 :

5... 車 9-4

6. 車 2-7 象 7.5 7. 車 7-2 馬 3.4

8. 炮 8-1 馬 4.6 9. 車 2-4 馬 6.7

10. 車 4/3 炮 8.5 11. 炮 5.4 士 4.5

12. 車 4-3 炮 8/1 13. 馬 8.7 車 4.2

14. 車 9-8 炮 2-3 15. 炮 1.3 炮 3-9

16. 炮 5/2 車 4-5

Thực lực hai bên cân bằng.

CỤC 5

TRẮNG TIẾN XE ĐUỔI PHÁO ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 7

1. 炮 2-5 馬 2.3 2. 馬 2.3 車 9.1

3. 車 1-2 馬 8.9 4. 馬 8.7 車 9-4

5. 炮 8.2 卒 3.1 6. 炮 8-3 炮 8-7

Hình vẽ

Biến 1 :

7. 車 2.7 車 4-7

8. 車 9-8 卒 7.1

9. 炮3.3 炮2-7
10. 兵5.1 炮7-5
11. 馬3.5 馬3.4
12. 兵5.1 馬4.5
13. 馬7.5 炮5.2
14. 炮5.3 卒5.1
15. 車8.4 象3.5

Hai bên cân bằng,
cờ hòa

Biến 2 :

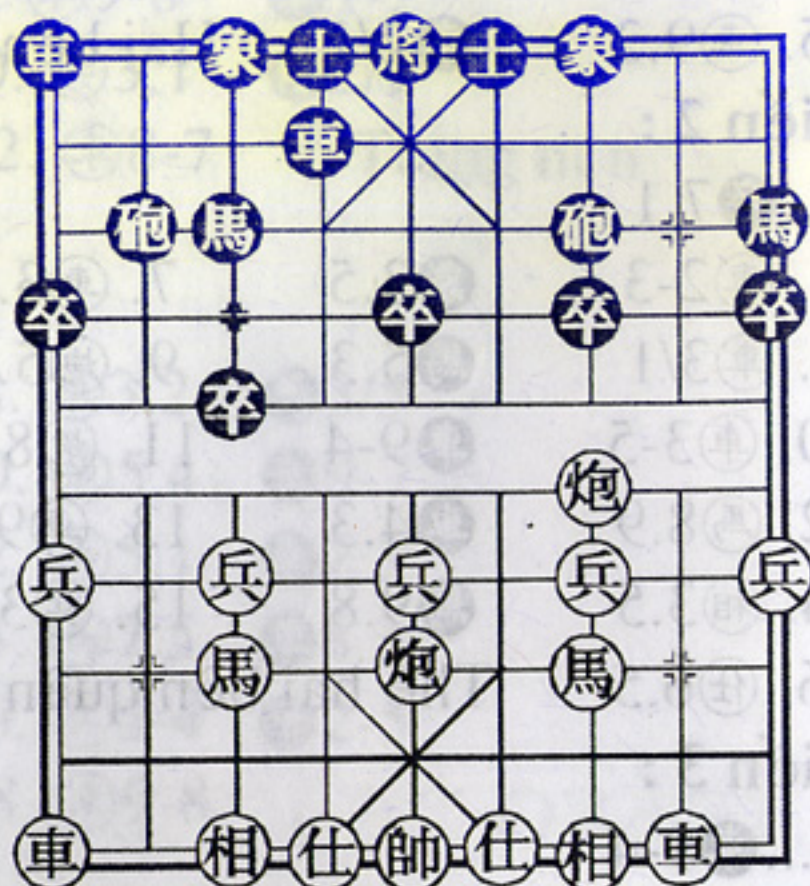
7. 車2.5 炮7.3
8. 兵3.1 象7.5 9. 車9-8 車1-2
10. 車8.6 炮2-1 11. 車8-7 車2.2

Trắng hoàn toàn chiếm tiên thủ

Biến 3 :

7. 車9-8 卒7.1 8. 炮3.3 炮2-7
9. 車2.7 車4-7 10. 兵5.1 士4.5
11. 馬3.5 炮7-5 12. 兵7.1 卒3.1
13. 馬5.7

Trắng chiếm tiên



CỤC 6

TRẮNG MÃ 8 TIẾN 9 ĐỔI XE 9 BÌNH 6

1. 炮2-5 馬2.3 2. 馬2.3 車9.1
3. 車1-2 馬8.9 4. 馬8.9 車9-6
5. 炮8.2 卒3.8
1 Hình vẽ 炮8-7

Biến 1 :

7. 車2.7 車6.1

8. 車 9-8 車 1-2
 9. 炮 3.3 車 6-7
 10. 車 2-3 炮 2-7
 11. 車 8.9 馬 3/2
 12. 炮 5.4 馬 2.3

Cờ cân bằng

Biến 2 :

7. 車 2.5 炮 7.3
 8. 兵 3.1 象 3.5
 9. 車 9-8 炮 2.2
 10. 車 2.2 車 6.6
 11. 馬 3.2 車 6-8
 12. 車 8.4 士 4.5
 13. 車 2.1 卒 7.1

Thế trận hai bên tương đương

Biến 3 :

7. 車 9-8 卒 7.1 8. 炮 3.3 炮 2-7
 9. 車 2.7 車 6.1 10. 兵 5.1 士 4.5
 11. 兵 5.1 卒 5.1 12. 馬 3.5 象 3.5
 13. 車 8.6 車 6.4

Hai bên đối công

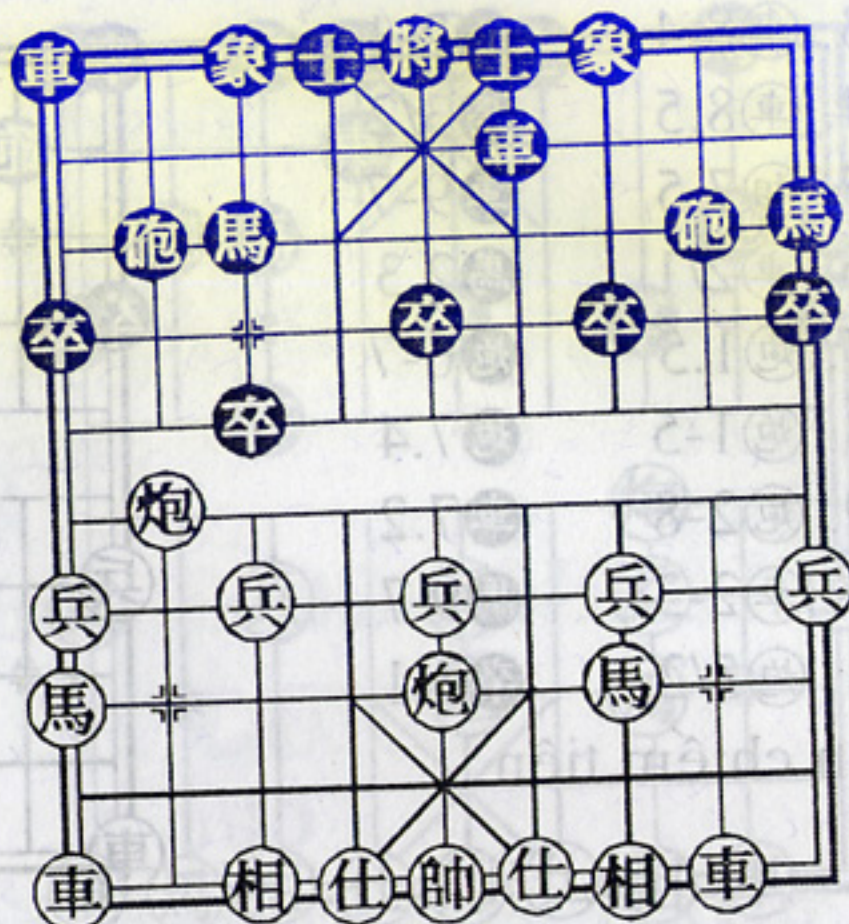
CỤC 7

TRẮNG LÊN MÃ ĐỐI SĨ 4 TIẾN 5

1. 炮 2-5 馬 2.3 2. 馬 2.3 卒 7.1
 3. 車 1-2 炮 8-6 4. 車 2.8 士 4.5
 5. 炮 8.2 炮 2/1 6. 車 2/1 馬 8.9
 7. 炮 8-2 象 3.5 8. 馬 8.7 炮 6.5
 9. 炮 5/1 卒 3.1 10. 炮 5-1 車 9.1

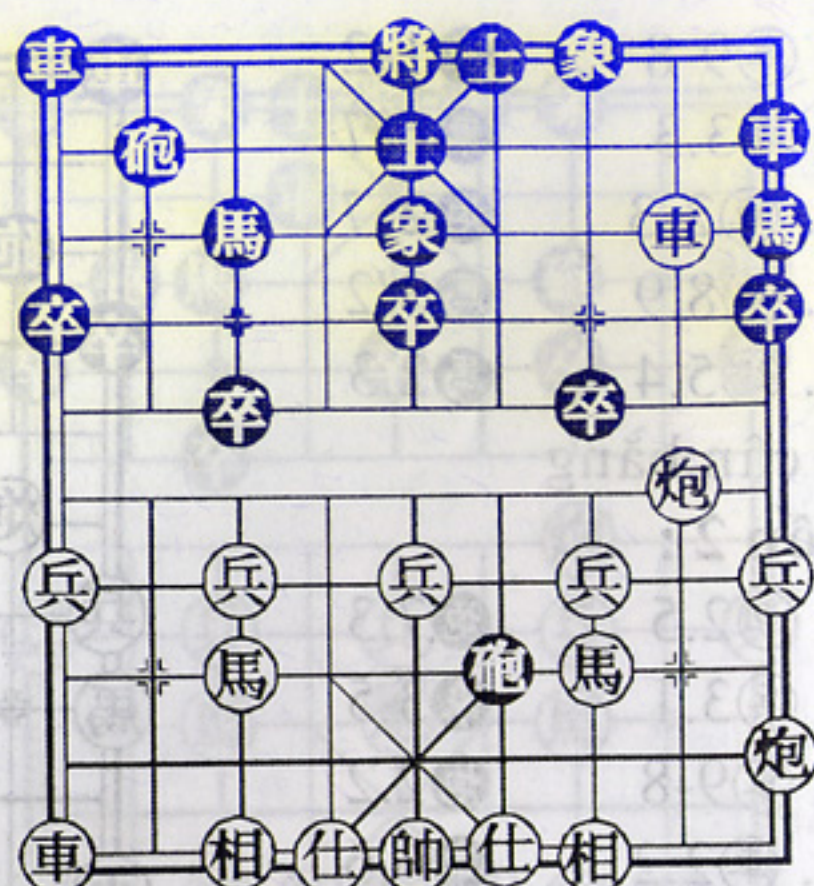
Hình vẽ

11. 車 9-8 車 1-2
 12. 仕 6.5 炮 6/5



13. 車8.4 炮2-1
 14. 車8.5 馬3/2
 15. 相7.5 車9-7
 16. 車2/1 馬2.3
 17. 炮1.5 炮6-7
 18. 炮1-5 炮7.4
 19. 炮2-8 車7.2
 20. 車2-3 馬9.7
 21. 炮5/2 卒3.1

Đen chiếm tiên



TIẾT 2

PHÁO BÊN TRÁI TUẦN HÀ ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CUNG NHANH

CỤC 1

TRẮNG BÌNH PHÁO ĐẢ TƯỢNG ĐỐI TƯỢNG 7 TIẾN 9

1. 炮2-5 馬2.3 2. 馬2.3 車9.1
 3. 車1-2 車9-4 4. 炮8.2 卒3.1
 5. 炮8-3 象7.9

hình vẽ (trang bên)

Biến 1 :

6. 車2.5 車4.3 7. 車2-6 馬3.4
 8. 炮5.4 馬4.6 9. 炮5/2 炮8.3
 10. 馬8.7 車1-2

11. 車9-8 炮2.6
Đen phản tiên, được thế
Biến 2

6. 車9.1
Phương án 1 :

6...卒7.1

7. 炮3-5 士4.5

8. 車9-4 車4.4

9. 車4.4 馬8.7

10. 車4.1 炮8/2

11. 炮t-1 象9/7

12. 兵5.1 車4-5

13. 馬8.7 馬3.4

15. 馬3.5 車5-4

17. 馬4.3 馬4.6

19. 相3.5 炮2-7

21. 車4-5 車4-3

23. 車5-4

Phương án 2 :

6...車1.1

7. 車9-4 車4-6

9. 車2-4 車1-6

Biến 3 :

6. 炮5.4 馬3.5

8. 炮3-5 炮2-5

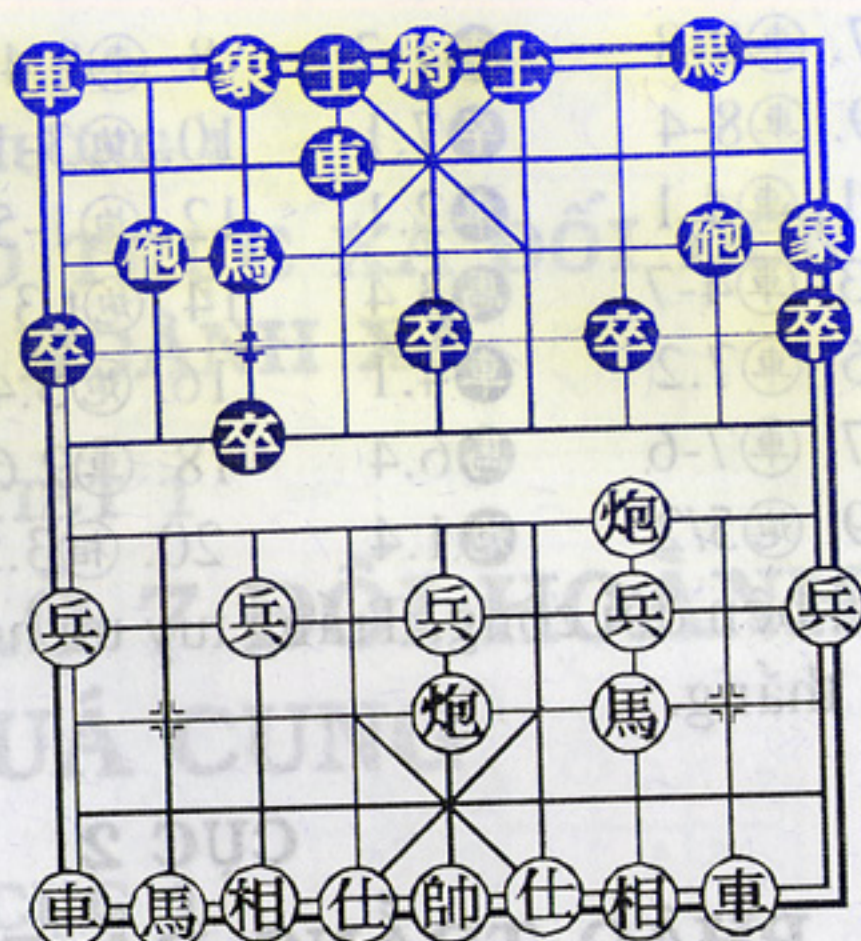
10. 兵3.1 車1-5

12. 仕6.5 車6.5

Đen chiếm ưu thế

Biến 4 :

6...馬8.6



14. 車4-3 象7.5

16. 馬5.4 車4.2

18. 車3-4 馬6.5

20. 車2.9 炮7-6

22. 炮1-5 車3/1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 車9-8 | 車1-2 | 8. 車8.4 | 炮2-1 |
| 9. 車8-4 | 卒7.1 | 10. 炮3-1 | 象9/7 |
| 11. 車4.1 | 車2.1 | 12. 炮1-5 | 炮8-5 |
| 13. 車4-7 | 馬3.4 | 14. 炮t.3 | 馬4/5 |
| 15. 車7.2 | 車4.1 | 16. 炮5.4 | 馬5.7 |
| 17. 車7-6 | 馬6.4 | 18. 車2.6 | 馬4/6 |
| 19. 炮5/2 | 炮1.4 | 20. 相3.5 | 車2.3 |

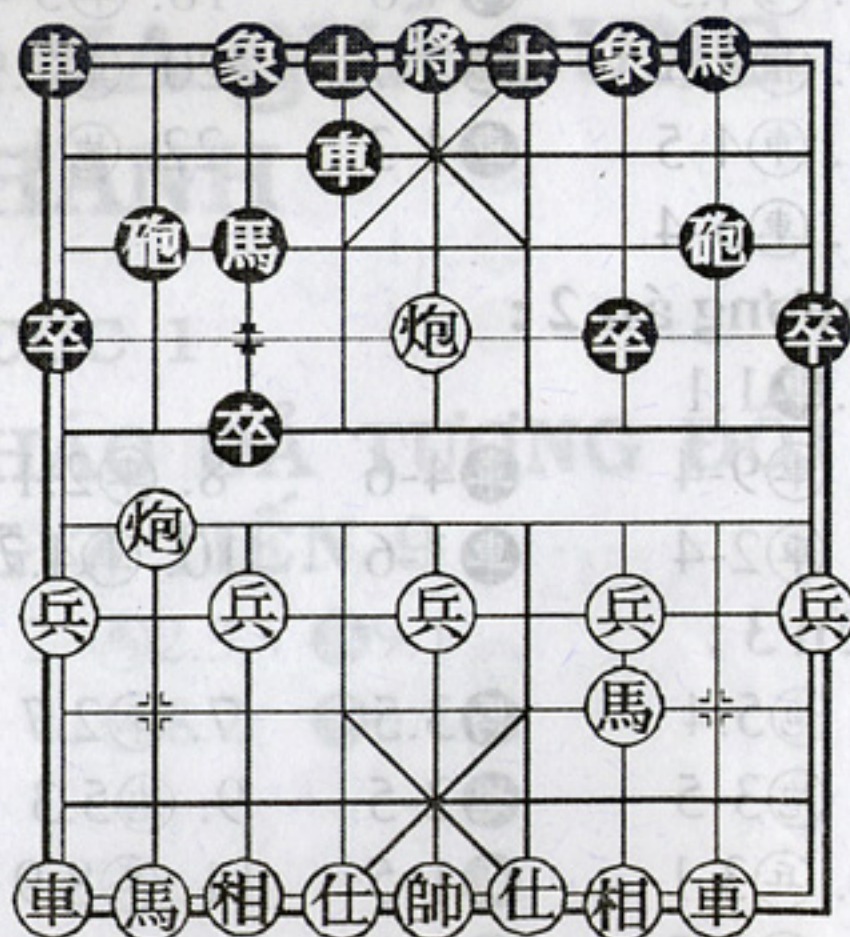
Hai bên đối công, Trắng tuy ưu hơn, nhưng cũng không dễ thắng.

CỤC 2

PHÁO TRẮNG ĐẢ TỐT ĐẦU ĐỐI PHÁO 2 BÌNH 5

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 車9-4 |
| 4. 炮8.2 | 卒3.1 |
| 5. 炮5.4 | |
- Hình vẽ
- | | |
|-----------|------|
| 5... 馬3.5 | |
| 6. 車2.7 | 炮2-5 |
| 7. 炮8-5 | 馬8.7 |
| 8. 車2/3 | 車4.7 |
| 9. 馬8.9 | 車1-2 |

Đen chiếm ưu thế.



CHƯƠNG 4

NGŨ THẤT PHÁO TRỰC XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

TIẾT 1

BÌNH PHÁO LỘ 7 ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CUNG

CỤC 1

TRẮNG BÌNH PHÁO ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 7

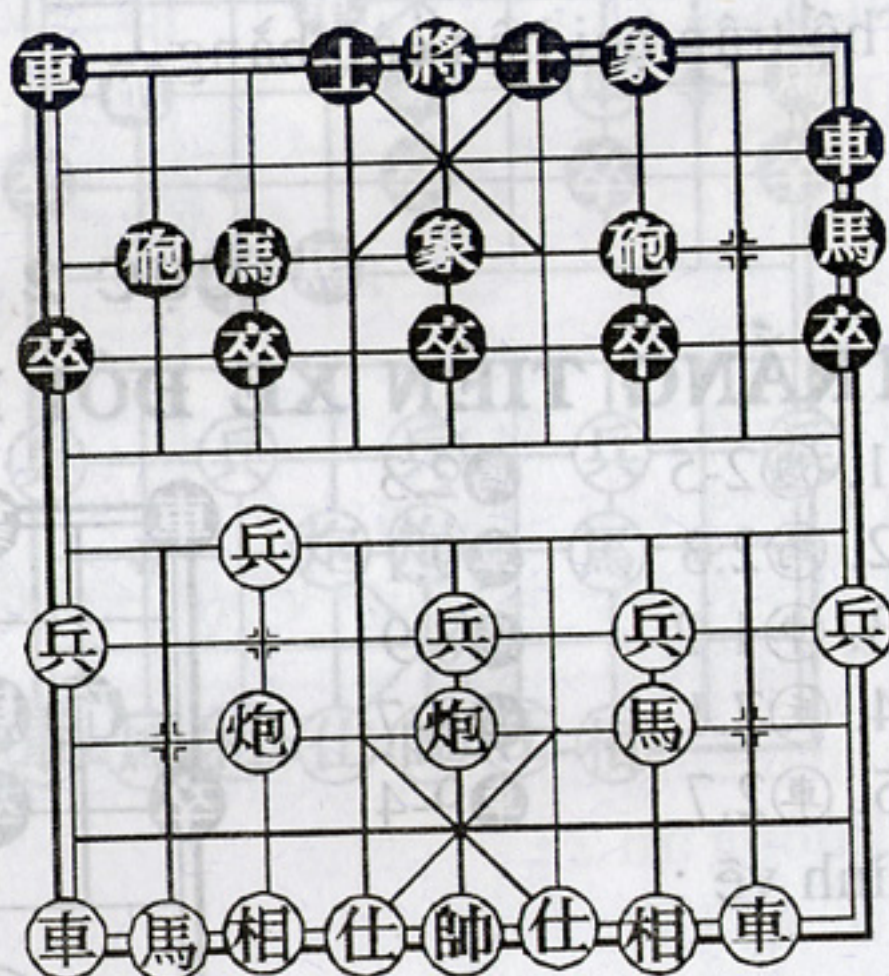
- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 兵7.1 | 炮8-7 |
| 5. 炮8-7 | 象3.5 |

hình vẽ

- | | |
|---------|------|
| 6. 車2.7 | 車9-4 |
|---------|------|

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 7. 車2-3 | 馬3/5 |
| 8. 車3-1 | 炮2-9 |
| 9. 炮5.4 | 車4.6 |
| 10. 馬3/5 | 炮9.4 |
| 11. 兵5.1 | 炮9.3 |
| 12. 相7.5 | 車4/4 |
| 14. 馬5.3 | 炮9/5 |
| 16. 仕6.5 | 車1-2 |



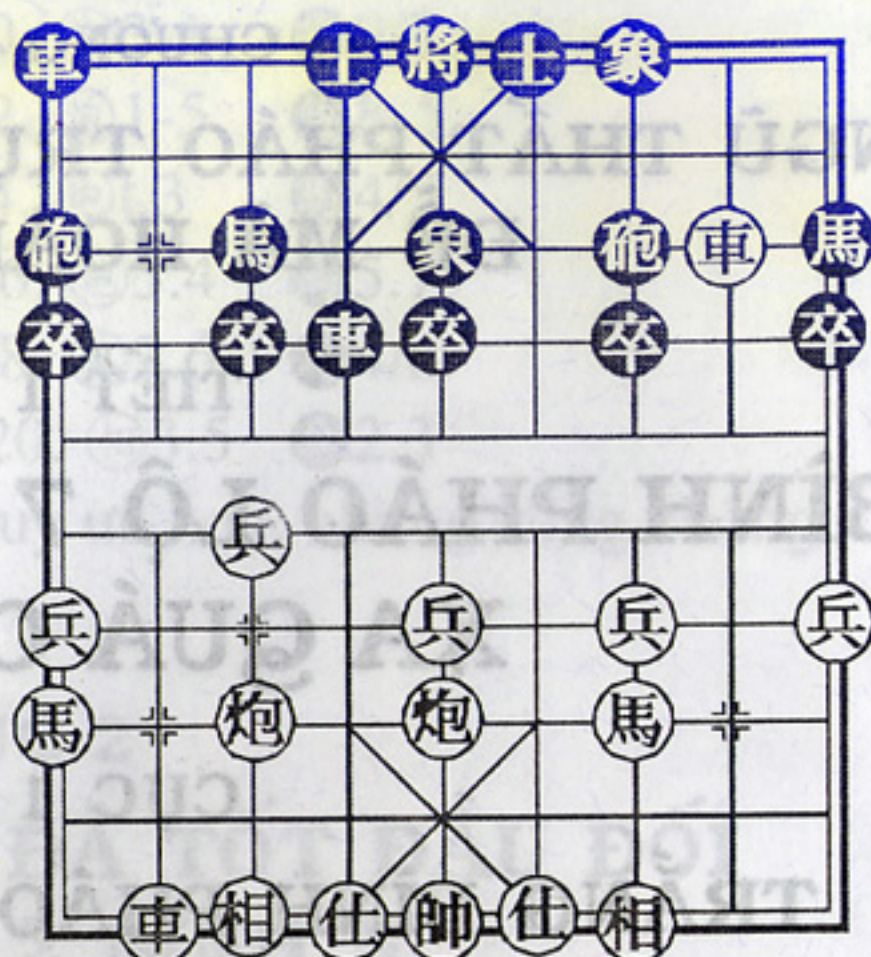
- | | |
|----------|------|
| 13. 兵5.1 | 卒7.1 |
| 15. 炮5-7 | 炮9-5 |
| 17. 馬8.9 | 車2.7 |

Đen tiên thủ

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|-----|---|-----|
| 7. 馬 | 8.9 | 炮 | 2-1 |
| 8. 車 | 9-8 | 車 | 4.2 |
| (hình vẽ) | | | |
| 9. 車 | 8.7 | 馬 | 3/5 |
| 10. 車 | 8.1 | 炮 | 7/1 |
| 11. 車 | 8/1 | 馬 | 5/3 |
| 12. 車 | 8-7 | 車 | 4/1 |
| 13. 車 | 7-6 | 馬 | 3.4 |
| 14. 炮 | 5.4 | 炮 | 7-5 |
| 15. 炮 | 5.2 | 士 | 4.5 |
| 16. 車 | 2/3 | 卒 | 3.1 |
| 17. 相 | 3.5 | 車 | 1-2 |

Thế trên hai bên cân bằng

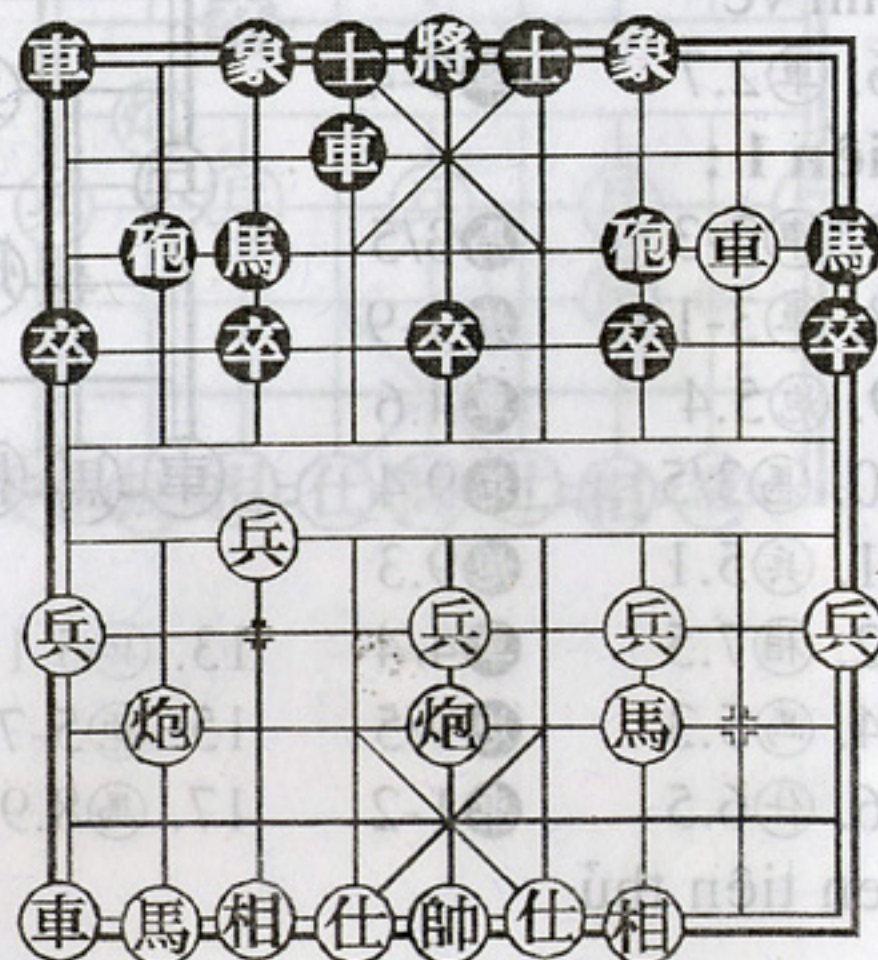


CUC 2

TRẮNG TIẾN XE ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 7

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 兵7.1 | 炮8-7 |
| 5. 車2.7 | 車9-4 |

Hình vẽ :

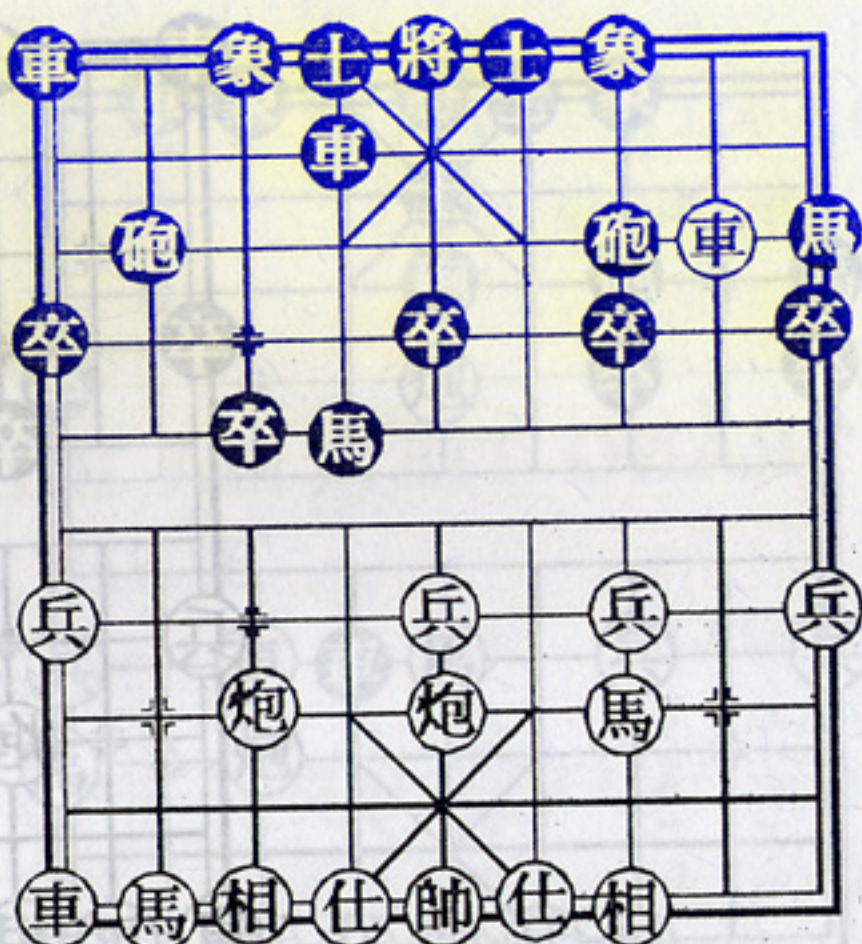


Biến 1 :

6. 兵 7.1 卒 3.1
7. 炮 8-7 馬 3.4

hình

8. 車 2-3 象 7.5
9. 炮 5.4 士 4.5



hình

10. 車 3.2 馬 4.6
11. 炮 5/2 將 5-4
12. 車 3-1 車 4.8
13. 帥 5.1 馬 6.7
14. 炮 7-4 車 1-2
15. 馬 8.7 車 4-6

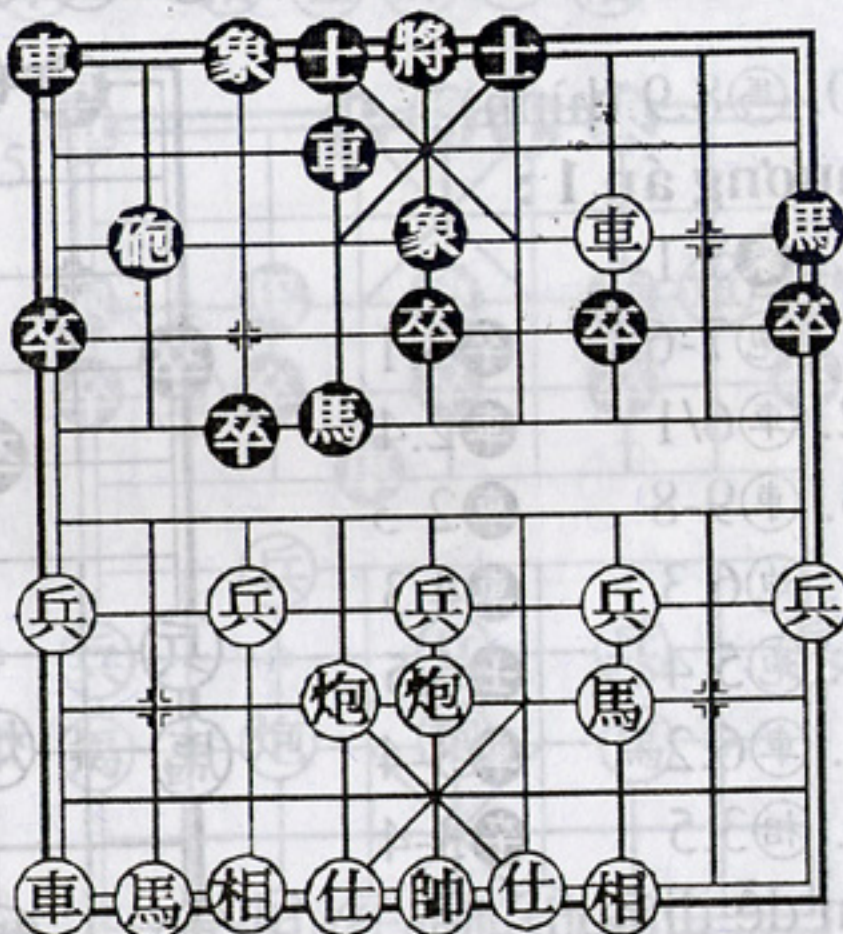
Đen thắng cuộc.

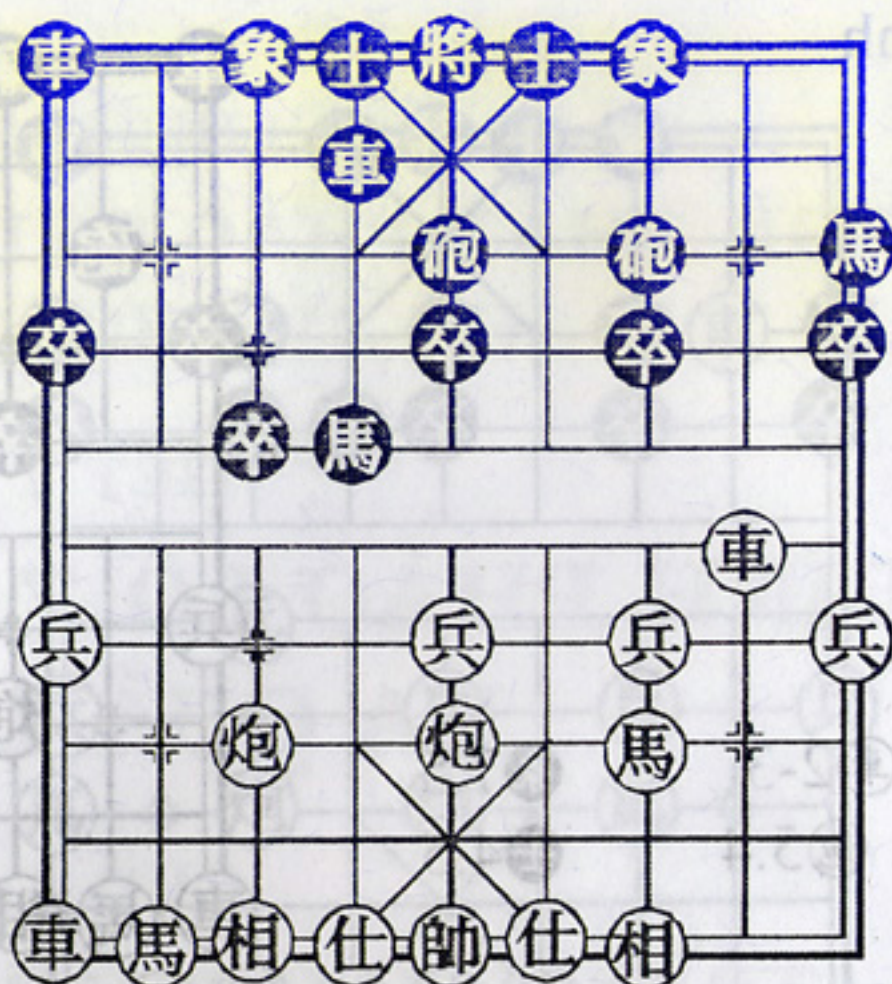
Biến 2 :

6. 兵 7.1 卒 3.1
7. 炮 8-7 馬 3.4
8. 車 2/3 炮 2-5

hình (trang bên)

9. 車 2-6 車 1-2





10. 馬8.9 (hình)

Phương án 1 :

10... 象3.1

11. 炮7-6 卒3.1

12. 車6/1 車2.4

13. 車9-8 車2-3

14. 炮6.3 車4.3

15. 炮5.4 士6.5

16. 車6.2 車3-4

17. 相3.5 卒3-4

Đen dễ đi hơn.

Phương án 2 :

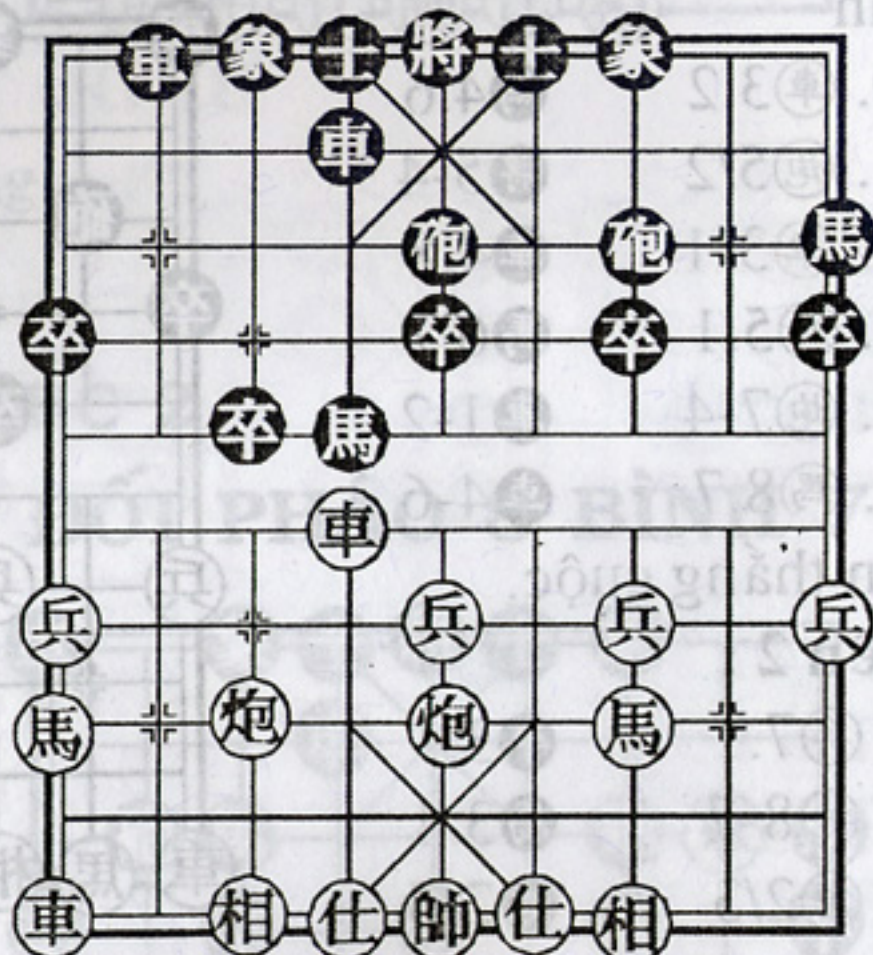
10... 卒3.1

11. 車6-7 馬4.5

12. 馬3.5 (hình trang bên) 炮5.4

13. 仕4.5 象3.1

14. 車7-5 車4.5



15. 車5.2 炮7-5
16. 炮7.1 士4.5
17. 炮7-5 炮5.4
18. 車9-8 車2-3

Đen có phần chủ động hơn.

Biến 3 :

Phương án 1 :

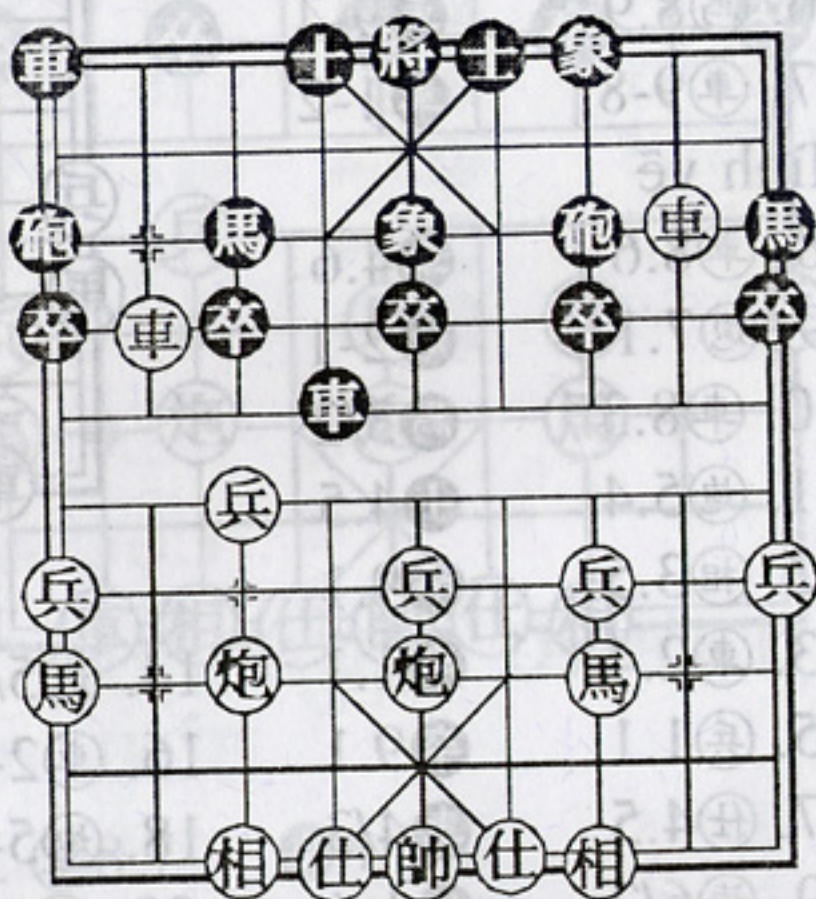
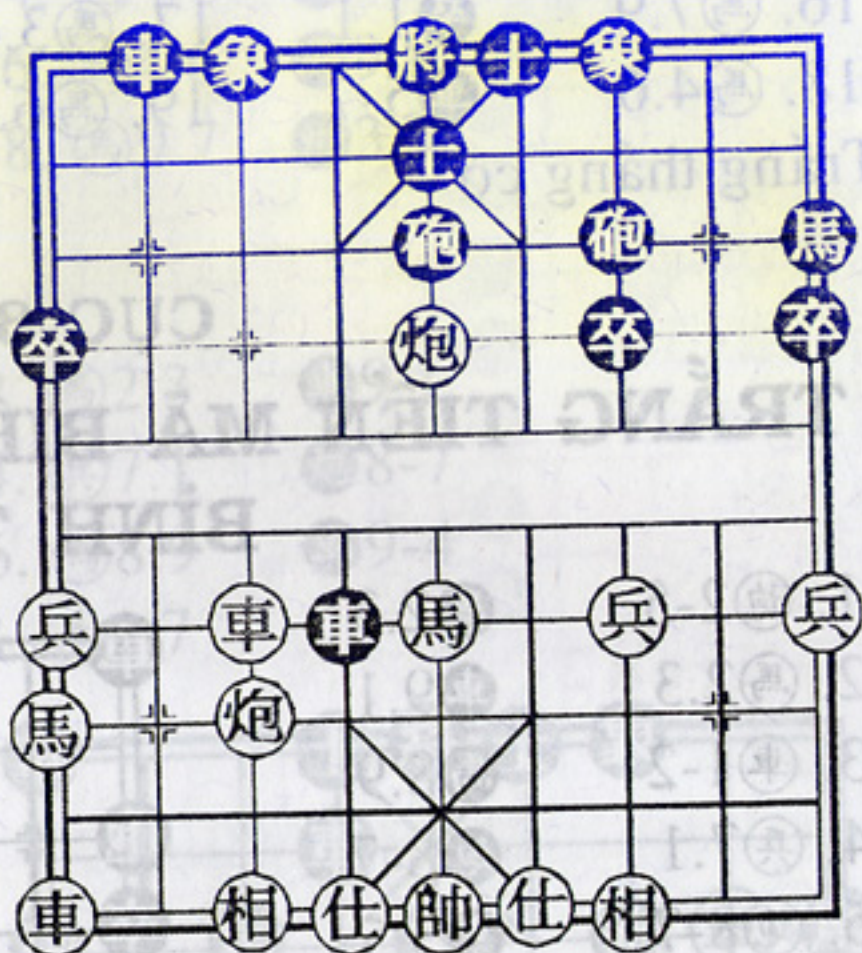
6. 炮8-7 車4.3
7. 馬8.9 象3.5
8. 車9-8 炮2-1

9. 車8.6 (hình) 士4.5
10. 車2-3 車1-2
11. 車8-7 馬3/4
12. 車3-1 炮1-9
13. 仕4.5 炮9-7
14. 士7-5 炮7.4
15. 車5-3 炮7.3
16. 馬3.4 車4-6

Đen phản tiên thủ.

Phương án 2 :

6. 炮8-7 車4.3
7. 仕4.5 象3.5
8. 馬8.9 炮7.4 9. 車9-8 車1-2
10. 車8.6 炮2-1 11. 車8-7 炮1.4
12. 炮7.1 炮7-3 13. 馬9.7 炮1.3
14. 車7.1 車4/1 15. 炮5-6 車4.3



16. 馬7.9 卒1.1 17. 馬3.4 車4-5

18. 馬4.6 車5-7 19. 馬6.5

Trắng thắng cờ

CỤC 3

TRẮNG TIỀN MÃ BIÊN ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 7

1. 炮2-5 馬2.3

2. 馬2.3 車9.1

3. 車1-2 馬8.9

4. 兵7.1 炮8-7

5. 炮8-7 象3.5

6. 馬8.9 車9-4

7. 車9-8 車1-2

Hình vẽ

8. 車8.6 車4.6

9. 炮7.1 炮2-1

10. 車8.3 馬3/2

11. 炮5.4 士4.5

12. 相3.5 卒9.1

13. 車2.4 卒1.1

15. 兵1.1 卒9.1

17. 仕4.5 車4/3

19. 炮6/2 炮1.4

21. 車5-4 卒3.1

23. 炮6-7 車3-2

25. 兵3.1 馬9.7

27. 兵3.1 車2-7

29. 相5.3 卒1.1

31. 炮7.1 炮1-2

14. 炮5/2 馬2.4

16. 車2-1 卒7.1

18. 炮5-6 馬4.5

20. 車1-5 馬5/3

22. 兵7.1 車4-3

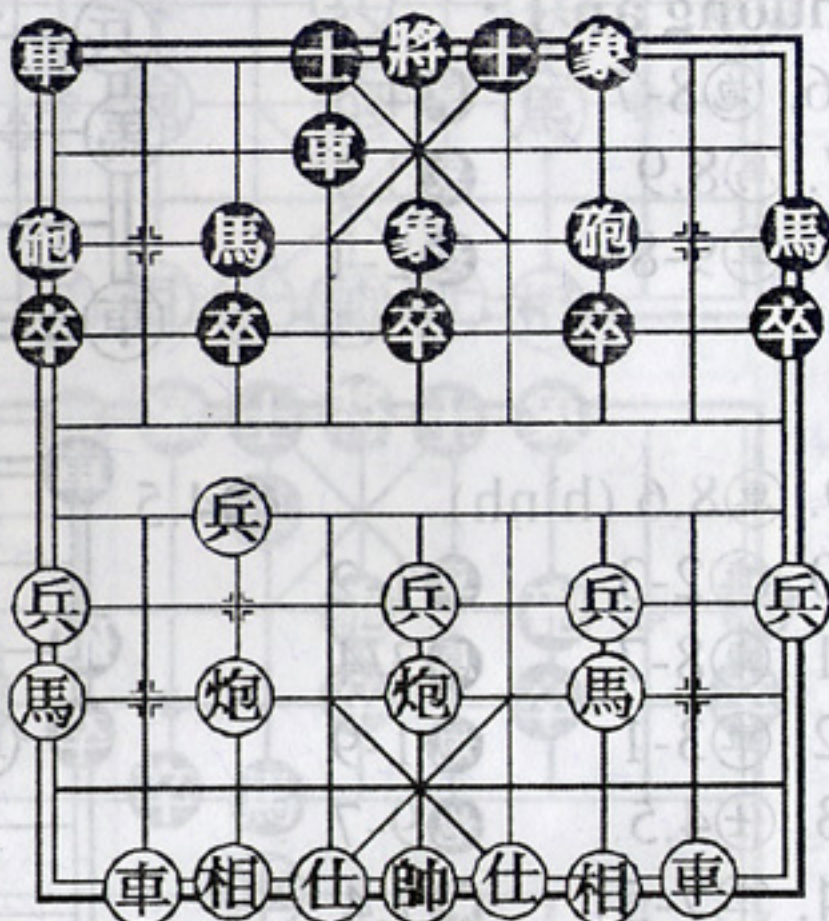
24. 炮s.5 炮7-3

26. 車4-7 炮3-4

28. 車7-3 車7.1

30. 相3/5 炮4-3

32. 炮7-4 象5.3



33. 炮4/3
35. 馬3.4
37. 炮3.5
39. 馬6/7

象7.5
卒1.1
炮3.1

34. 炮4-3 馬7.9
36. 馬4.6 馬9.8
38. 馬9.7 炮3.3

Biến 1 :

1. 炮2-5
3. 車1-2
5. 炮8-7
7. 車9-8

馬2.3
馬8.9
象3.5
炮2-1

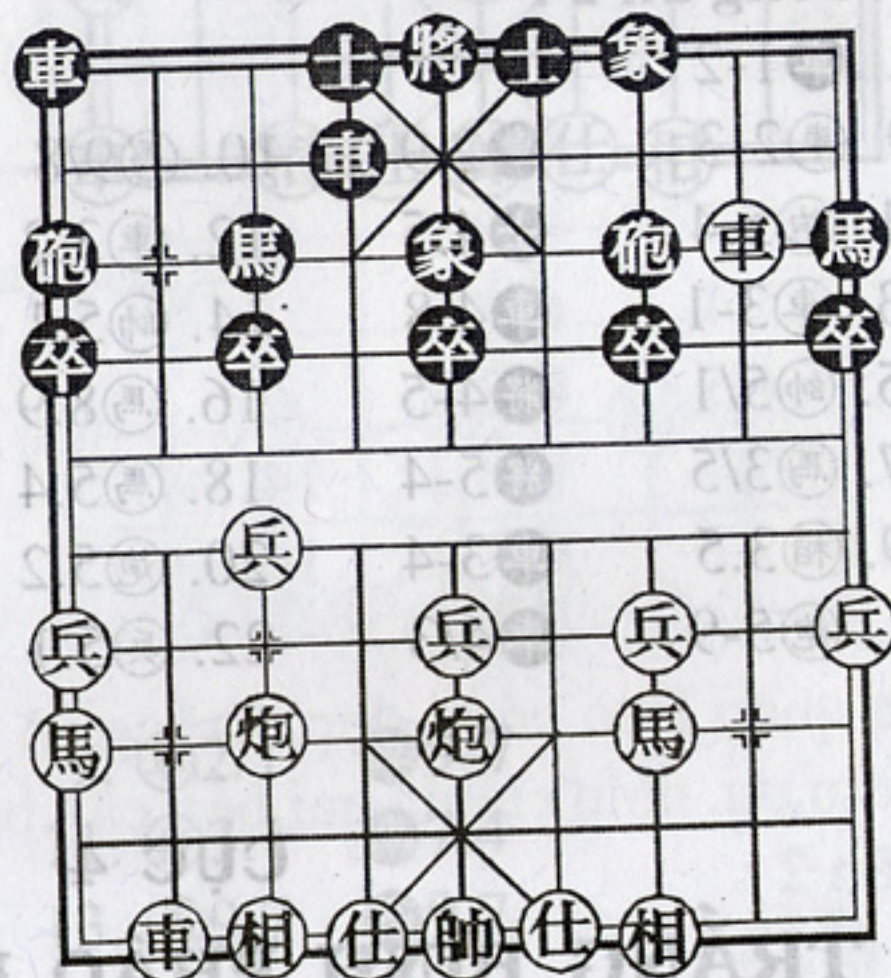
2. 馬2.3 車9.1
4. 兵7.1 炮8-7
6. 馬8.9 車9-4
8. 車2.7

Hình vẽ

8... 車4.2

9. 車8.7
10. 車8.1
11. 車8/1
12. 車8-7
13. 車7-6
14. 炮5.4
15. 炮5.2
16. 車2/3
17. 相3.5

馬3/5
炮7/1
馬5/3
車4/1
馬3.4
炮7-5
士4.5
卒3.1
車1-2



Hai bên cân bằng.

Biến 2 :

8... 士4.5

9. 車2-3
11. 車8-9
13. 炮5-1
15. 馬9.7
16. 馬7.5

馬3/4 10. 車8.7 車4-2
車1.2 12. 炮5.4 馬4.3
卒7.1 14. 炮7-5 馬3/4
車1-4

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 3 :

Phương án 1 :

8... 車 1-2

9. 車 8.9

11. 相 3.5

13. 炮 1-7

15. 相 5.3

17. 仕 4.5

19. 炮 t-1

21. 相 7.5

馬 3/2

車 4.2

馬 2.4

馬 4.5

車 4.3

象 7.9

車 4-2

10. 炮 5.4

12. 炮 5-1

14. 炮 t.2

16. 車 2/1

18. 炮 t/1

20. 兵 1.1

Trắng ưu

士 4.5

卒 7.1

卒 7.1

炮 7.1

馬 5.6

炮 1.4

Phương án 2 :

8... 車 1-2

9. 車 2-3

11. 炮 5.4

13. 車 3-1

15. 帥 5/1

17. 馬 3/5

19. 相 3.5

21. 炮 5-9

車 2.9

士 4.5

車 4.8

將 4-5

將 5-4

車 3-4

車 4/3

10. 馬 9/8

12. 車 3.2

14. 帥 5.1

16. 馬 8.9

18. 馬 5.4

20. 炮 5.2

22. 兵 5.1

馬 3/2

將 5-4

車 4/1

車 4/1

車 4-3

將 4-5

CỤC 4

TRẮNG BÌNH PHÁO ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 6

1. 炮 2-5

3. 車 1-2

5. 炮 8-7

7. 馬 8.9

馬 2.3

馬 8.9

象 3.5

Hình vẽ (trang bên)

2. 馬 2.3

4. 兵 7.1

6. 車 2.7

車 9.1

炮 8-6

士 4.5

Biến 1 :

7... 車 1-4

8. 車 9-8

10. 車 8.3

炮 2-1

炮 1/2

9. 車 2/3

11. 車 8.4

炮 1.4

炮 1-7

12. 馬9.8 車4-2
 13. 車8.2 馬3/2
 14. 馬8.7 炮7.3
 15. 炮7-3 馬2.3
 16. 兵5.1

Trắng chiếm tiên.

Biến 2 :

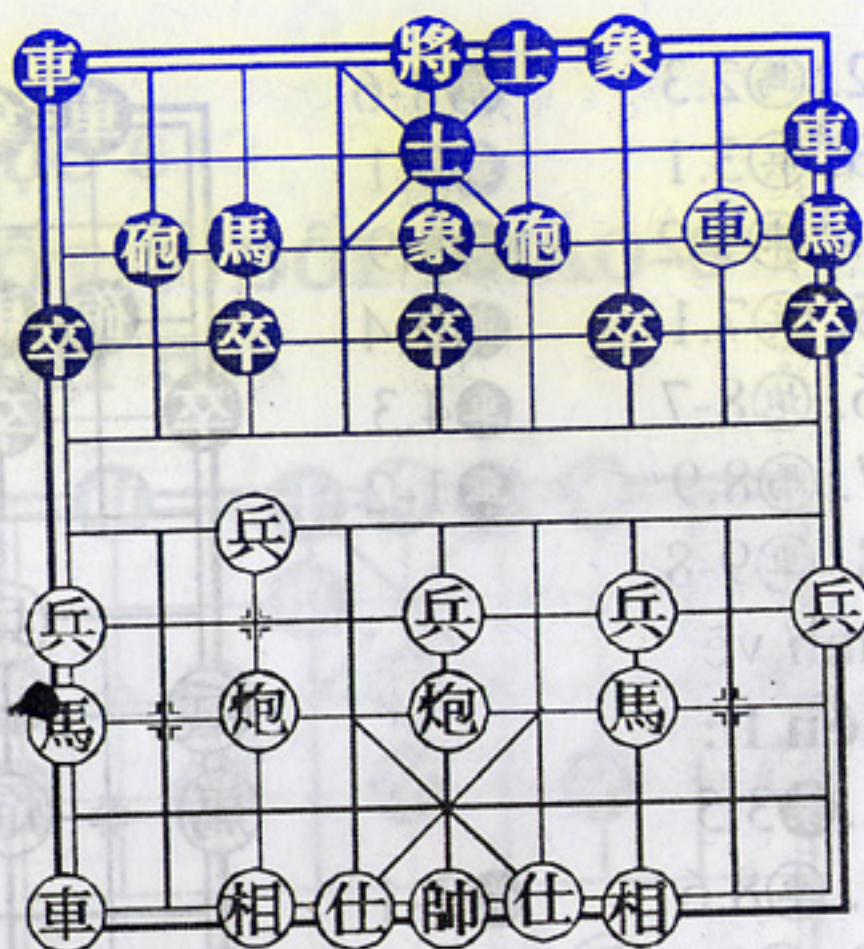
- 7... 車1-2 炮2.4
 8. 車9-8 卒7.1
 9. 兵5.1 車9-7
 10. 馬3.5 車7.2
 11. 兵5.1 炮2-7
 12. 兵5-4 馬3/2
 13. 車8.9
 14. 馬5.6

Trắng chiếm tiên thủ

Biến 3 :

- 7... 卒7.1 炮2-1 9. 車2/1 車9-7
 8. 車9-8 卒7.1 11. 兵3.1 車7.4
 10. 炮5.4 車7.1 13. 馬9.7 馬9.7
 12. 相3.5 馬7.6 15. 炮5-1 車1-4
 14. 馬7.5 車4.7 17. 仕4.5
 16. 車2-4

Trắng hoàn toàn chiếm tiên thủ.



CỤC 5

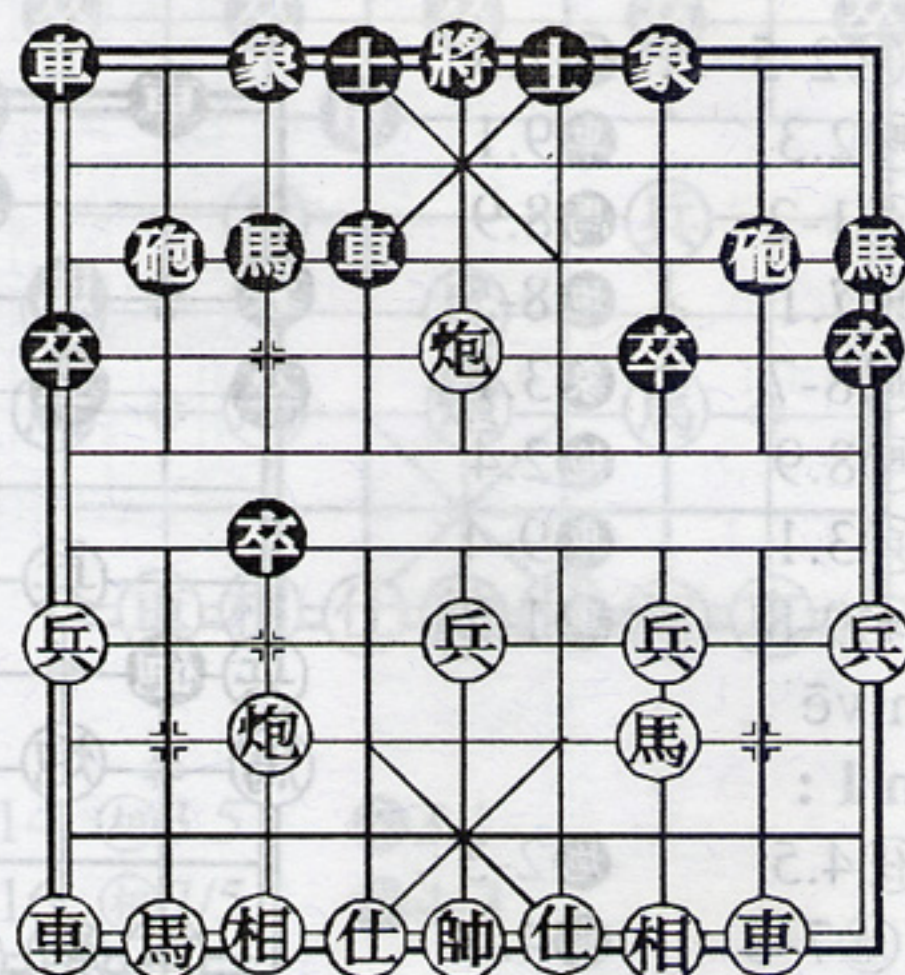
TRẮNG TIỀN TỐT 3 ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 6

1. 炮2-5 馬2.3

CỤC 7

TRẮNG ĐÁNH TỐT ĐẦU ĐỐI TỐT 3 TIẾN 1

1. 炮2-5 馬2.3
 2. 馬2.3 車9.1
 3. 車1-2 馬8.9
 4. 兵7.1 車9-4
 5. 兵7.1 卒3.1
 6. 炮8-7 車4.1
 7. 炮5.4 卒7.1
- Hình vẽ :
8. 炮7-5 炮2.5
 9. 炮t/2 卒3.1
 10. 馬8.7 車1-2
 11. 炮s-8 車2.7
 12. 車9.2 車2/3
 13. 車2.6 馬3.4
 14. 馬7/5 馬4.3
 15. 馬5.4 馬3.1
 16. 相7.9 車4-7
 17. 相9.7 車2-6
 18. 馬3/5 將5.1
 19. 兵3.1 車7-4
 20. 馬4.5 車4-5
 21. 車2.1 車6-5
 22. 炮5.3 象3.5
 23. 馬5.7 將5/1
 24. 相3.5 士6.5
 25. 仕6.5 卒1.1
 26. 車2/4



Biến 1 :

8. X2.4

phương án 1 :

- 8... 卒3-4
9. 炮7-5 馬3.2

10. 馬8.7	卒4.1	11. 仕4.5	卒9.1
12. 兵5.1	將5.1	13. 兵5.1	將5-4
14. 車2-7	士4.5	15. 車7.1	炮8.2
16. 車7.1	將4/1	hai bên đối công	

phương án 2 :

8...卒3.1			
9. 炮7-5	馬3.2	10. 馬8.9	卒3-4
11. 車2.1	馬2.4	12. 仕4.5	卒9.1
13. 車2/1	卒4.1	14. 仕5.6	馬4/5
15. 炮5.4	炮2.5	16. 仕6/5	車1-2
17. 車9-8	車2.4	18. 兵9.1	馬9.8
19. 車2-8	車2.1	20. 馬9.8	車4.1
21. 車8.2	車4-5	22. 兵3.1	象7.5

Thế trận hai bên cân bằng

Biến 2 :

8. 炮7-5

phương án 1 :

8...卒3.1			
9. 兵5.1	將5.1	10. 兵5.1	將5-4
11. 仕4.5	炮8-5	12. 炮s-6	車4.5
13. 仕5.6	馬3.5	14. 車2.4	炮5.2
15. 車2-6	炮2-4	16. 車6.1	炮5-7
17. 馬3/5	卒9.1	18. 車6-5	馬5/7
19. 車5-7	士4.5	20. 車7/2	將4/1
21. 馬8.7	象3.5	22. 車9-8	將4-5

Hai Xe trắng linh hoạt hơn, Trắng chiếm ưu

phương án 2 :

8...卒3.1			
9. 馬8.9	炮2.5	10. 兵5.1	將5.1
11. 車9-8	車1-2	12. 兵5.1	將5-4

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 13. 仕4.5 | 炮8-5 | 14. 炮s-6 | 車4.5 |
| 15. 仕5.6 | 馬3.5 | 16. 車2.4 | 卒3-2 |
| 17. 車2-6 | 將4-5 | 18. 仕6/5 | 炮5.2 |
| 19. 車6-5 | 車2.4 | 20. 馬3.5 | 馬5.7 |
| 21. 車5-4 | 將5/1 | 22. 帥5-4 | 士4.5 |
| 23. 車4.1 | 馬7.8 | 24. 馬5.7 | 炮5-3 |

Hai bên còn giăng co.
phương án 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8...卒3.1 | | | |
| 9. 炮t/2 | 象3.1 | 10. 車2.5 | 將5.1 |
| 11. 仕4.5 | 車4.2 | 12. 車2/1 | 炮8-4 |

Trắng có thể công
biến 3:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 車2.4 | 炮2-3 | 9. 車2-6 | 車1-2 |
| 10. 炮7.5 | 炮8-3 | 11. 馬8.9 | 卒3.1 |
| 12. 車6-7 | 車2.5 | 13. 車7-8 | 馬4.2 |
| 14. 仕6.5 | 車4.1 | 15. 炮5/2 | 馬2.3 |

Bên Đen ưu thế lớn

biến 4 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 兵3.1 | 炮2-3 | 9. 兵5.1 | 車1-2 |
| 10. 兵5.1 | 車2.8 | 11. 兵5-6 | 炮3.5 |
| 12. 馬3.5 | 炮3-2 | | |

Đen chiếm tiên

TIẾT 2

BÌNH PHÁO LỘ 7 ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CÙNG NHANH

CỤC 1

TRẮNG BÌNH PHÁO ĐỐI XE TUẦN HÀ BÌNH 2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 | 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 車9-4 | 4. 兵7.1 | 車4.3 |
| 5. 炮8-7 | 馬8.9 | 6. 兵7.1 | 車4-3 |
| 7. 炮5/1 | 卒9.1 | 8. 車2.6 | 炮8-6 |
| 9. 炮5-7 | 車3-2 | 10. 馬8.9 | 馬3/5 |
| 11. 炮t-5 | 馬5.7 | 12. 兵3.1 | 士4.5 |
| 13. 兵5.1 | 車2.2 | 14. 炮5.4 | 象3.5 |
| 15. 車2/5 | 車1-4 | 16. 兵5.1 | 卒3.1 |

biến 1 :

1. 炮2-5 馬2.3 2. 馬2.3 車9.1
3. 車1-2 車9-4 4. 炮8-7 車4.3
5. 馬8.9 車4-2

hình vẽ

6. ④車9.1 ⑤馬8.9
7. ④車9-6 ⑤卒9.1
8. ④車2.6 ⑤炮8-6

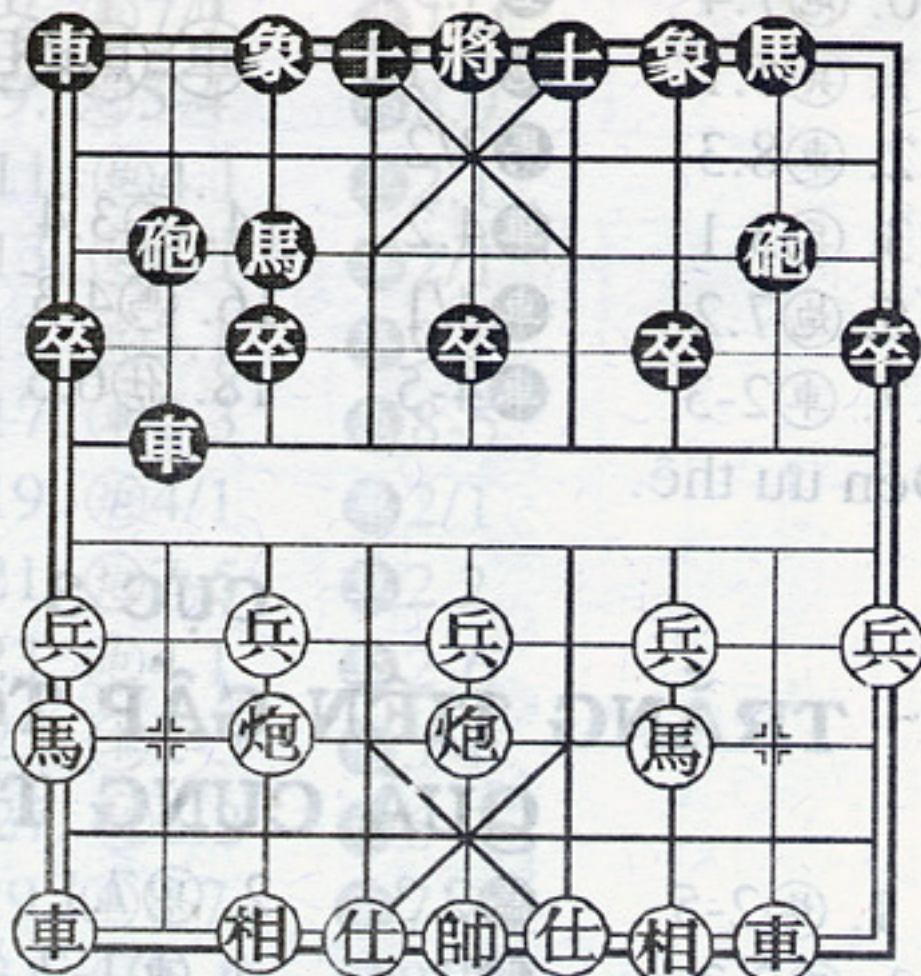
hai bên đối công

biến 2 :

- | | |
|-----------|-------|
| 6. 兵 7.1 | 馬 8.9 |
| 7. 兵 7.1 | 車 2-3 |
| 8. 炮 7.1 | 炮 2.5 |
| 9. 車 2.7 | 象 3.5 |
| 10. 車 9-8 | 車 1-2 |

biến 3 :

6. ⑤5.1 ⑥8.9

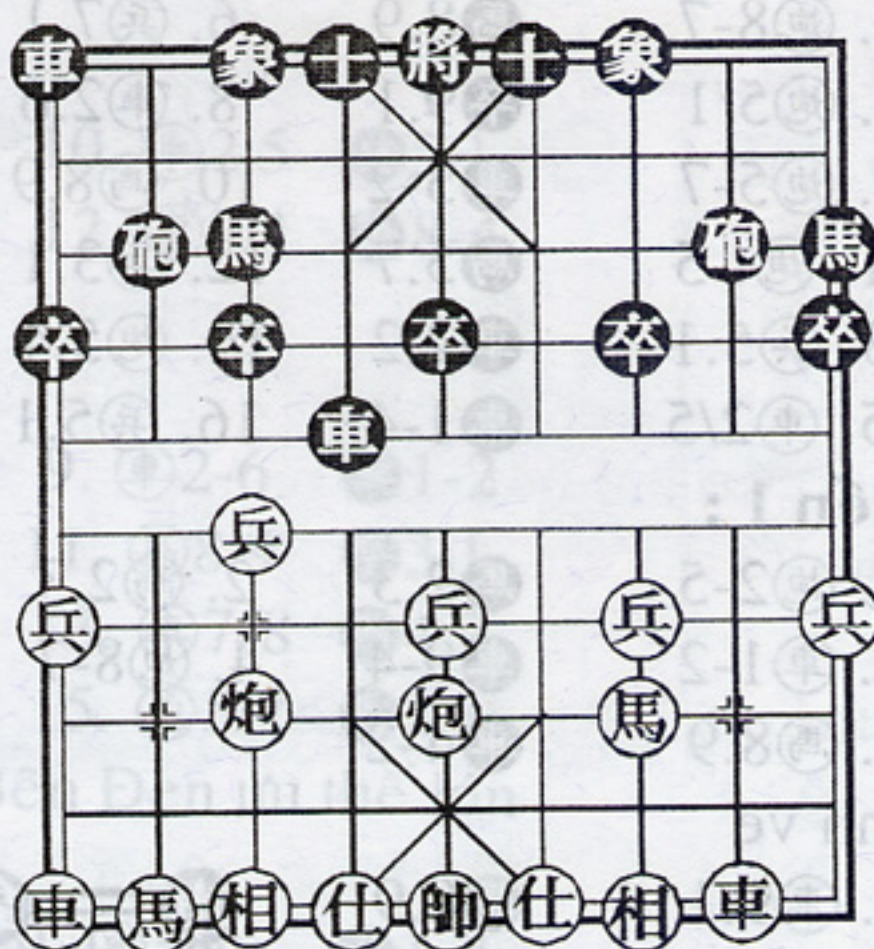


7. 馬 3.5 炮 8-5 8. 炮 7.4 車 2-3
9. 炮 5-7 車 3-4

CỤC 2

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI XE QUÁ CUNG TUẦN HÀ

1. 炮 2-5 馬 2.3
2. 馬 2.3 車 9.1
3. 車 1-2 車 9-4
4. 兵 7.1 車 4.3
5. 炮 8-7 馬 8.9
hình vẽ
6. 馬 8.9 卒 9.1
7. 車 2.6 炮 8-6
8. 車 9-8 車 1-2
9. 車 8.6 象 3.5
10. 炮 7.4 士 4.5
11. 兵 5.1 炮 2-1
12. 車 8.3 馬 3/2
13. 兵 3.1 車 4.2
15. 炮 7.2 車 4/1
17. 車 2-3 車 4-5



14. 馬 3.4 馬 2.4
16. 馬 4.3 馬 9.7
18. 仕 6.5 炮 1.4

Đen ưu thế.

CỤC 3

TRẮNG TIẾN GẤP TỐT 7 ĐỐI XE QUÁ CUNG TIẾN 6

1. 炮 2-5 馬 2.3 2. 兵 7.1 車 9.1
3. 馬 2.3 車 9-4 4. 車 1-2 士 4.5

5. 炮8-7

hình vẽ

biến 1 :

5... 象3.1

6. 馬8.9

7. 炮7.4

8. 仕4.5

9. 炮7-3

10. 車2.6

11. 炮3/2

12. 炮5-4

13. 相3.5

14. 炮4.1

15. 車9.1

車4.6

車1-4

車t-2

馬8.9

車4.4

象1/3

炮8-6

車2/1

車2.1

象3.5

16. 炮4/1

車2/1

Cục thế cả hai bên bình ổn.

biến 2 :

5... 象3.1

6. 馬8.9

8. 仕4.5

10. 相3.5

12. 兵9.1

14. 炮4.1

16. 炮4/1

18. 炮4.1

20. 仕5.6

22. 炮4/1

24. 炮5-6

26. 炮6-5

28. 車9-8

30. 車8-7

車4.6

車t-2

車2/1

車4.5

車2.1

車2/1

車2.1

車4.1

車2/4

車4-5

車6.3

炮2/2

車8.2

7. 炮7/1

9. 炮5-4

11. 炮4.1

13. 炮4/1

15. 兵3.1

17. 車2.3

19. 炮4/1

21. 炮7-5

23. 炮4.1

25. 車2-5

27. 炮5.2

29. 車8.7

31. 帥5.1

車1-4

馬8.9

車2.1

車2/1

卒9.1

炮8-5

車2/1

車2.2

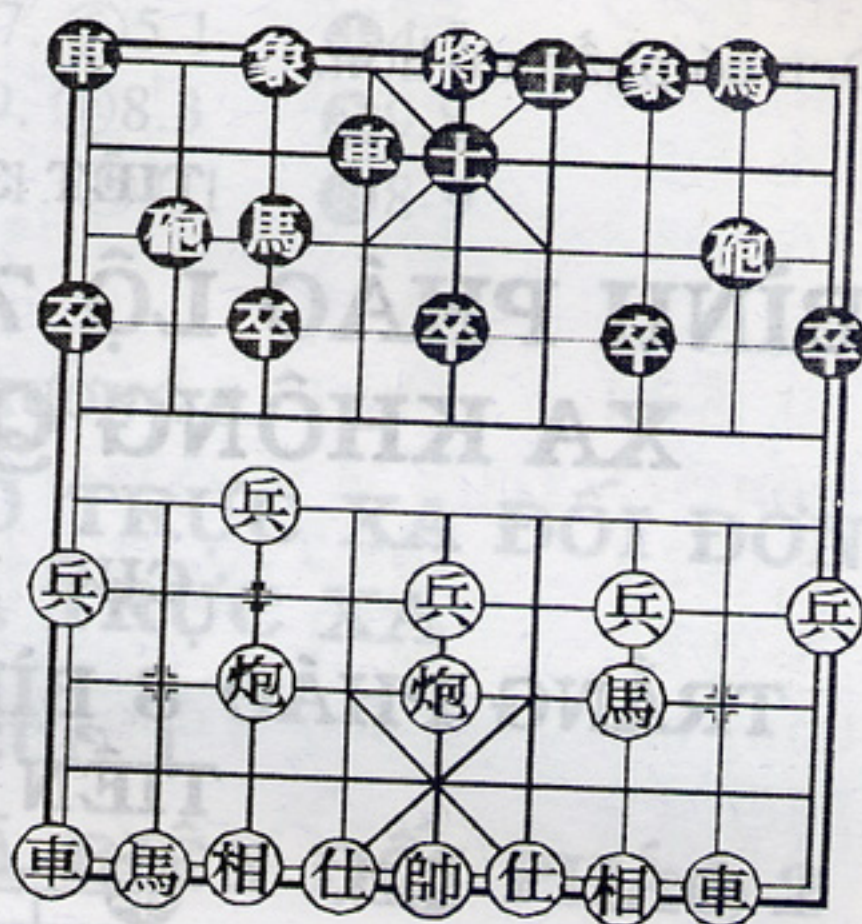
車2-6

炮5.4

車6-7

車7-8

車8/3



Đen có phần ưu hơn.

TIẾT 3

BÌNH PHÁO LỘ 7 ĐỐI HOÀNH XA KHÔNG QUÁ CUNG

CỤC 1

TRẮNG PHÁO 8 BÌNH 7 ĐỐI XE 6 TIẾN 3

1. 炮2-5 馬2.3

2. 馬2.3 車9.1

3. 車1-2 馬8.9

4. 兵7.1 車9-6

5. 炮8-7 車6.3

hình vẽ

biến 1 :

6. 兵7.1 車6-3

7. 炮5/1 卒9.1

8. 兵5.1 士4.5

9. 兵5.1 卒5.1

10. 相7.5 炮8-6

11. 馬3.5 象3.5

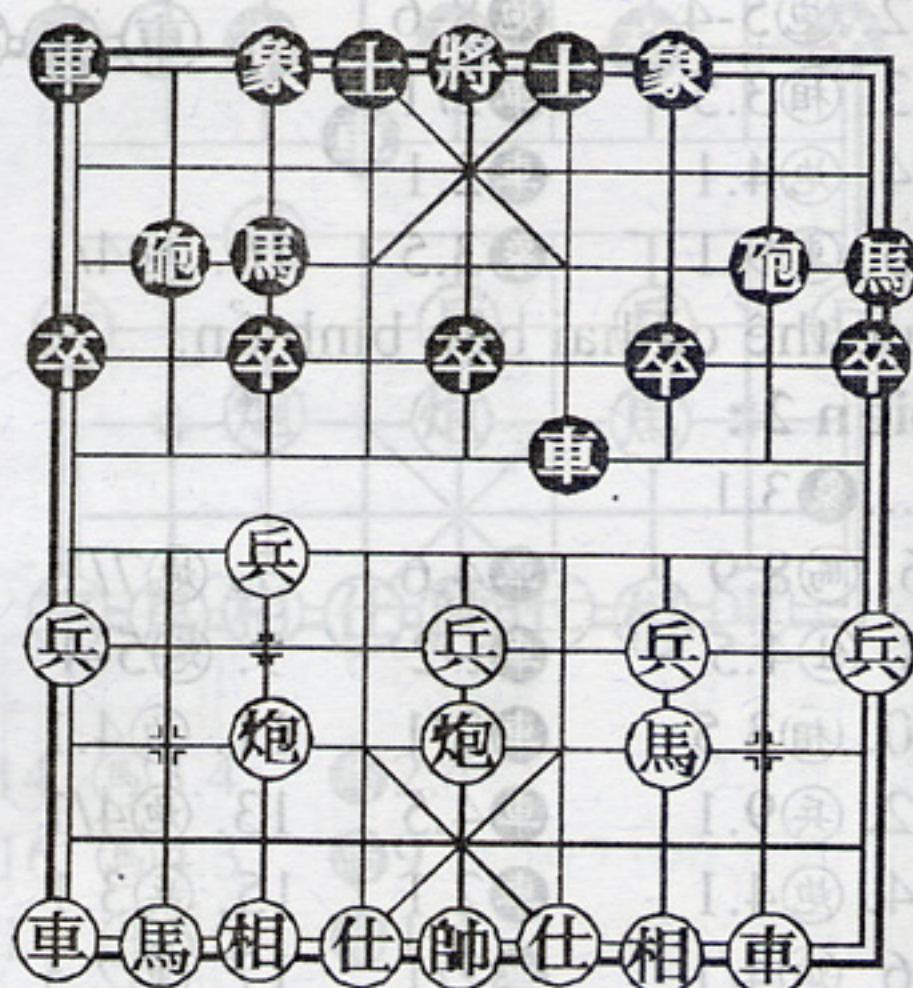
12. 馬8.9 卒5.1

13. 馬5.7 車3-4

15. 馬7/5 車4-5

17. 馬5.3 車5/1

19. 馬7/9 馬3/4



14. 炮5.3 卒3.1

16. 馬9.7 車1-4

18. 車9-8 車4.6

20. 炮5.3 馬4.5

đen nhiều quân chiếm ưu

biến 2 :

6. 馬8.9	卒9.1	7. 兵5.1	士4.5
8. 車9-8	車1-2	9. 車8.3	馬9.8
10. 車2-1	象3.5	11. 兵1.1	炮8-9

đối công

CHƯƠNG 5

NGŨ THẤT PHÁO TRỰC XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ TRỰC XA

CỤC 1

TRẮNG TIẾN MÃ BIÊN ĐỐI PHÁO 2 BÌNH 1

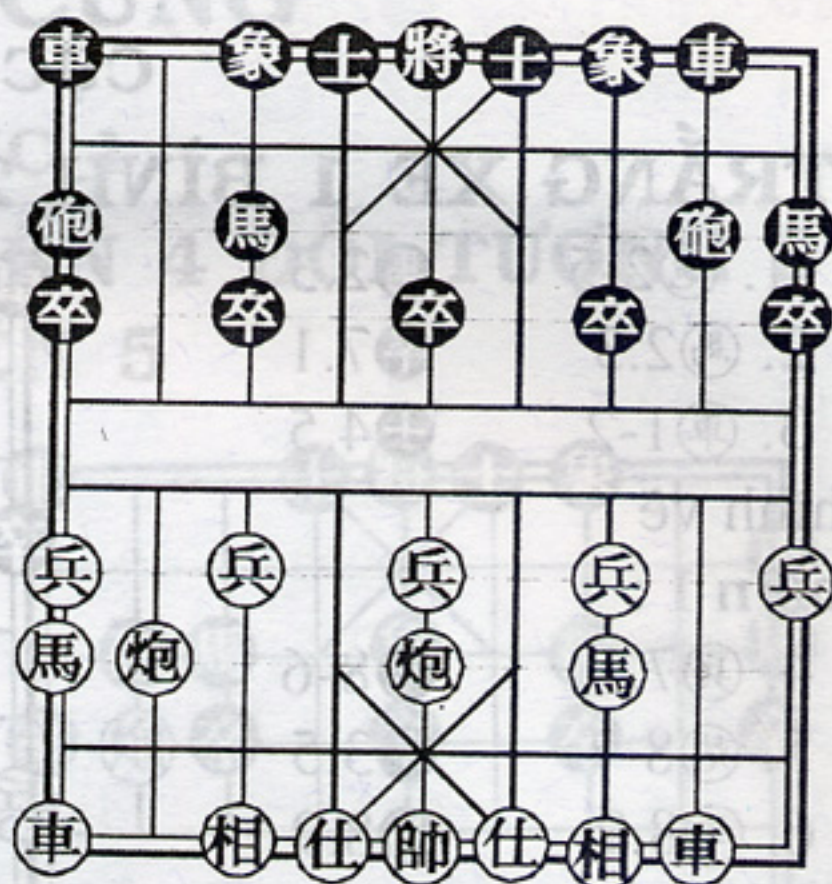
1. 炮2-5	馬2.3
2. 馬2.3	馬8.9
3. 車1-2	車9-8
4. 馬8.9	炮2-1

hình vẽ
biến 1

5. 炮8-7	車1-2
6. 兵7.1	象3.5
7. 兵3.1	炮1.4
8. 車9-8	車2.9
9. 馬9/8	炮8-6
10. 車2.9	馬9/8

cân bằng
biến 2

4... 象3.5			
5. 炮8-7	炮2.2		
6. 車9-8	炮2-3	7. 炮7.3	卒3.1
8. 兵3.1	車1.1	9. 馬3.4	車1-6



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 馬4.5 | 車6.2 | 11. 馬5.7 | 炮8-3 |
| 12. 車2.9 | 馬9/8 | 13. 兵5.1 | 炮3/1 |
| 14. 兵5.1 | 炮3-5 | 15. 兵5-6 | 卒9.1 |
| 16. 車8.4 | 馬8.9 | 17. 車8-6 | 炮5.6 |
| 18. 相3.5 | 馬9.8 | 19. 仕6.5 | 馬8.9 |
| 20. 兵9.1 | 馬9.7 | | |

biến 3

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 6. 車2.4 | 炮8-7 | 7. 車2-7 | 象3.5 |
| 8. 車7.2 | 炮1/1 | 9. 車7-6 | 車8.4 |

trắng nhiều tốt, đen vị đẹp, thế cân bằng.

biến 4

- | | | | |
|----------|------|----------|-------------|
| 6. 車9.1 | 車2.4 | 7. 車9-6 | 卒9.1 |
| 8. 車2.6 | 炮8-6 | 9. 車2.3 | 馬9/8 |
| 10. 車6.5 | 象3.5 | 11. 車6-7 | Trắng tiên. |

CỤC 2

TRẮNG XE 1 BÌNH 2 ĐỐI SĨ 4 TIẾN 5

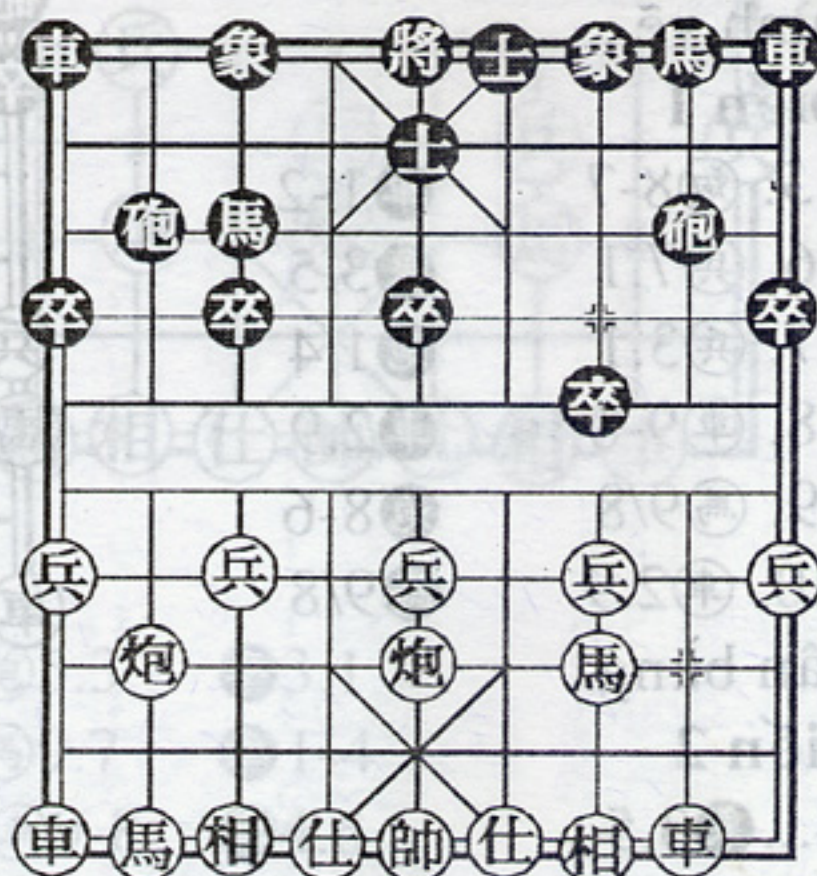
- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 3. 車1-2 | 士4.5 |

hình vẽ

biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 4. 兵7.1 | 炮8-6 |
| 5. 炮8-7 | 象3.5 |
| 6. 馬8.9 | 馬8.9 |
| 7. 車9-8 | 炮2-1 |
| 8. 車8.6 | 炮1/1 |
| 9. 車2.4 | 車9-8 |
| 10. 車2-6 | 車1-4 |

biến 2 :



hai bên cân bằng

4. 馬8.9 馬8.9 5. 炮8-7 車9-8
6. 車9-8 炮2-1 7. 車8.6 象3.5
8. 車8-7 炮1/1 9. 車7-6
trắng nhiều quân, chiếm ưu thế.

CHƯƠNG 6

NGŨ BÁT PHÁO TRỰC XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

TIẾT 1

TIẾN PHÁO LỘ 8 ĐỐI HOÀNH XA KHÔNG QUÁ CUNG VÀ QUÁ CUNG

CỤC 1

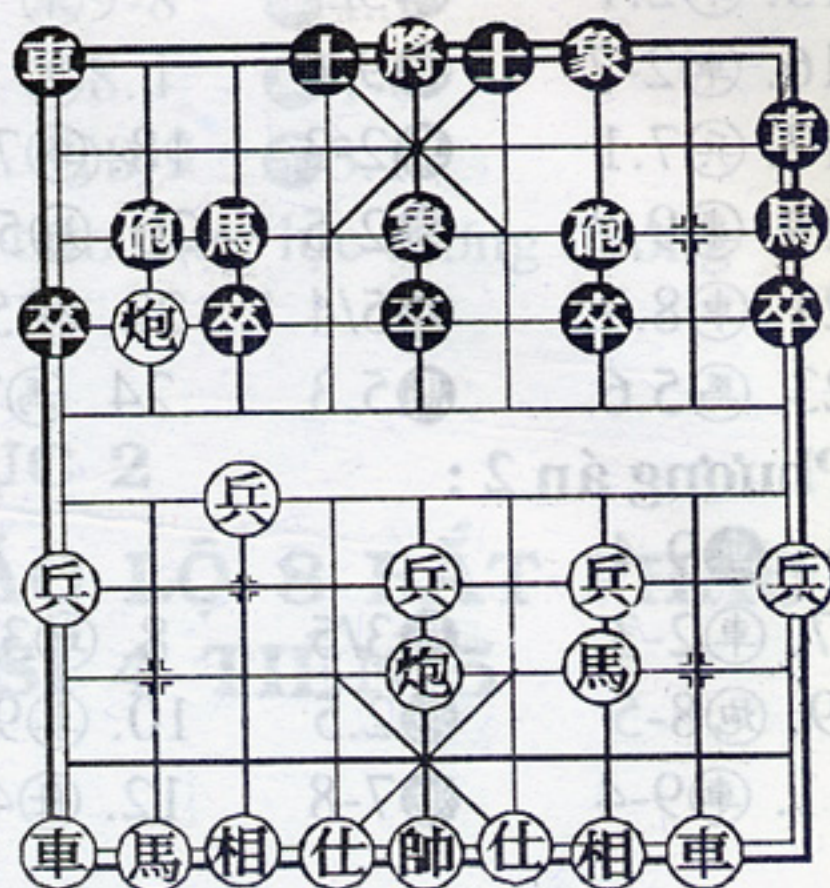
TRẮNG PHÁO 8 TIẾN 4 ĐỐI TƯỢNG 3 TIẾN 5

1. 炮2-5 馬2.3
2. 馬2.3 車9.1
3. 車1-2 馬8.9
4. 兵7.1 炮8-7
5. 炮8.4 象3.5

hình vẽ

Biến 1 :

6. 炮8-5 馬3.5
7. 炮5.4 士6.5
8. 兵5.1 車1-3
9. 馬8.7 卒3.1



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 馬7.5 | 車9-6 | 11. 車9-8 | 車6.3 |
| 12. 相7.5 | 卒9.1 | 13. 兵7.1 | 車3.4 |
| 14. 馬5.7 | 炮2-3 | 15. 兵5.1 | 車6-8 |
| 16. 車2.5 | 馬9.8 | 17. 馬3.5 | 馬8.6 |
| 18. 車8.3 | 炮7.4 | 19. 馬5.6 | 炮3.3 |
| 20. 車8-3 | 馬6/5 | 21. 兵5.1 | 車3-4 |
| 22. 相5.7 | 車4-5 | 23. 相7/5 | 車5/1 |

Biến 2 :

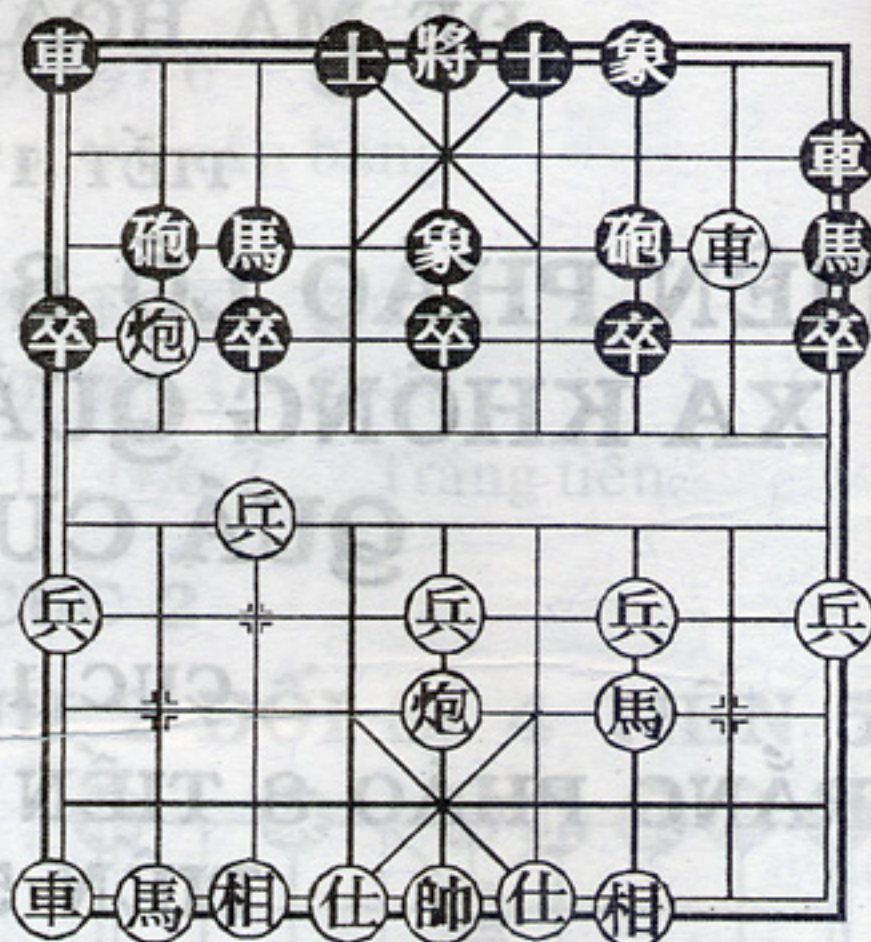
6. 車2.7 (hình)

Phương án 1 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 6... 士4.5 | | | |
| 7. 兵5.1 | 車1-4 | | |
| 8. 車2-3 | 車4.8 | | |
| 9. 車3-2 | 車4-2 | | |
| 10. 兵5.1 | 車2/5 | | |
| 11. 馬8.7 | 卒5.1 | | |
| 12. 馬3.5 | 馬3.5 | | |
| 13. 車2/3 | 車2.1 | | |
| 14. 車2.1 | 卒7.1 | | |
| 15. 車2.1 | 馬5/7 | | |
| 16. 車2-7 | 車9-6 | | |
| 17. 兵7.1 | 車2-3 | 18. 車7/1 | 象5.3 |
| 19. 車9-8 | 炮2-5 | 20. 炮5.3 | 馬7.5 |
| 21. 車8.9 | 士5/4 | 22. 炮5.2 | 象3/5 |
| 23. 馬5.6 | 馬5.3 | 24. 馬7.5 | 車6.5 |

Phương án 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 6... 車9-4 | | | |
| 7. 車2-3 | 馬3/5 | 8. 車3-1 | 象7.9 |
| 9. 炮8-5 | 炮2.5 | 10. 車9.1 | 炮2-7 |
| 11. 車9-4 | 炮7-8 | 12. 仕4.5 | 炮8/7 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 13. 帥5-4 | 象9/7 | 14. 車4-2 | 炮8-9 |
| 15. 車2.8 | 車4.3 | 16. 車2-1 | 車4-6 |
| 17. 帥4-5 | 車1-2 | 18. 馬8.7 | 車2.6 |
| 19. 兵5.1 | 車2-3 | 20. 馬7.5 | 車6/1 |
| 21. 兵5.1 | 車6-5 | 22. 兵5.1 | 車3-5 |
| 23. 兵5.1 | 象7.5 | 24. 車1/2 | |

phương án 3 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 6... 炮7.4 | | | |
| 7. 車2/4 | 炮7.3 | 8. 仕4.5 | 車9-6 |
| 9. 炮8-5 | 馬3.5 | 10. 炮5.4 | 士6.5 |
| 11. 車2/3 | 炮7/1 | 12. 馬8.7 | 車6.2 |
| 13. 炮5/1 | 車1.1 | 14. 馬7.6 | 車1-4 |
| 15. 馬6/5 | 炮2.6 | 16. 車9.2 | |

trắng chiếm ưu thế.

biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 馬8.7 | 車9-4 | 7. 兵5.1 | 士4.5 |
| 8. 仕4.5 | 車4.5 | 9. 兵5.1 | 卒5.1 |
| 10. 馬3.5 | 車4-2 | 11. 炮8/2 | 車1-4 |
| 12. 炮5.3 | 車4.3 | 13. 炮5-8 | 車2-5 |
| 14. 馬7.5 | 炮2.3 | 15. 車9-8 | 車4.3 |
| 16. 馬5.4 | 車4/2 | 17. 車8.4 | 車4-6 |
| 18. 炮8.2 | 卒3.1 | 19. 炮8-9 | 卒3.1 |
| 20. 車8.2 | 炮7-6 | | |

Hai bên thực lực tương đương

CỤC 2

TRẮNG TIẾN PHÁO LỘ 8 BẮT PHÁO ĐẦU ĐỐI SĨ 4 TIẾN 5

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |

12. 車8-6 車6-5 13. 車6.4 士5/4
14. 馬6.5 車1-2 15. 相3.5

CỤC 3

TRẮNG HOÀN ĐÁNH PHÁO ĐẦU ĐỐI XE 9 BÌNH 4

1. 炮2-5 馬2.3
2. 馬2.3 車9.1
3. 車1-2 馬8.9
4. 兵7.1 炮8-6
5. 炮8.4 車9-4
6. 炮8-5 馬3.5
7. 炮5.4 車4.2

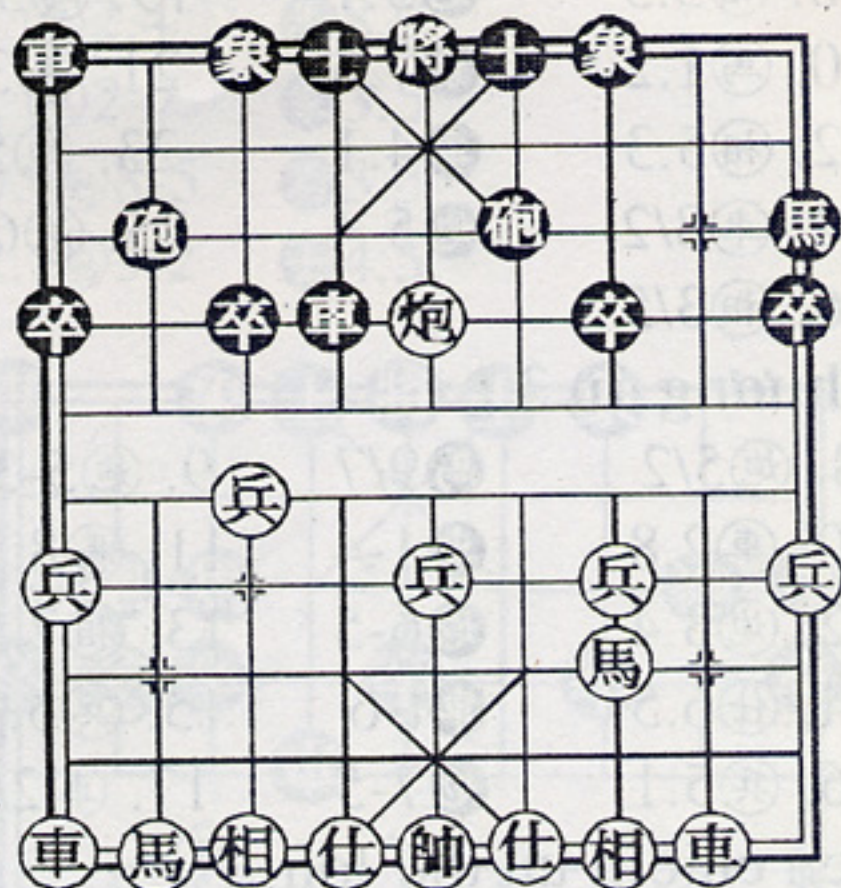
hình vẽ

Biến 1 :

phương án 1 :

8. 炮5/2 馬9/7
9. 炮5-3 車1.1
10. 車2.8 車1-4
11. 仕6.5 卒7.1
12. 相7.5 炮2.4
13. 馬8.7 炮2-7
14. 車9-6 車4-6
15. 兵5.1 車6.5
16. 車6.5 象7.9
17. 馬3.5 炮t-8
18. 車5/1 炮8.3
19. 相3.1 炮8.2
20. 兵5-6 炮8/3

12. 炮3.4 炮6-5
14. 兵5.1 車t.3
16. 炮3-4 車t-6
18. 車2-4 車6/5
20. 兵5.1 炮5-7
22. 車6-5 士6.5
24. 帥5-6 炮8/2
26. 馬7.8 車6.2
28. 帥6.1 車6/2
30. 馬8/7 炮7-5



31. ⑤5-6 ⑥5.5 32. ④1/3 ⑥5-7

phương án 2 :

8. ⑥5/2	⑦9/7	9. ⑥5-3	⑤1.1
10. ⑤2.8	⑤1-4	11. ④4.5	⑥7.1
12. ⑥3-4	⑥6-5	13. ⑦8.7	⑦7.6
14. ⑤2-6	⑤4/2	15. ⑤9-8	⑥2-3
16. ⑤8.5	⑦6.4	17. ⑥4-5	④4.5
18. ④3.5	⑥5.1	19. ⑦3/1	⑥3-6
20. ⑦1.2	④7.5	21. ④3.1	⑥7.1
22. ④5.3	⑤4.1	23. ⑥5-6	⑥6.2
24. ⑤8/2	⑥5-4	25. ⑥6-5	⑥4-5
26. ④3/5			

phương án 3 :

8. ⑥5/2	⑦9/7	9. ⑥5-3	⑤1.1
10. ⑤2.8	⑤1-4	11. ⑦8.7	⑥7.1
12. ⑥3.4	⑥6-5	13. ④7.5	⑥2/1
14. ④6.5	⑤t-6	15. ④5.1	⑥2-7
16. ④5.1	⑥7-5	17. ⑤2/3	⑤6.5

Đen chiếm ưu thế lớn

Biến 2 :

8. ⑥5/1	⑤4.1	9. ④5.1	⑥2.2
10. ⑥5.1	⑤4/1	11. ⑥5/1	⑥2-1
12. ④7.9	⑥3.1	13. ④7.1	⑤1-2
14. ⑦8.7	⑥1-5	15. ④5.1	⑤4.4

Đen có 2 Xe linh hoạt, chiếm ưu thế

TIẾT 2

TIẾN PHÁO LỘ 8 ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CÙNG NHANH

CỤC 1

TRẮNG TIỀN GẤP TỐT 7 ĐỐI XE 4 TIỀN 3

Biến 1 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 | 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 兵7.1 | 車9-4 | 4. 炮8.4 | 車4.3 |
| 5. 車1-2 | 卒3.1 | 6. 車2.4 | 馬8.9 |
| 7. 馬8.7 | 卒3.1 | 8. 車2-7 | 象3.5 |
| 9. 車7.2 | 炮2/1 | 10. 炮8-5 | 馬3.5 |
| 11. 炮5.4 | 炮2-5 | 12. 炮5.2 | 士4.5 |

Biến 2

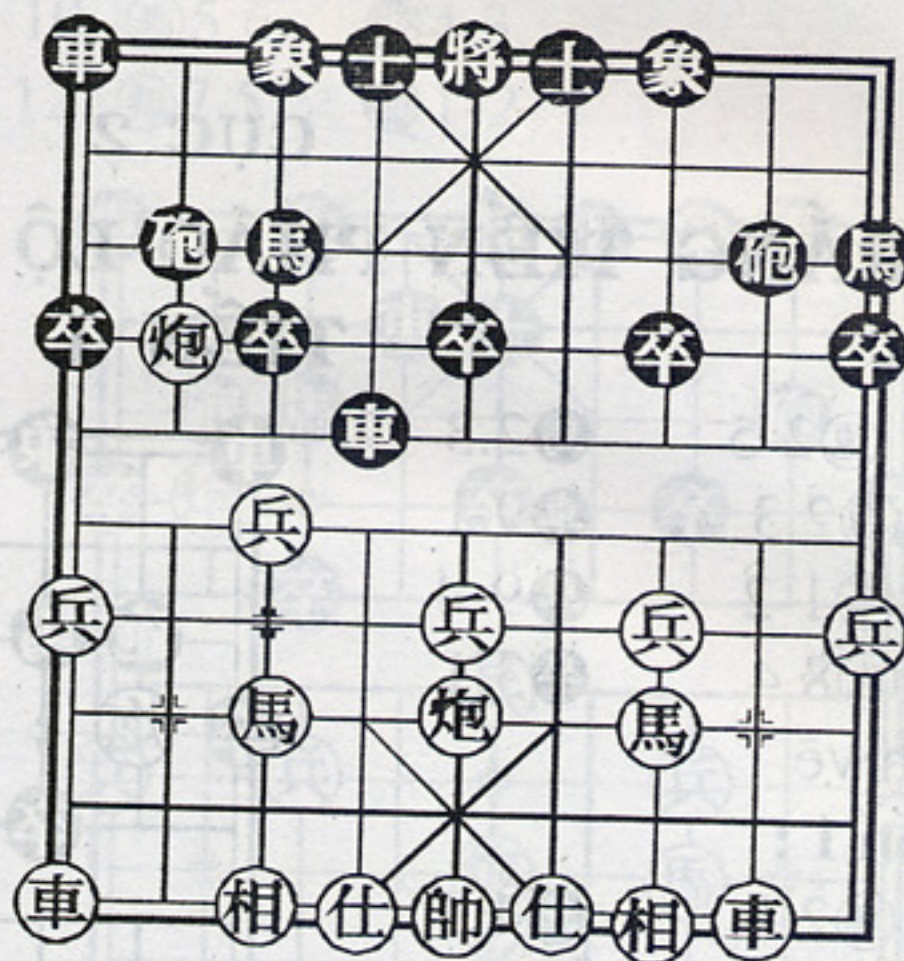
- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 兵7.1 | 車9-4 |
| 4. 車1-2 | 車4.3 |
| 5. 馬8.7 | 馬8.9 |
| 6. 炮8.4 | |

hình vẽ

6...士4.5

- | | |
|----------|------|
| 7. 炮8-5 | 馬3.5 |
| 8. 炮5.4 | 象3.5 |
| 9. 相7.5 | 卒9.1 |
| 10. 車2.4 | 馬9.8 |
| 11. 車2-6 | 車4.1 |
| 12. 馬7.6 | 馬8.6 |
| 14. 馬5.7 | 車4.3 |
| 16. 兵5.1 | 炮8.3 |

- | | |
|----------|------|
| 13. 馬3/5 | 車1-4 |
| 15. 炮5/1 | 車4.1 |
| 17. 兵3.1 | 馬6/5 |



Đen chiếm ưu thế.

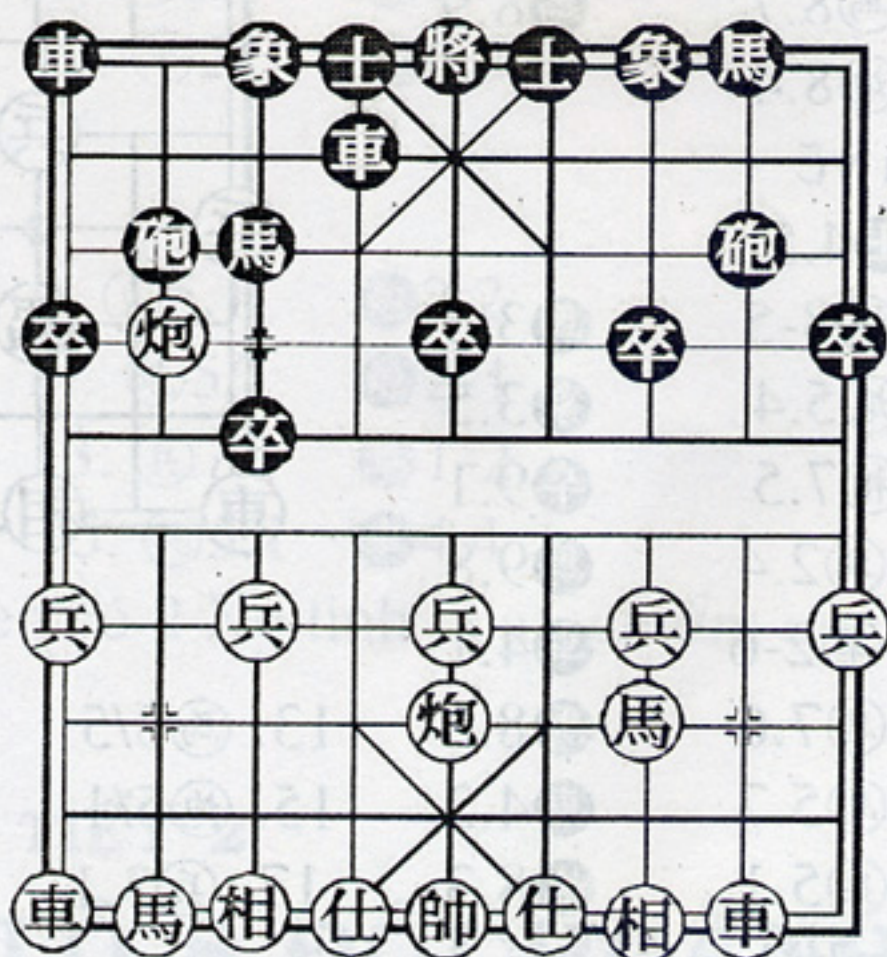
Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|---------------------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 | 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 兵7.1 | 車9-4 | 4. 車1-2 | 車4.3 |
| 5. 馬8.7 | 馬8.9 | 6. 炮8.4 | 士4.5 |
| 7. 炮8-5 | 馬3.5 | 8. 炮5.4 | 象3.5 |
| 9. 兵5.1 | 卒9.1 | 10. 炮5/1 | 車4.2 |
| 11. 馬3.5 | 卒3.1 | 12. 兵7.1 | 車1-3 |
| 13. 車9-8 | 車3.4 | 14. 車2.2 | 炮8-6 |
| 15. 車8.4 | 馬9/7 | 16. 車2-4 | 車3/1 |
| 17. 仕4.5 | 炮2-3 | 18. 車8.5 | 車4/6 |
| 19. 車8-6 | 將5-4 | 20. 車4-6 | 將4-5 |
| 21. 相3.5 | 車3.3 | Đen có phần ưu hơn. | |

CỤC 2

TRẮNG TIẾN PHÁO LỘ 8 ĐỐI TỐT 3 TIẾN 1

- | | |
|----------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 車9-4 |
| 4. 炮8.4 | 卒3.1 |
| hình vẽ | |
| Biến 1 : | |
| 5. 車2.5 | 車4.3 |
| 6. 車2-6 | 馬3.4 |
| 7. 炮5.4 | 卒3.1 |
| 8. 炮8/1 | 卒3-4 |
| 9. 兵3.1 | 炮2-6 |
| 10. 馬3.4 | 車1-2 |
| 11. 炮8-7 | 象3.1 |
| 12. 炮7.1 | 車2-3 |



13. 馬4.6 車3.3 14. 馬6/4 炮6.2
Đen chiếm ưu thế rất lớn

Biến 2 :

5. 炮8-3 馬8.9 6. 馬8.9 車4.3
7. 兵3.1 卒9.1 8. 車2.6 炮8-6
9. 炮3.1 象3.5 10. 車9-8 炮2-1
11. 車8.4 士4.5 12. 馬3.4 車4-8
13. 車2/1 馬9.8 14. 炮3-2 馬8.6
15. 車8-4 炮1.4
Thế trận hai bên cân bằng

Biến 3 :

5. 馬8.7 馬8.9 6. 兵5.1 炮8-5
7. 馬7.5 馬3.4 8. 兵5.1 炮5.2
9. 炮5.3 卒5.1 10. 馬5.6 車4.3
11. 車2.4 炮2-5 12. 相7.5 車1-2

Đen chiếm ưu thế

Biến 4 :

5. 兵5.1 士4.5

hình vẽ

Phương án 1 :

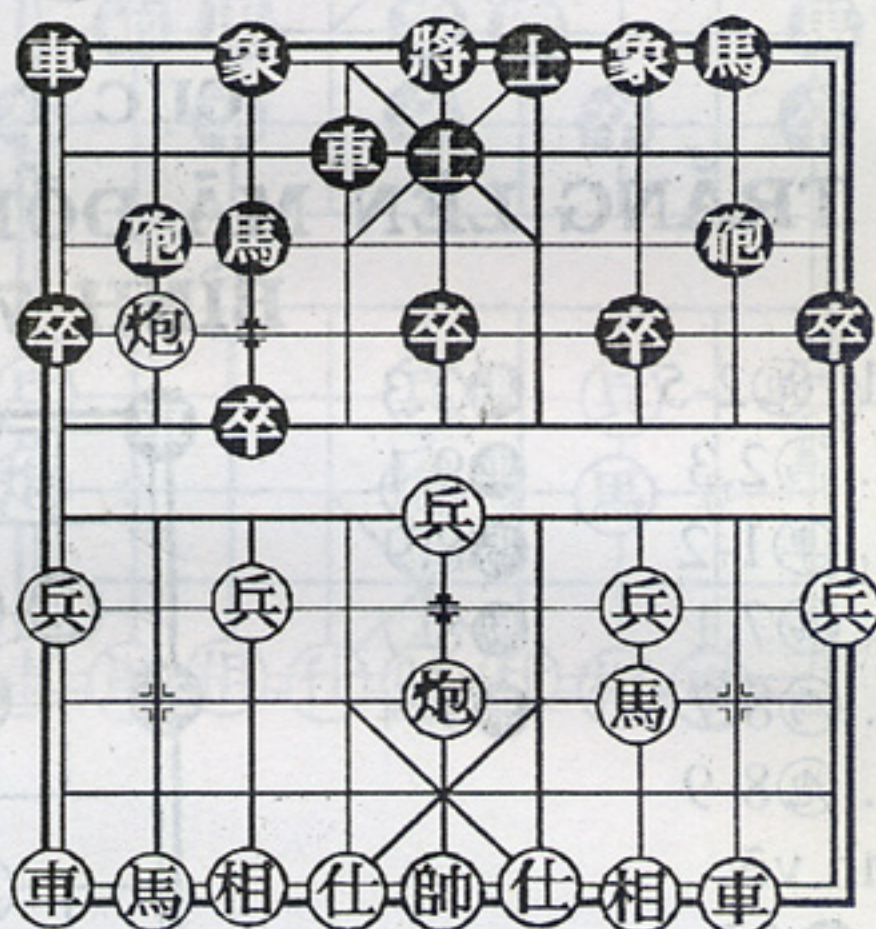
6. 兵5.1 卒5.1
7. 車2.5 車4.2
8. 炮8/2 車4.2
9. 炮8.2 卒5.1
10. 車2-7 象3.5
11. 車7.1 炮2/1

Đen chiếm ưu thế

phương án 2 :

6. 車2.5 馬8.9
7. 車2-7 象7.5 8. 車7.1 炮2/1

Đen không yếu chút nào



phương án 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------------------|------|
| 6. 馬8.7 | 馬8.9 | 7. 馬3.5 | 炮8-5 |
| 8. 兵7.1 | 馬3.4 | 9. 兵7.1 | 馬4.5 |
| 10. 馬7.5 | 車4.5 | Đen chiếm ưu thế lớn | |

CHƯƠNG 7

NGŨ CỬU PHÁO TRỰC XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

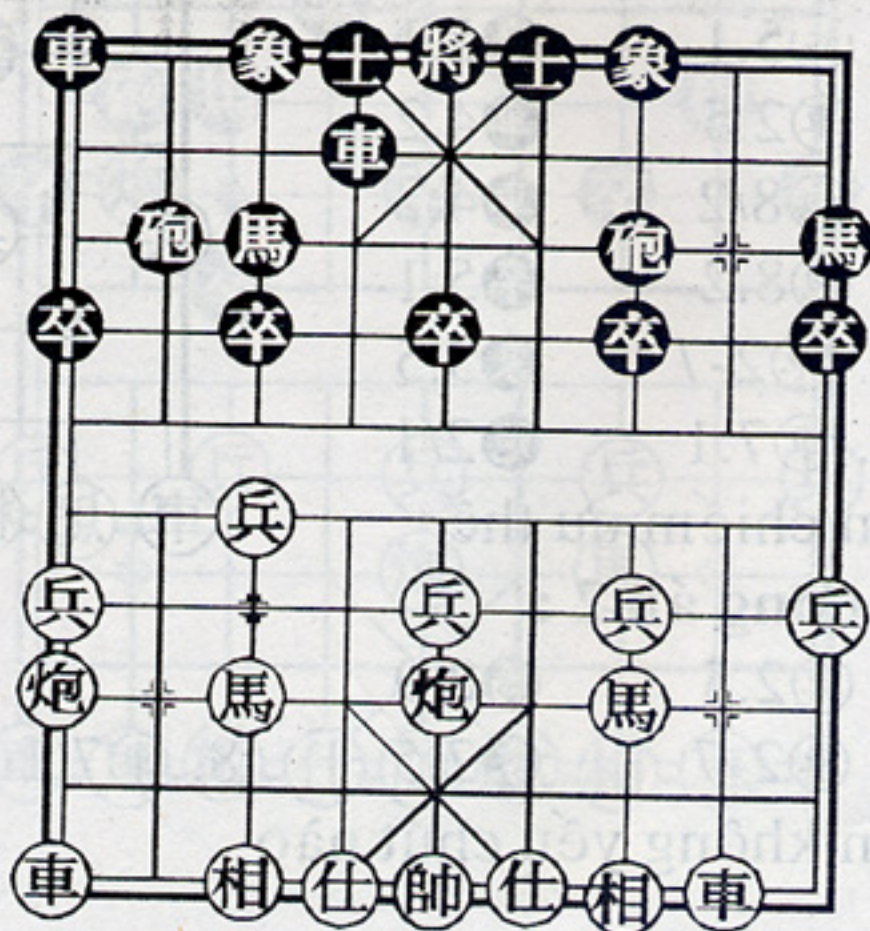
TIẾT 1

PHÁO TRÁI RA BIÊN ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CUNG

CỤC 1

TRẮNG LÊN MÃ ĐỐI ĐEN PHÁO 8 BÌNH 7

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 兵7.1 | 炮8-7 |
| 5. 馬8.7 | 車9-4 |
| 6. 炮8-9 | |
- hình vẽ
- | | |
|-----------|------|
| 6... 車4.5 | |
| 7. 車9-8 | 炮2-1 |
| 8. 車2.7 | 車4-3 |
| 9. 車8.2 | 車1-2 |



- | | | | |
|----------|------|------------------|------|
| 10. 車8.7 | 馬3/2 | 11. 車2-3 | 象7.5 |
| 12. 炮5.4 | 士4.5 | 13. 車3.2 | 車3.1 |
| 14. 相3.5 | 馬2.3 | 15. 炮5/1 | 車3-4 |
| 16. 仕4.5 | 車4/3 | 17. 炮5/1 | 馬3.5 |
| 18. 車3-1 | 馬5.6 | 19. 兵3.1 | 馬6.7 |
| 20. 炮9-3 | 卒9.1 | Bên Đen tiên thủ | |

CỤC 2

TRẮNG CHIA PHÁO ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 6

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 兵7.1 | 炮8-6 |
| 5. 炮8-9 | 象3.5 |

hình vẽ

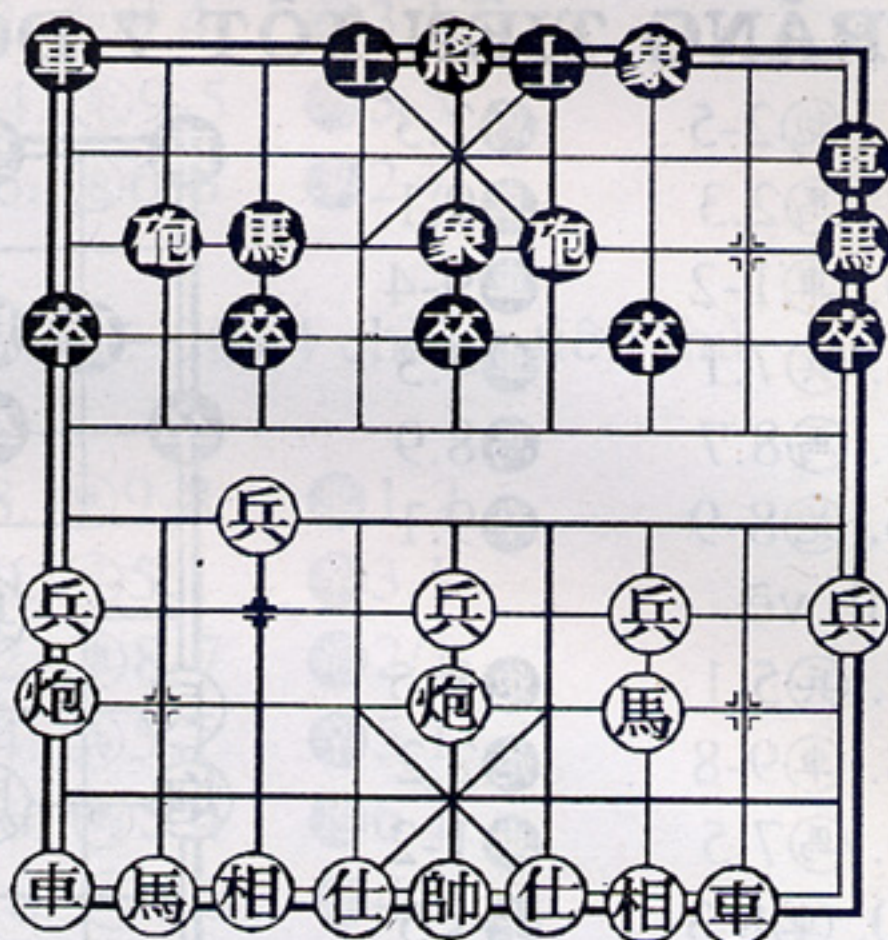
Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. 馬8.7 | 車9-4 |
| 7. 車9-8 | 車1-2 |
| 8. 車8.6 | 車4.5 |
| 9. 炮5-4 | 卒7.1 |
| 10. 車2.4 | 士4.5 |
| 11. 炮4.1 | 車4/2 |
| 12. 相3.5 | 卒3.1 |

Cục diện cân bằng.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 車2.7 | 炮6.2 | 7. 馬8.7 | 炮6-7 |
| 8. 馬7.8 | 車9-4 | 9. 仕4.5 | 車4.4 |
| 10. 馬8.9 | 炮7.3 | 11. 馬9.7 | 炮7-1 |



12. 馬7/5 炮2-8 13. 馬5/6 炮1-2
 Trắng nhiều Tốt, Đen hơn quân nên Đen có lợi hơn chút ít.

TIẾT 2

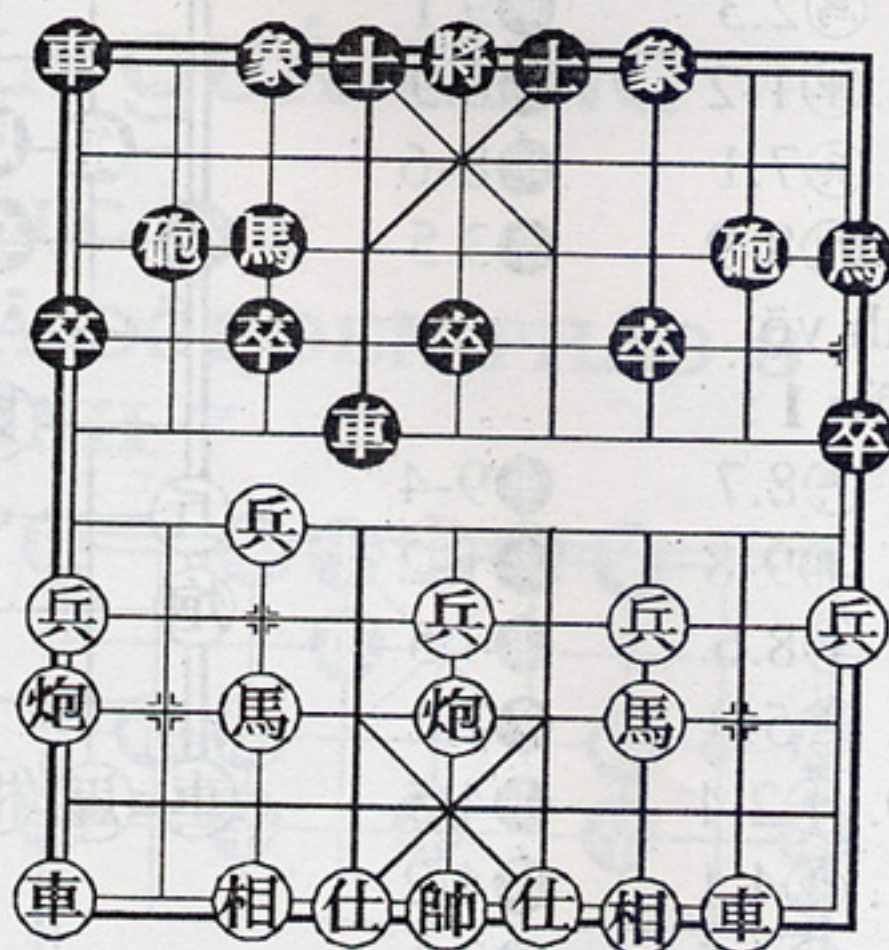
PHÁO TRÁI RA BIÊN ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CUNG NHANH

CỤC 1

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI XE 4 TIẾN 3

- | | |
|----------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 車9-4 |
| 4. 兵7.1 | 車4.3 |
| 5. 馬8.7 | 馬8.9 |
| 6. 炮8-9 | 卒9.1 |
| hình vẽ | |
| 7. 兵5.1 | 炮8-5 |
| 8. 車9-8 | 炮2.2 |
| 9. 馬7.5 | 車1-2 |
| 10. 車8.3 | 士4.5 |
| 11. 仕6.5 | 車4.1 |
| 12. 炮9-7 | 炮2-7 |
| 13. 車8.6 | 馬3/2 |
| 15. 兵3.1 | 炮7.3 |

- | | |
|----------|------|
| 14. 相7.9 | 車4.1 |
| 16. 馬5/3 | 炮5.3 |



Đen chiếm tiên.

Biến 2

phương án 1 :

7. 車2.4	車1.1	8. 車9-8	馬9.8
9. 車2-6	車1-4	10. 車6.1	車4.3
11. 兵5.1	馬8.6	12. 兵5.1	車4.2
13. 馬3.5	炮8-5	14. 車8.6	士6.5
15. 仕4.5	卒5.1	16. 炮5.3	馬6/5
17. 炮5.2	炮2-5	18. 馬5.4	車4-3
19. 馬4.5	象7.5	20. 馬7/8	馬5.4

Đen ưu hơn một chút

phương án 2

7. 車2.4	車1-2	8. 車9-8	士4.5
9. 車8.6	馬9.8	10. 車2-6	車4-6
11. 兵3.1	象3.5	12. 炮9.4	卒3.1
13. 炮5-6	炮8-6	14. 炮9-5	馬3.5
15. 車8-5	炮2.5	16. 炮6-8	車2.7
17. 馬3/5	馬8/6		

Nếu Trắng đi M7/5 thì Đen sẽ X6.4 chiếm tiên thủ

Biến 3 :

7. 車2.6	炮8-6	8. 車9-8	車1-2
9. 車8.6	象3.5	10. 兵5.1	卒3.1
11. 車8/2	卒3.1	12. 車8-7	炮2/1
13. 車7-8	車4.2	14. 兵5.1	卒5.1
15. 馬3.5	炮2-5	16. 馬5.4	炮6.1
17. 車2.2	車2.5	18. 馬7.8	車4-6
19. 馬4/2	車6/1	20. 馬8.9	炮6-2
21. 車2/1	炮5-3	22. 炮5.5	車6.3
23. 炮9-7	馬3.4	24. 炮7-5	象7.5
25. 車2-1	車6-3		

Đen thắng cờ.

CHƯƠNG 8

NGŨ CỬU PHÁO TRỰC XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ TRỰC XA

CỤC 1

TRẮNG MÃ BÀN HÀ ĐỐI PHÁO 2 TIỀN 4

1. 炮2-5

2. 馬2.3

3. 車1-2

4. 兵7.1

5. 馬8.7

6. 炮8-9

7. 馬7.6

馬2.3

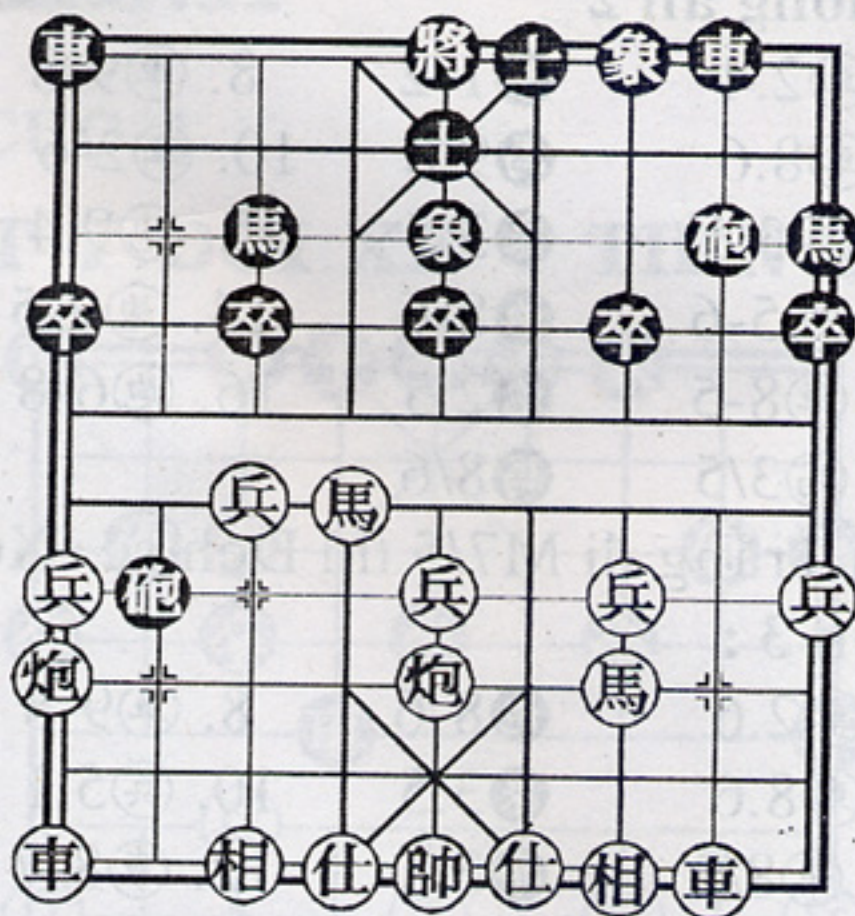
馬8.9

車9-8

象3.5

士4.5

炮2.4



hình

Biến 1 :

7... 車1-4

8. 車9-8

9. 車8.3

10. 炮9.4

11. 車8.6

13. 炮5-9

15. 車2.4

車4.5

車4-3

馬3.1

士5/4

象7.5

12. 炮5.4

14. 相3.5

象5/3

車3/1

Trắng chiếm tiên thủ

Biến 2 :

7... 炮2-7

8. 車9-8

10. 兵5.1

12. 車8.3

14. 車2.4

車1-4

卒3.1

炮7/2

卒3-4

9. 馬6.5

11. 兵5.1

13. 馬5/3

15. 仕4.5

車4-3

卒3.1

卒7.1

CỤC 2

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI PHÁO 2 TIẾN 2

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.9 |
| 3. 車1-2 | 車9-8 |
| 4. 兵7.1 | 象3.5 |
| 5. 馬8.7 | 士4.5 |
| 6. 炮8-9 | 炮2.2 |
| 7. 兵3.1 | |

Hình vẽ

Biến 1 :

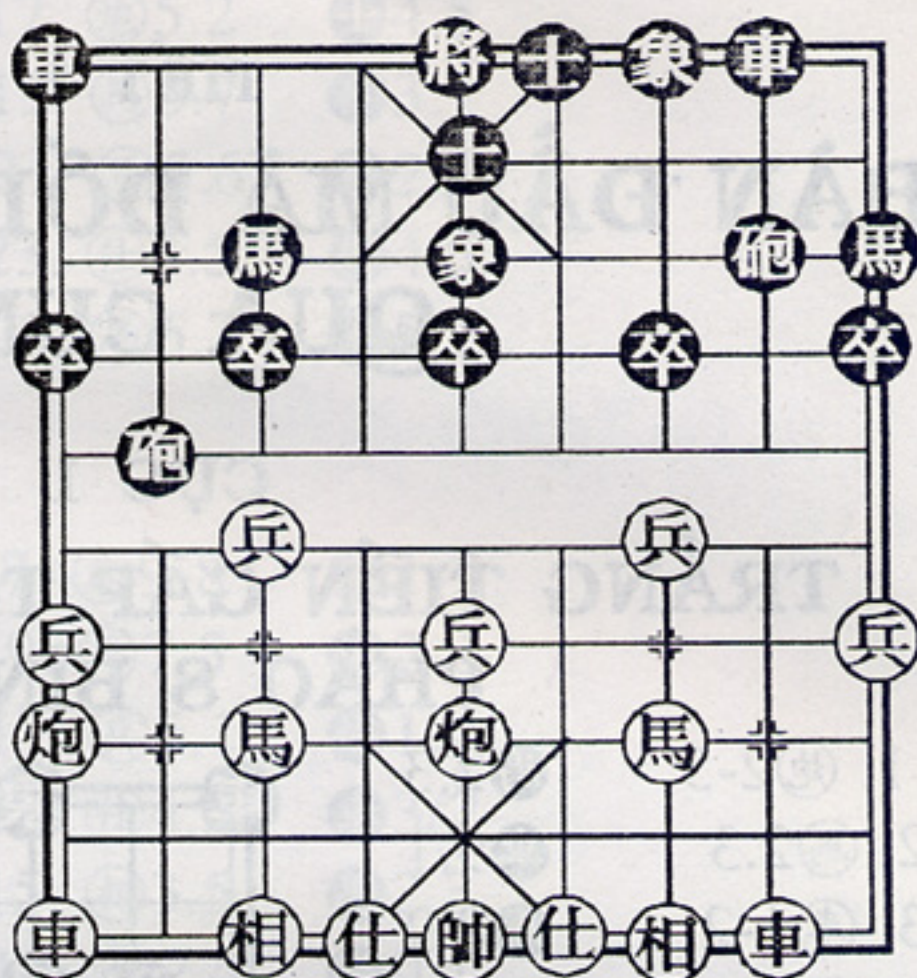
- | | |
|----------|------|
| 7...卒9.1 | |
| 8. 車2.6 | 車1-4 |
| 9. 車9-8 | 炮2-6 |
| 10. 車8.7 | 卒3.1 |
| 11. 兵7.1 | 馬3.4 |
| 12. 車8/4 | 炮6-3 |
| 13. 馬7.6 | 馬4/3 |

Trắng làm chủ trung lộ, chiếm ưu.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7...車1-4 | | | |
| 8. 車9-8 | 卒3.1 | 9. 兵7.1 | 象5.3 |
| 10. 馬3.4 | 炮8.5 | 11. 炮5.4 | 馬3.5 |
| 12. 馬4.5 | 炮8/3 | 13. 相3.5 | 車4.3 |
| 14. 馬5/6 | 炮2/1 | 15. 炮9.4 | 炮2/1 |
| 16. 炮9.3 | 車8.2 | 17. 車2.5 | 車8.2 |
| 18. 車8.7 | | | |

Trắng thắng cuộc.



CHƯƠNG 9

PHÁP ĐẦU TRỰC XA MÃ BÀN HÀ ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

TIẾT 1

BÀN ĐẦU MÃ ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CUNG

CỤC 1

TRẮNG TIẾN GẤP TỐT ĐẦU ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 5

1. 炮2-5

馬2.3

2. 馬2.3

車9.1

3. 車1-2

馬8.9

4. 兵5.1

炮8-5

5. 馬8.7

車9-4

hình

Biến 1 :

6. 馬7.5

炮2.4

7. 兵5.1

炮2-5

8. 馬3.5

車4.5

9. 馬5.4

炮5.2

10. 仕4.5

車1-2

11. 炮8-7

車4-3

12. 車9.2

卒3.1

Biến 2 :

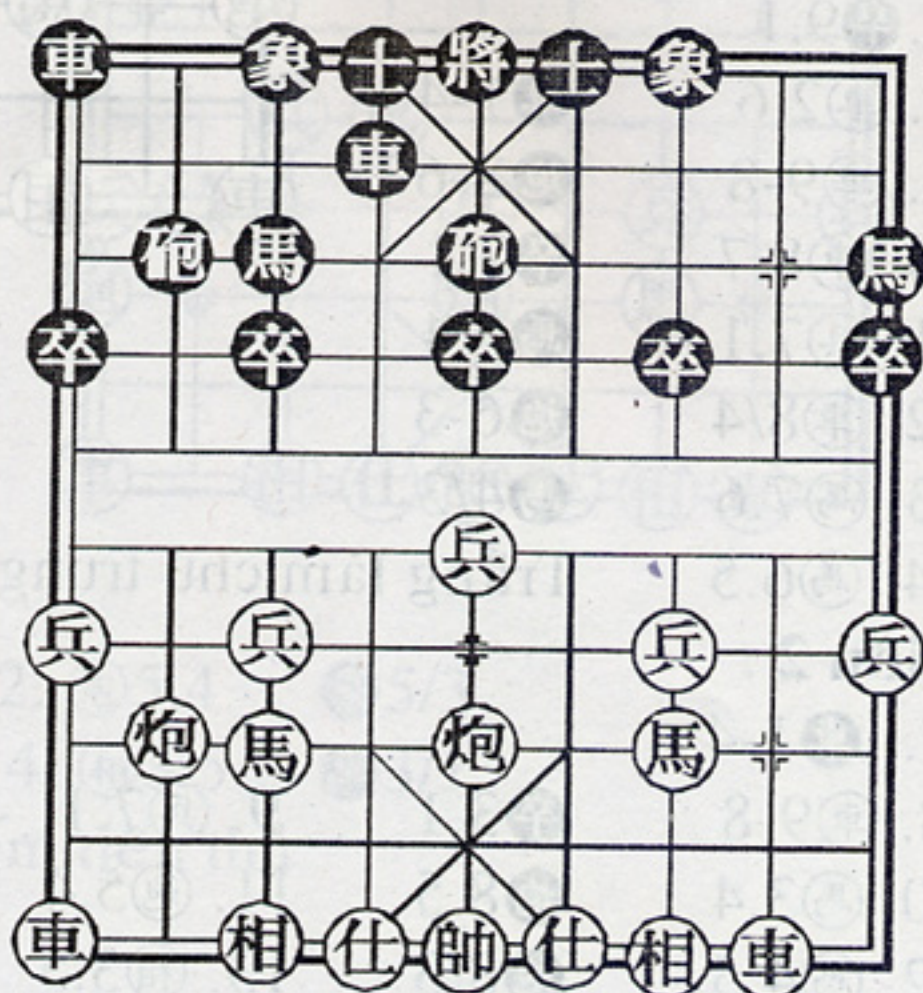
Phương án 1 :

6. 炮8-9

車4.5

7. 車9-8

車1-2



8. 車8.6	車4-3	9. 馬7.5	炮2-1
10. 車8.3	馬3/2	11. 兵5.1	炮5.2
12. 炮5.3	卒5.1	13. 炮9-5	炮1-5
14. 馬5.6	車3.3	15. 馬6.5	象3.5
16. 馬3.5	卒5.1	17. 炮5.2	士4.5
18. 相3.5	車3/3	19. 馬5.7	卒3.1
20. 馬7.5	車3-5	21. 馬5.6	馬2.4
22. 馬6/7	車5.1	23. 仕4.5	馬4.5
24. 馬7.5	車5/2	25. 馬5.7	車5.1

Đen chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

6. 炮8-9	車4.5	7. 車9-8	車1-2
8. 車8.6	車4-3	9. 馬7.5	炮2-1
10. 車8.3	馬3/2	11. 兵5.1	炮1.4
12. 馬5.6	炮5.2	13. 仕4.5	車3/2
14. 馬6/5	炮5.3	15. 相3.5	馬2.3
16. 馬5.7	炮1-4	17. 車2.4	卒9.1
18. 炮9-7	車3-2	19. 炮7.4	象3.5
20. 車2-6	車2-3	21. 炮7-8	馬9.8
22. 炮8/4	炮4-9	23. 馬3.1	馬8.9
24. 炮8-7	車3-4	25. 車6-2	馬3.2
26. 車2-5			

Biến 3 :

6. 兵5.1	卒5.1	7. 馬7.5	車4.5
8. 炮5.3	士4.5	9. 仕4.5	卒3.1
10. 炮8-5	炮2.5	11. 車9-8	車1-2
12. 炮t/1	炮2-7	13. 車8.9	馬3/2
14. 馬5/3	車4-7	15. 車2.2	馬2.3
16. 炮s.5	象3.5	17. 相3.5	馬3.5

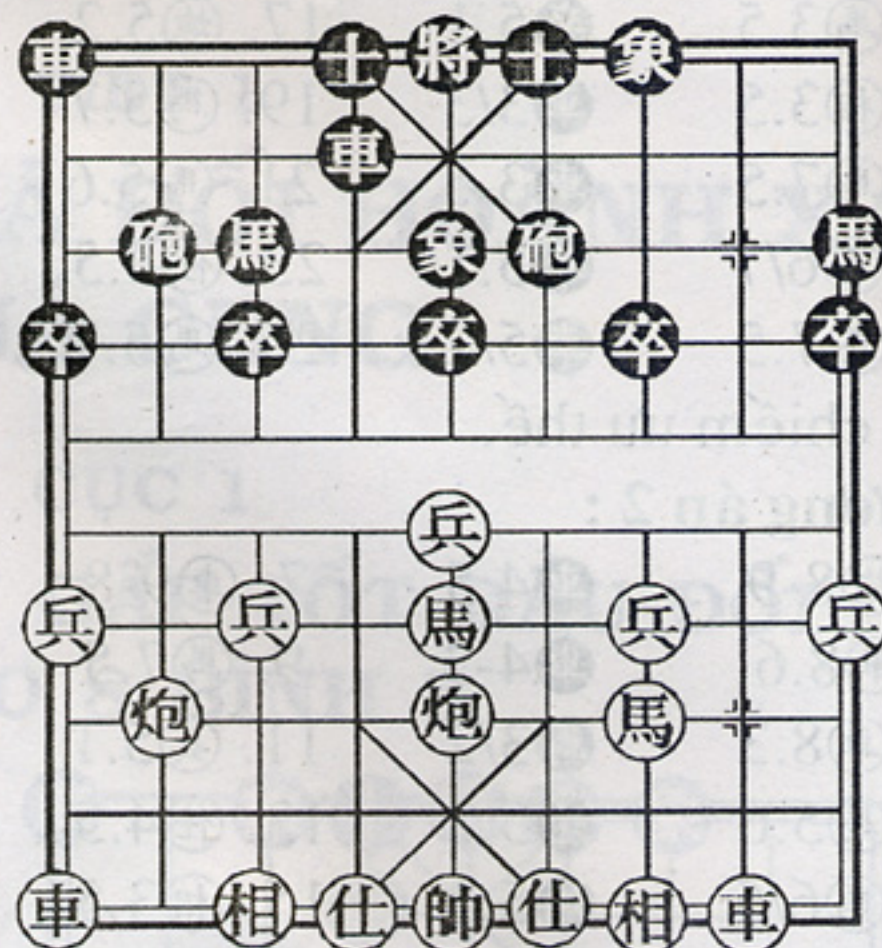
Đen chiếm ưu thế.

CỤC 2

TRẮNG TIẾN TỐT ĐẦU ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 6

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 馬8.7 | 炮8-6 |
| 5. 兵5.1 | 象3.5 |
| 6. 馬7.5 | 車9-4 |

hình vẽ :



- | | |
|----------|------|
| 7. 兵5.1 | 卒5.1 |
| 8. 炮5.3 | 士4.5 |
| 9. 炮8-5 | 炮2.4 |
| 10. 仕4.5 | 炮2-5 |
| 11. 馬3.5 | 車4.5 |
| 12. 馬5.4 | 馬9/7 |
| 13. 車9-8 | 馬7.6 |
| 15. 馬4/2 | 車6-7 |

- | | |
|----------|------|
| 14. 車2.5 | 車4-6 |
| 16. 相3.1 | 車7-8 |

Đen chiếm tiên.

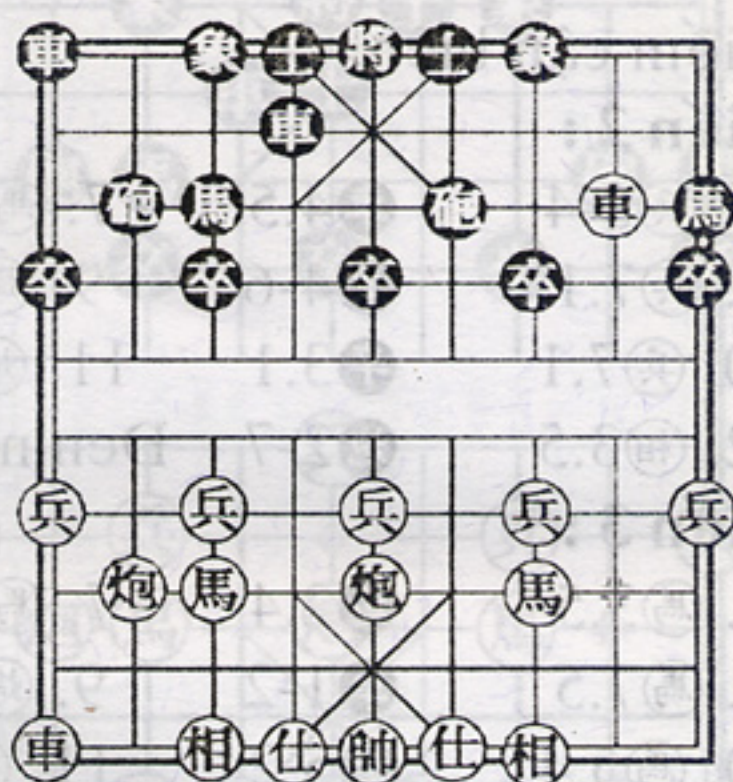
CỤC 3

TRẮNG XE 2 TIẾN 7 ĐỐI HOÀNH XA BÌNH 3

- | | | | |
|---------|------|-------------------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 | 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 | 4. 馬8.7 | 炮8-6 |
| 5. 車2.7 | 車9-3 | Hình vẽ trang bên | |
| 6. 車2/2 | 車3-4 | 7. 兵7.1 | 車4.5 |
| 8. 炮8.4 | 士4.5 | 9. 炮8-5 | 馬3.5 |

- | | |
|----------|------|
| 10. 炮5.4 | 炮2-5 |
| 11. 仕6.5 | 車4/3 |
| 12. 炮5/2 | 炮5.1 |
| 13. 車9-8 | 象3.5 |
| 14. 車2-4 | 炮5-6 |
| 15. 車4-8 | 車1-4 |
| 16. 相7.5 | 車t.3 |

Thế trận hai bên cân bằng.



TIẾT 2

BÀN ĐẦU MÃ ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CUNG NHANH

CỤC 1

TRẮNG TIẾN GẤP TỐT ĐẦU ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 5

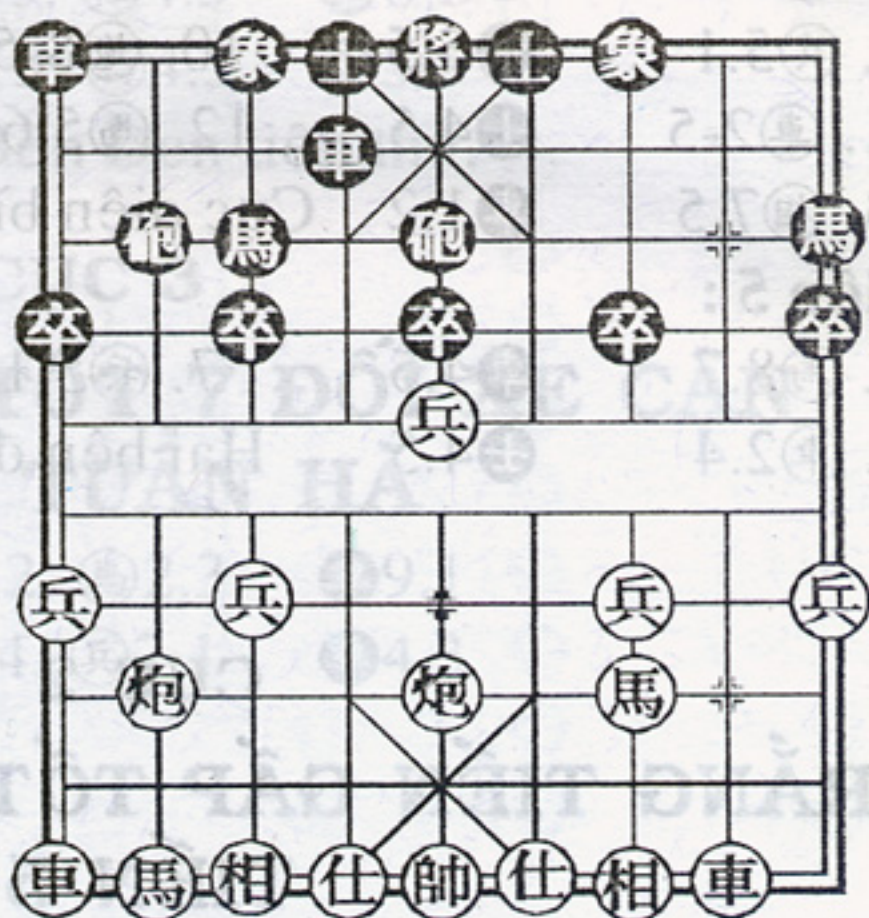
- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 車9-4 |
| 4. 兵5.1 | 馬8.9 |
| 5. 兵5.1 | 炮8-5 |

hình

Biến 1 :

- | | |
|---------|------|
| 6. 兵5.1 | 炮5.5 |
| 7. 相7.5 | 馬3.5 |
| 8. 馬8.7 | 炮2-5 |

Đen Mã Pháo chiếm
trung lộ, hoành Xa



chiếm cận biên.

Biến 2 :

6. 兵5-4 車4.5 7. 馬8.9 炮2.3

8. 兵7.1 車4-6 9. 炮8-7 炮2.2

10. 兵7.1 卒3.1 11. 炮7.5 炮5.5

12. 相3.5 炮2-7 Đen nhiều Tốt, lợi hơn chút ít.

Biến 3 :

6. 馬3.5 炮2.4 7. 馬8.7 炮2-5

8. 馬7.5 車1-2 9. 炮8-7 車4.5

10. 馬5.4 炮5.2 11. 仕4.5 車2.5

Đen chiếm thế thượng phong.

Biến 4 :

6. 車2.5 炮2.2

Phương án 1 :

7. 車2.2 車4.5 8. 馬8.7 卒5.1

9. 馬7.5 卒3.1 10. 馬5.4 炮2/2

Đen nhiều Tốt chiếm ưu

Phương án 2 :

7. 兵5.1 炮2-5 8. 馬3.5 炮t.3

9. 兵5.1 炮5/5 10. 炮8-5 車4.5

11. 車2-5 士4.5 12. 馬5.6 炮5.5

13. 相7.5 車1.2 Cục diện bình ổn, dẫn tới hòa

Biến 5 :

6. 馬8.7 車4.5 7. 兵5.1 馬3.5

8. 車2.4 士4.5 Hai bên đối công.

CỤC 2

TRẮNG TIẾN GẤP TỐT ĐẦU ĐỐI SĨ 4 TIẾN 5

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 車9-4 |
| 4. 兵5.1 | 士4.5 |
| 5. 馬8.7 | 馬8.9 |

hình vẽ

biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. 馬7.5 | 炮8-5 |
| 7. 兵5.1 | 卒5.1 |
| 8. 炮5.3 | 炮2.4 |
| 9. 炮8-5 | 炮2-5 |
| 10. 馬3.5 | 車4.5 |
| 11. 馬5.4 | 車1-2 |
| 12. 馬4.5 | 象3.5 |
| 14. 炮t/1 | 卒9.1 |

13. 車2.4 車2.4

Quân bên Đen khá linh hoạt.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 炮8-9 | 車4.5 | 7. 車9-8 | 車1-2 |
| 8. 車8.6 | 炮8-6 | 9. 兵5.1 | 卒5.1 |
| 10. 馬3.5 | 炮2-1 | 11. 炮5.3 | 將5-4 |
| 12. 車8.3 | 馬3/2 | 13. 仕4.5 | 炮6-5 |
| 14. 馬5.4 | 車4-3 | 15. 馬4.5 | 象3.5 |
| 16. 車2.2 | 炮1-3 | | |

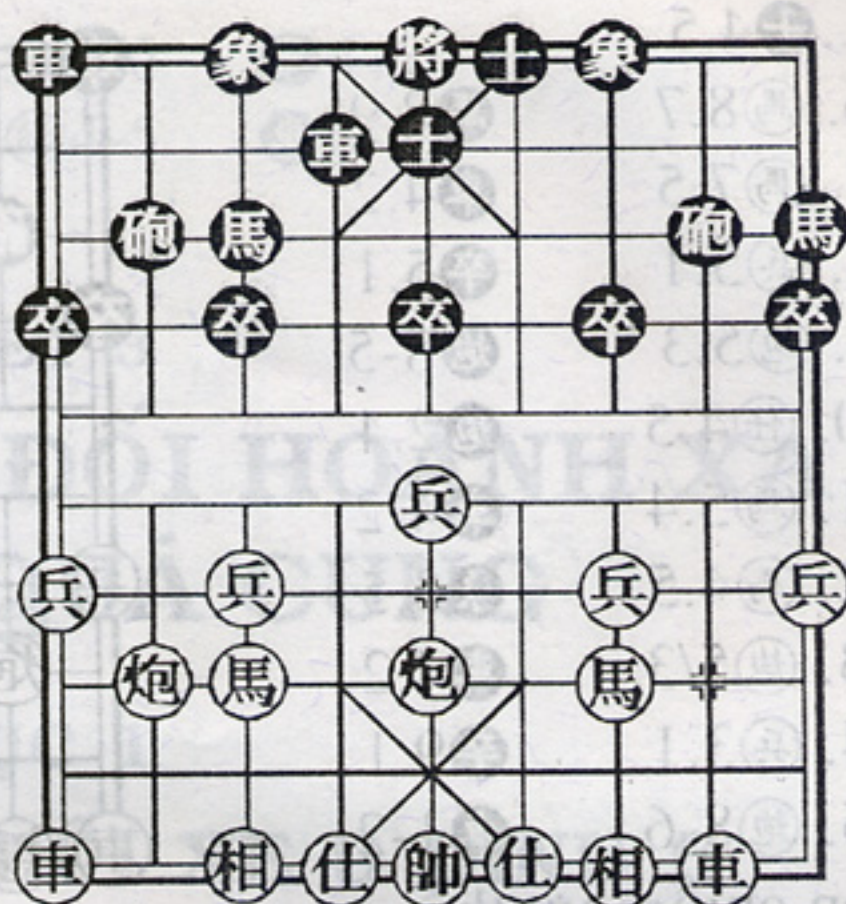
Bên Đen tiên thủ.

CỤC 3

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI XE CẬN BIÊN TUẦN HÀ

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 | 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 車9-4 | 4. 兵7.1 | 車4.3 |
| 5. 兵5.1 | | | |

hình trang bên



5... 士 4.5

6. 馬 8.7

7. 馬 7.5

8. 兵 5.1

9. 炮 5.3

10. 仕 4.5

11. 馬 5.4

12. 馬 4.5

13. 炮 5/3

14. 兵 3.1

15. 炮 8-6

馬 8.9

車 4.2

卒 5.1

炮 8-5

炮 2.4

車 4/2

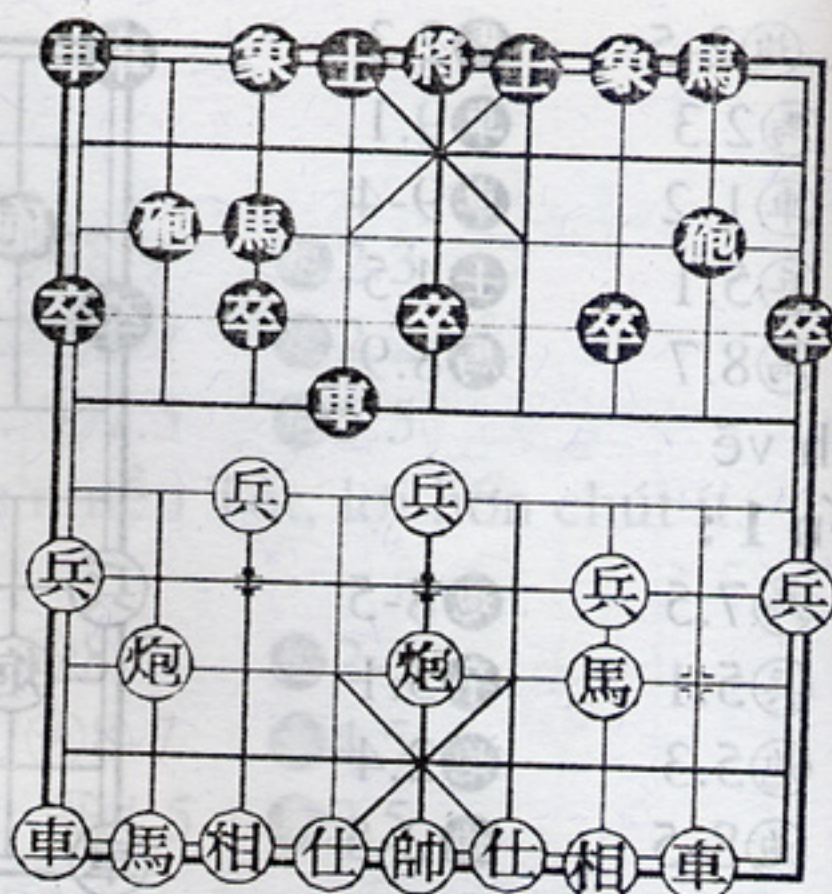
象 3.5

車 4.2

卒 9.1

車 1-2

Đen chiếm ưu thế.



CỤC 4

TRẮNG LÊN 2 MÃ TRONG TIẾN TỐT ĐẦU ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 5

1. 炮 2-5

馬 2.3

2. 馬 2.3

車 9.1

3. 車 1-2

車 9-4

4. 馬 8.7

馬 8.9

hình vẽ

5. 兵 5.1

炮 8-5

6. 馬 7.5

炮 2.4

7. 兵 5.1

炮 2-5

8. 馬 3.5

車 4.5

9. 馬 5.4

炮 5.2

10. 仕 4.5

車 1-2

11. 炮 8-9

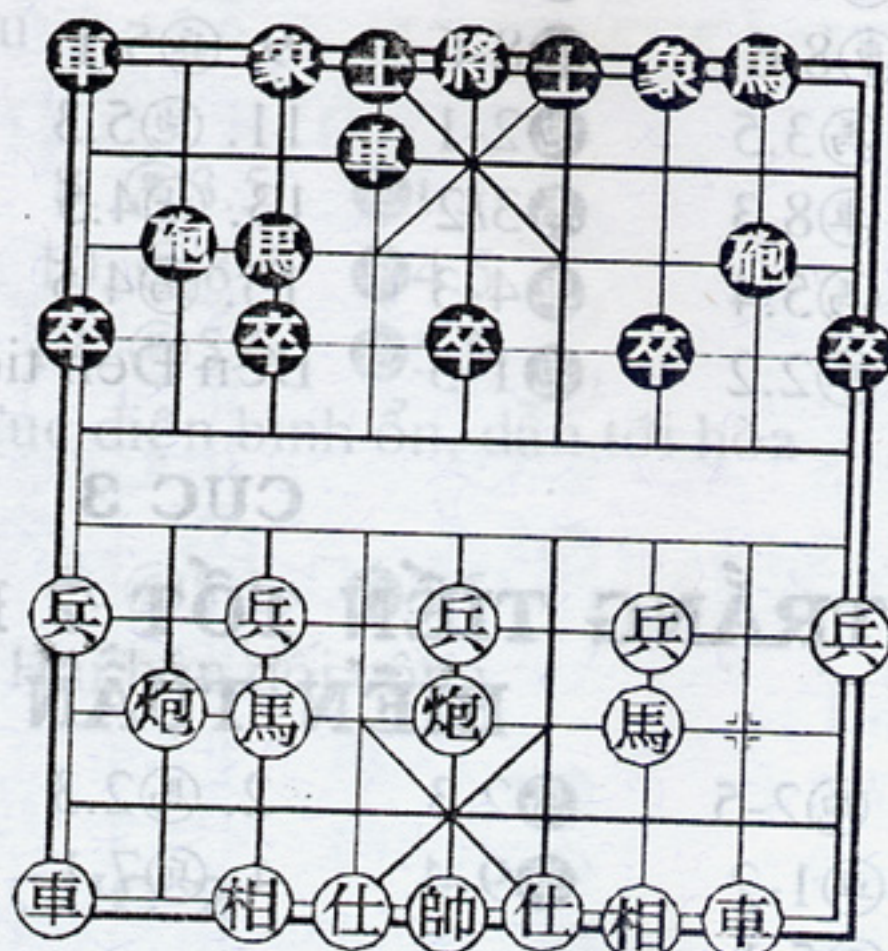
車 2.5

12. 馬 4/2

卒 9.1

13. 馬 2/3

車 2-4



14. 帥5-4 車t.3 15. 仕5/6 車4-6
 16. 炮5-4 車6.2 17. 帥4-5 車6-7
 Đen chiếm ưu thế.

TIẾT 3

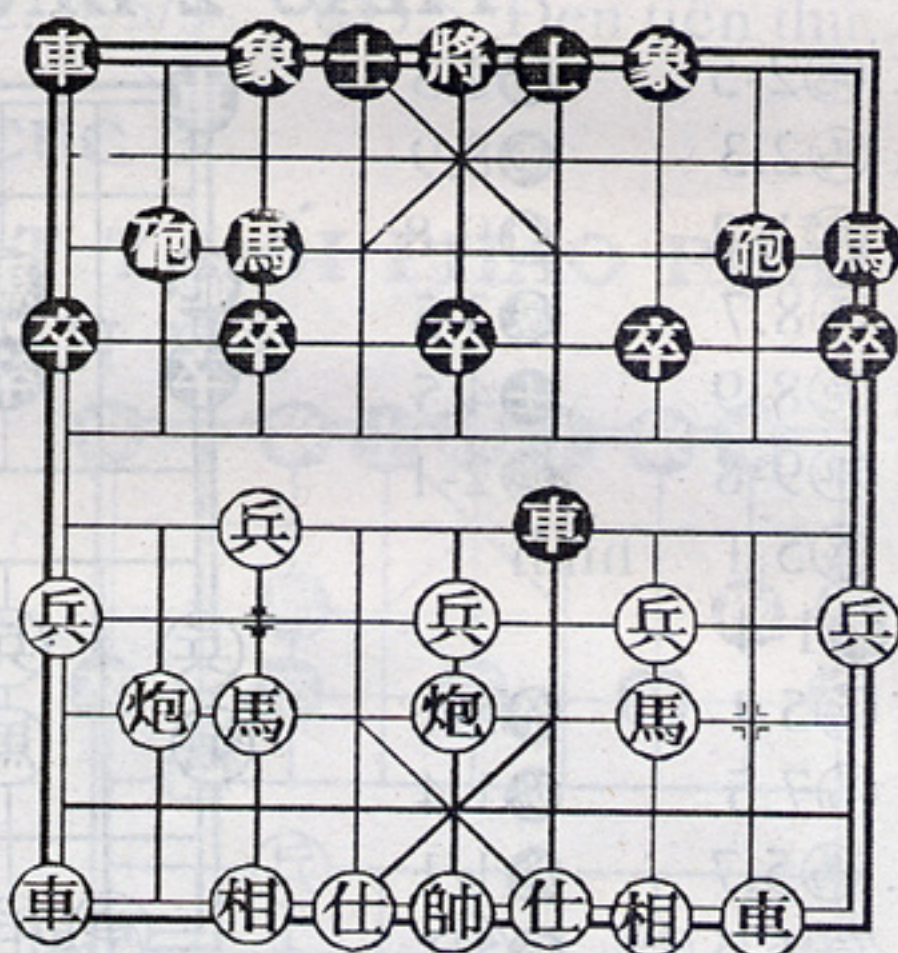
BÀN ĐÀU MÃ ĐỐI HOÀNH XA KHÔNG QUÁ CUNG

CỤC 1

TỐT 7 TIẾN 1 ĐỐI XE 9 BÌNH 6

1. 炮2-5 馬2.3
 2. 馬2.3 車9.1
 3. 車1-2 馬8.9
 4. 兵7.1 車9-6
 5. 馬8.7 車6.4
 hình

6. 兵5.1 炮8-5
 7. 馬7.5 炮2/1
 8. 炮8-7 炮2-5
 9. 兵3.1 車6/3
 10. 車2.3 炮t.3
 11. 炮5.2 炮5.4
 12. 仕6.5 車1-2
 13. 相7.5 車2.6
 14. 車9-6 車2-3
 15. 車6.4 炮5/1
 16. 馬3.4 士4.5
 17. 炮7-6 炮5-2
 18. 馬4.6 炮2.5
 19. 炮6-7 卒3.1
 20. 馬6.7 車6-3
 21. 馬5.6 車t-8
 22. 馬6.7 車8-3
 23. 炮7-8 車3.3
 24. 車6/4 車3-4



25. 帥 5-6

卒 3.1

26. 相 5.7 卒 5.1

27. 馬 7/9

卒 9.1

Cờ thế hai bên cân bằng.

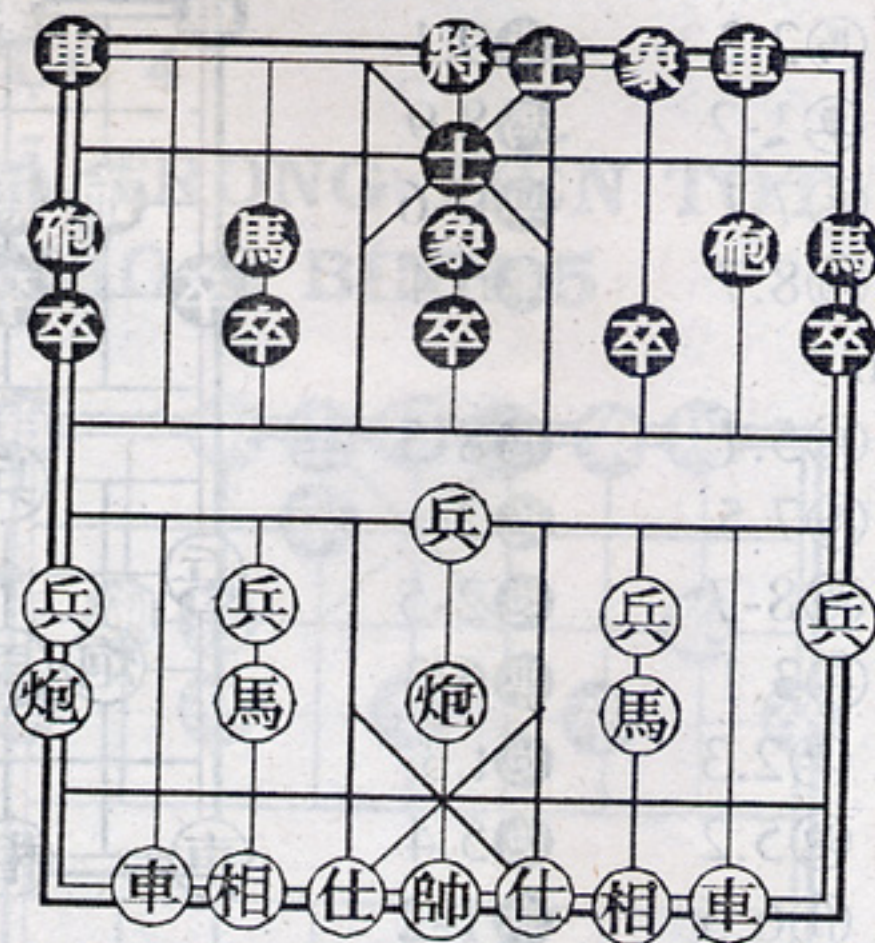
CHƯƠNG 10

PHÁP ĐẦU TRỰC XA MÃ BÀN HÀ ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ TRỰC XA

CỤC 1

TRẮNG TRIỂN KHAI 2 CÁN ĐỐI PHÁO 2 BÌNH 1

- | | |
|------------|-------|
| 1. 炮 2-5 | 馬 2.3 |
| 2. 馬 2.3 | 馬 8.9 |
| 3. 車 1-2 | 車 9-8 |
| 4. 馬 8.7 | 象 3.5 |
| 5. 炮 8-9 | 士 4.5 |
| 6. 車 9-8 | 炮 2-1 |
| 7. 兵 5.1 | hình |
| 7... 車 1-4 | |
| 8. 兵 5.1 | 卒 5.1 |
| 9. 馬 7.5 | 炮 1.4 |
| 10. 馬 5.7 | 炮 1/1 |
| 11. 仕 6.5 | 卒 5.1 |
| 12. 馬 7.8 | 車 4-2 |

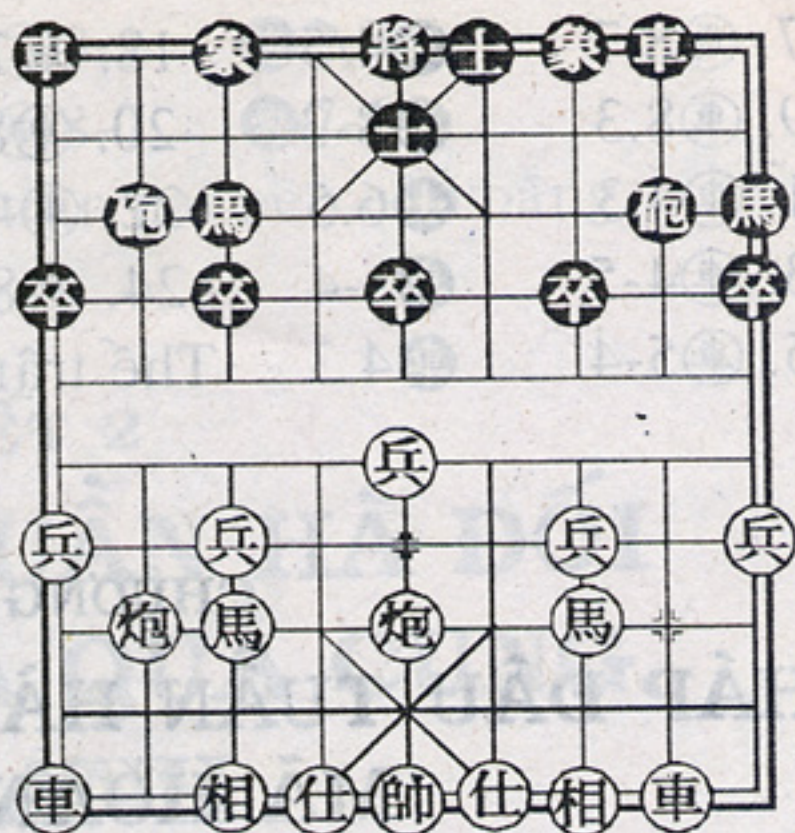


Trắng chiếm tiên thủ

CỤC 2

TRẮNG TIẾN TỐT ĐẦU ĐỐI SONG PHÁO QUÁ HÀ

1. 炮2-5 馬2.3
2. 馬2.3 馬8.9
3. 車1-2 車9-8
4. 馬8.7 士4.5
5. 兵5.1 hình
- 5... 象3.5
6. 兵5.1 卒5.1
7. 馬7.5 車1-4
8. 炮5.3 炮8.4
9. 炮8-7 炮2.4
10. 兵7.1 車4.6
11. 馬5/4 車8.4

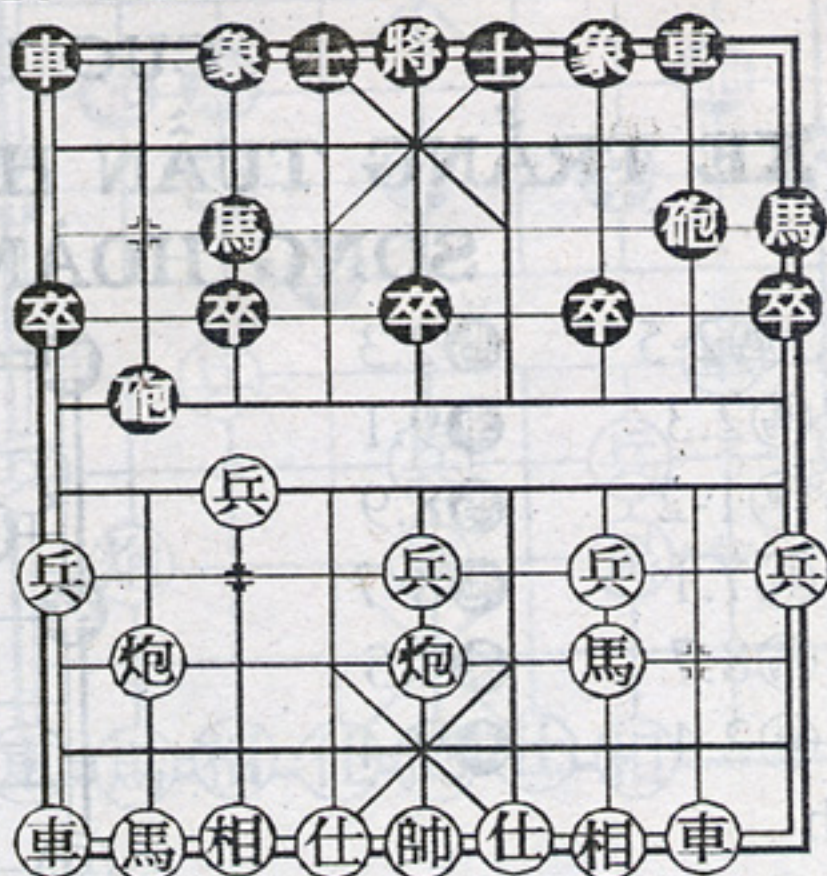


12. 炮5/3 馬3.5 Đen tiên thủ.

CỤC 3

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI PHÁO PHẢI TUẦN HÀ

1. 炮2-5 馬2.3
2. 馬2.3 馬8.9
3. 車1-2 車9-8
4. 兵7.1 炮2.2
- hình
5. 馬8.7 卒9.1
6. 車2.4 象3.5
7. 兵5.1 士4.5
8. 馬7.5 車1-4
9. 炮8-7 車4.6
10. 兵5.1 馬9.8
11. 車2-3 卒7.1
13. 車9-8 炮2.2
15. 馬6.8 馬7.5



12. 車3-4 馬8.7
14. 馬5.6 卒5.1
16. 相7.5 炮8-6

- | | | | |
|----------|------|---------------------------|------|
| 17. 馬8.7 | 車4/5 | 18. 炮7.4 | 車8.3 |
| 19. 車8.3 | 車8-3 | 20. 車8.6 | 士5/4 |
| 21. 車4.3 | 士6.5 | 22. 車4/2 | 車4-3 |
| 23. 車4-5 | 車s-4 | 24. 車8/6 | 車3-5 |
| 25. 車5-4 | 車4.3 | Thế trận hai bên cân bằng | |

CHƯƠNG 11

PHÁP ĐẦU TUẦN HÀ XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

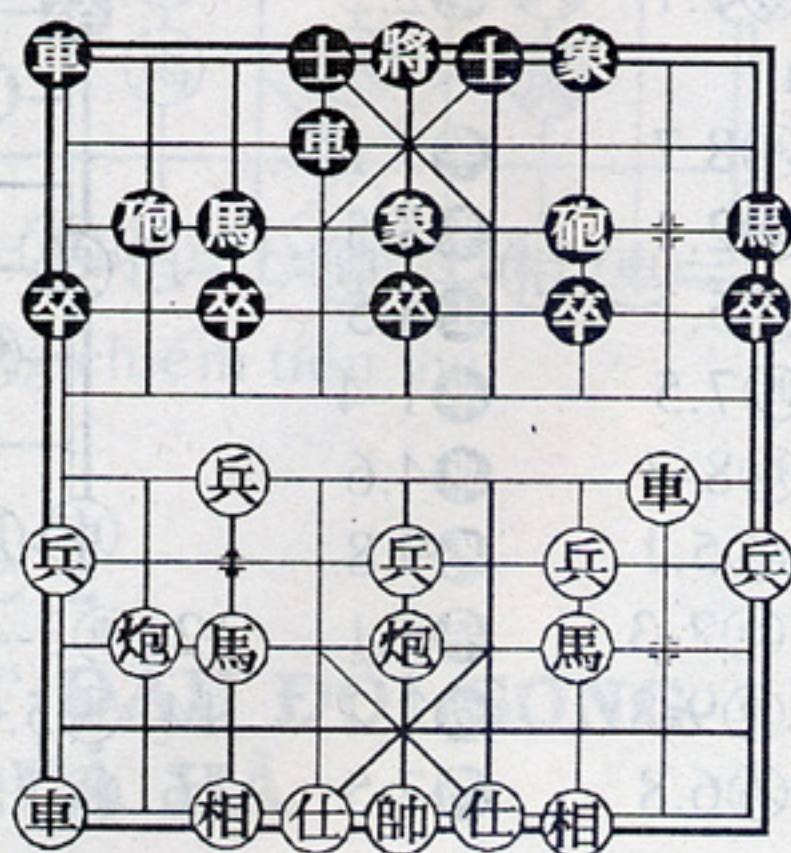
TIẾT 1

XE PHẢI TUẦN HÀ ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CUNG

CỤC 1

XE TRẮNG TUẦN HÀ BÌNH 6 ĐỐI SONG HOÀNH XA

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 兵7.1 | 炮8-7 |
| 5. 馬8.7 | 象3.5 |
| 6. 車2.4 | 車9-4 |
- hình
- | | |
|----------|------|
| 7. 車2-6 | 車1.1 |
| 8. 仕6.5 | 士4.5 |
| 9. 炮5-6 | 車4.4 |
| 10. 馬7.6 | 炮2.3 |



11. 馬6.7
13. 馬7/6
15. 相7.5

炮2.1
車1-2
車2.7

12. 兵3.1 炮2-3
14. 炮8-7 炮7-6

Thế trận hai bên cân bằng.

TIẾT 2

XE PHẢI TUẦN HÀ ĐỐI HOÀNH XA QUÁ CUNG NHANH

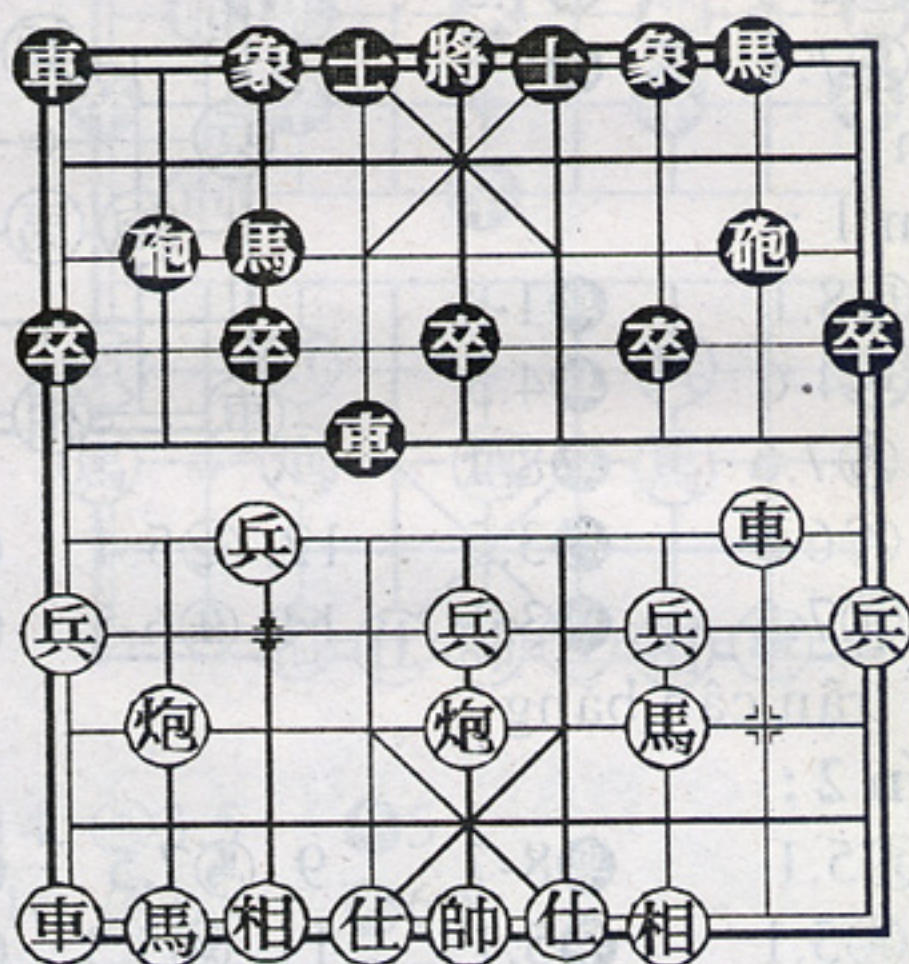
CỤC 1

TRẮNG XE 2 TIẾN 4 ĐỐI XE 4 TIẾN 3

1. 炮2-5 馬2.3
2. 馬2.3 車9.1
3. 車1-2 車9-4
4. 兵7.1 車4.3
5. 車2.4

hình

5... 馬8.9
6. 馬8.7 車1.1
7. 馬7.6 車1-4
8. 炮8.2 炮8-4
9. 炮5-6 車1-2
10. 炮8.3 炮4.5
11. 炮8-1 象7.9
12. 仕6.5 炮4/1
13. 車2.3 車4.
15. 相3.5 車2-8
17. 車4/5 卒7.1



14. 車2-7 炮4-7
16. 車7-4 車8.3

Đen có phần ưu hơn chút ít.

CHƯƠNG 12

PHÁP ĐẦU TUẦN HÀ XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ TRỰC XA

CỤC 1

TRẮNG XE 2 TIẾN 4 ĐỐI BÌNH PHÁO ĐÔI XE

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.9 |
| 3. 車1-2 | 車9-8 |
| 4. 車2.4 | 象3.5 |
| 5. 馬8.7 | 炮8-6 |
| 6. 車2-4 | 士4.5 |
| 7. 兵7.1 | 車8.6 |

hình

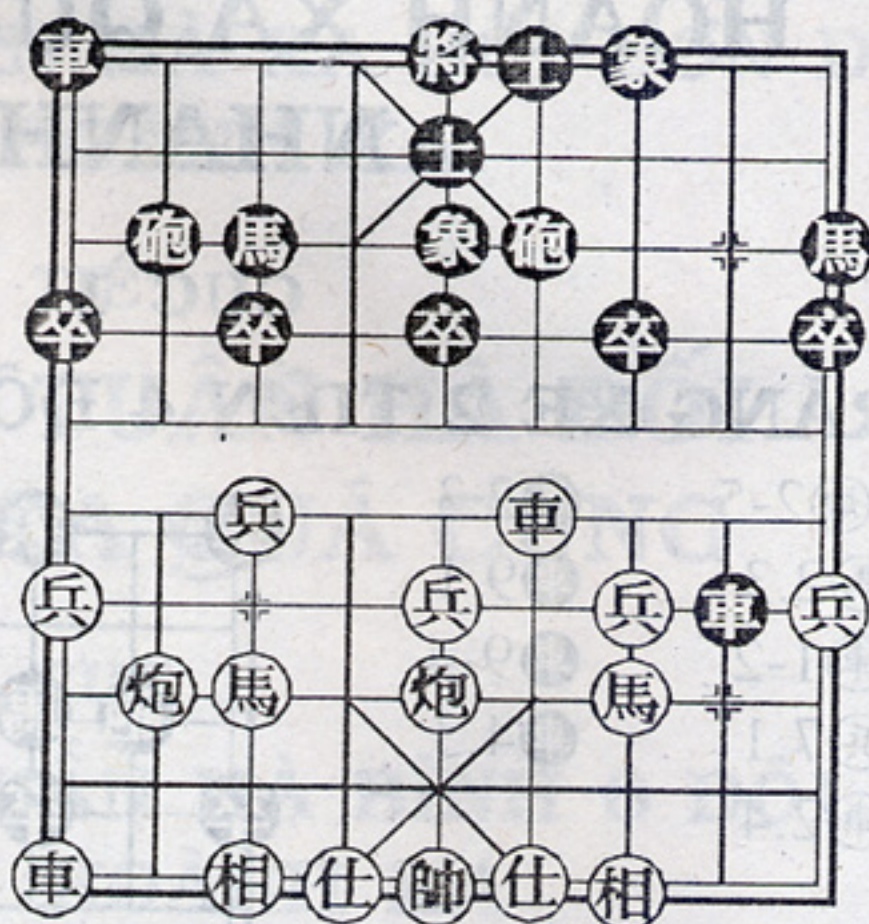
Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 8. 炮8.1 | 車1-4 |
| 9. 車4-6 | 車4.5 |
| 10. 馬7.6 | 車8/1 |
| 11. 馬6.5 | 馬3.5 |
| 13. 相7.5 | 車3/1 |

Thế trận cân bằng

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 兵5.1 | 車8-7 | 9. 馬7.5 | 車1-4 |
| 10. 兵5.1 | 卒5.1 | 11. 炮5.3 | 車4.6 |
| 12. 炮8-5 | 炮2.4 | 13. 車4.3 | 炮2-5 |
| 14. 馬3.5 | 車4-5 | 15. 車4/2 | 車7-9 |
| 16. 車9-8 | 車5-2 | 17. 車8.3 | 車9-2 |
| 18. 車4.1 | 車2-5 | | |



19. ④4-7 ⑤5/2 20. ④7.1 卒9.1

Thế trận cân bằng.

CHƯƠNG 13

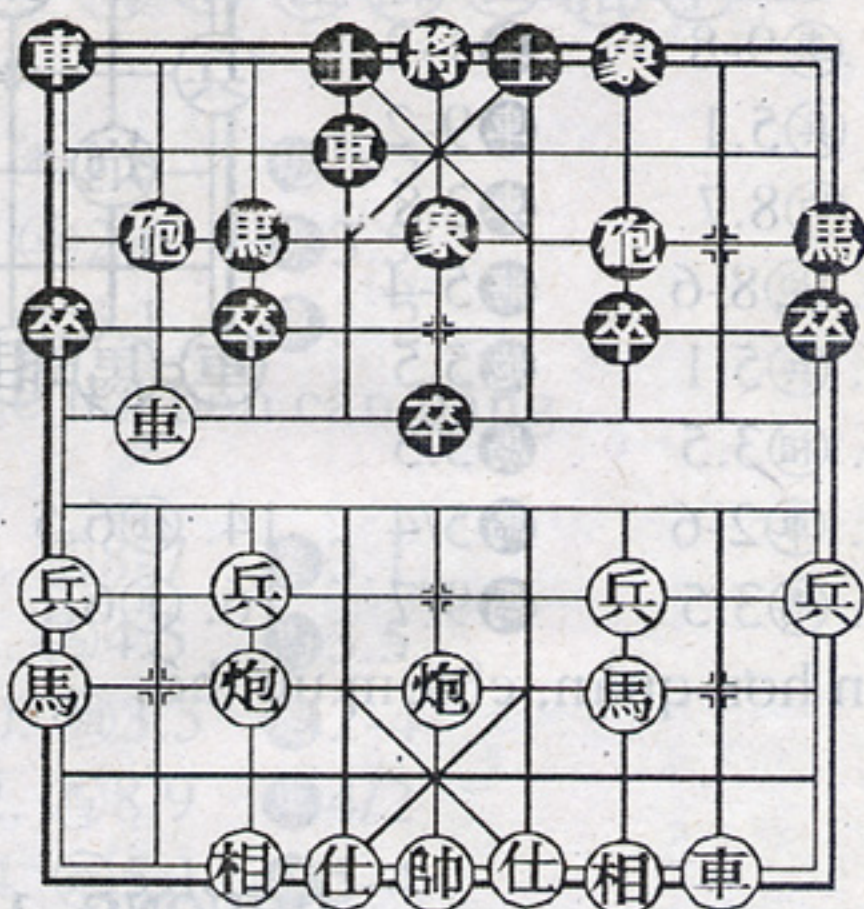
PHÁO ĐẦU, KỶ HÀ XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

CỤC 1

TRẮNG XE 8 TIẾN 5 ĐỐI TƯỢNG 3 TIẾN 5

1. ②2-5 ③2.3
2. ③2.3 ④9.1
3. ④1-2 ⑤8.9
4. ②8-7 ②8-7
5. ③8.9 ③3.5
6. ④9-8 ②2-1
7. ⑤5.1 ④9-4
8. ⑤5.1 卒5.1
9. ④8.5 hình
- 9... 卒3.1
10. ④8-7 ③3.4
11. ④2.5 卒7.1
12. ④7/1 ④4.5
13. ④7-6 ④1-2 14. ③3.5 卒5.1
15. ②5.2 ③4/6 16. ④6.4 ③6.8
17. ③5.7 ③8.7 18. ②5.2 ③7/5

Thế trận hai bên cân bằng.



**TRẮNG XE 2 TIẾN 5 ĐỐI PHÁO 8
BÌNH 5**

14. 仕6.5 車2/8
16. 車6.1 馬7.5

PHÁO ĐẦU, TRỰC XA TIẾN TỐT 3
ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI XE 9 BÌNH 4

1. ①炮2-5 ②馬2.3

2. 馬 2.3
3. 車 1-2
4. 兵 3.1

- 車 9.1
- 馬 8.9
- 車 9-4

hình vẽ

Biến 1 :

5. 馬 3.4
6. 馬 8.7
7. 馬 4.5
8. 炮 5.4
9. 相 7.5
10. 炮 5/1
11. 炮 5/1
12. 兵 7.1
13. 車 9-7
15. 仕 6.5
17. 馬 7.5
19. 炮 8-7

- 炮 8-5
- 車 4.4
- 馬 3.5
- 士 4.5
- 車 4/2
- 車 4.1
- 車 4.2
- 車 4-3
- 炮 2.4
- 炮 s.1
- 車 3-5
- 車 2.3

14. 車 2.5 炮 2-5

16. 車 2-6 象 3.5

18. 炮 5.1 車 1-2

Cờ thế hai bên cân bằng

Biến 2 :

5. 兵 7.1
7. 馬 3.4
9. 炮 5.4
11. 仕 4.5
13. 炮 5/1
15. 車 2.3
17. 車 9.1

- 炮 8-
- 車 4.4
- 士 4.5
- 車 1-2
- 車 4.1
- 車 2.7
- 炮 4/1

6. 炮 8-7 象 3.1

8. 馬 4.5 馬 3.5

10. 相 3.5 炮 2-4

12. 馬 8.9 車 4/2

14. 炮 5.1 將 5-4

16. 炮 7.1 炮 4.7

Đen chiếm tiên

Biến 3 :

5. 馬 8.9
7. 馬 3.4
9. 兵 3.1
11. 兵 7.1

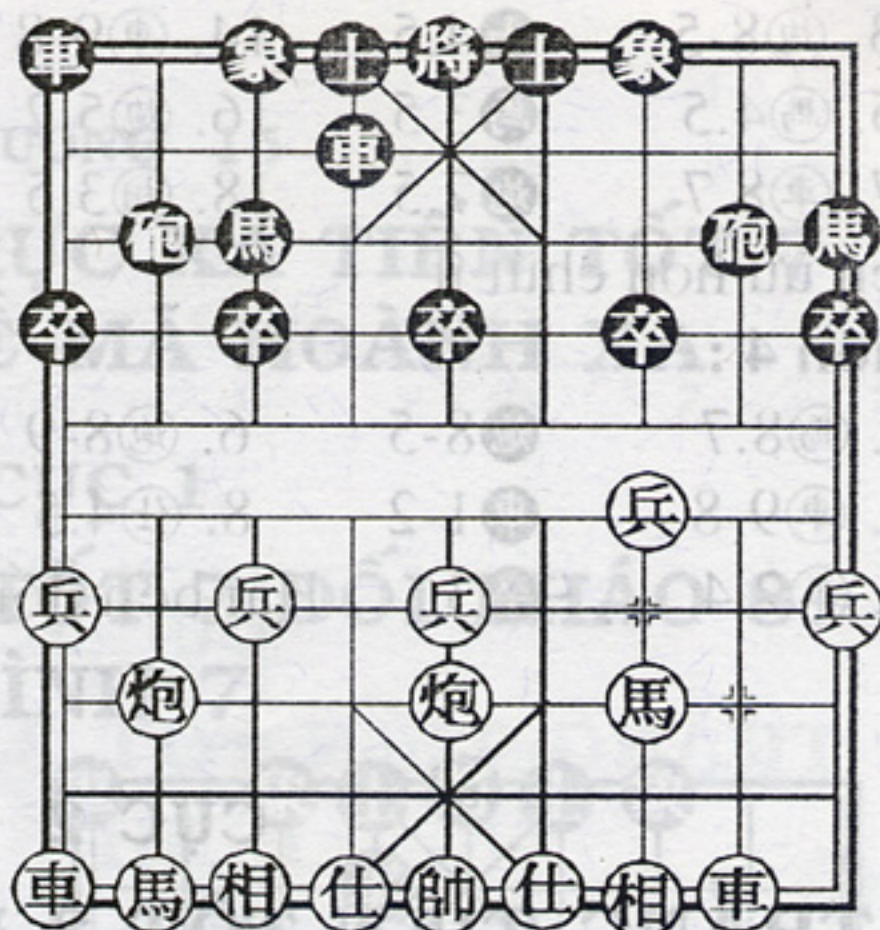
- 車 4.3
- 車 4-6
- 卒 7.1
- 車 5-3

6. 兵 7.1 卒 9.1

8. 炮 8.2 卒 3.1

10. 炮 5-4 車 6-5

12. 炮 4-3 炮 8-7



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 13. 炮8-5 | 士4.5 | 14. 車9-8 | 卒5.1 |
| 15. 馬4.5 | 馬3.5 | 16. 炮5.2 | 象3.5 |
| 17. 車8.7 | 炮7.5 | 18. 相3.5 | 車1-4 |

Đen ưu hơn chút ít

Biến 4 :

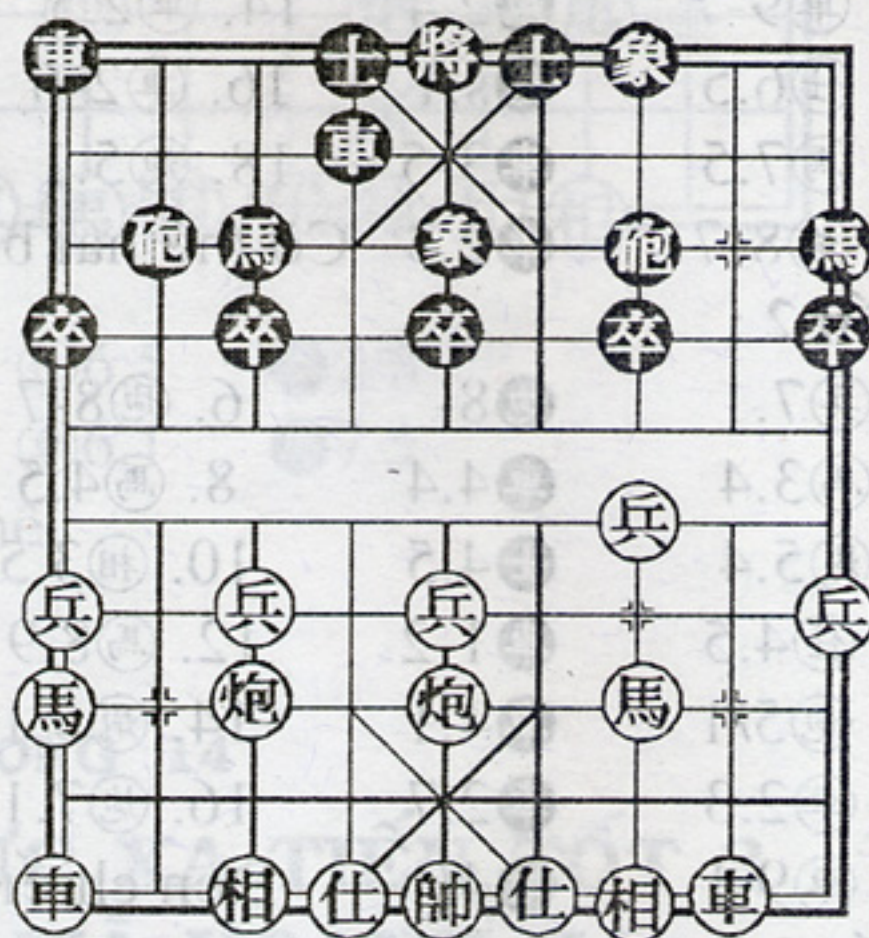
- | | | | |
|---------|------|-------------------|------|
| 5. 馬8.7 | 炮8-5 | 6. 炮8-9 | 炮2.4 |
| 7. 車9-8 | 車1-2 | 8. 仕4.5 | 車4.4 |
| 9. 車2.4 | 卒3. | Hai bên đối công. | |

CỤC 2

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI TƯỢNG 3 TIẾN 5

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 馬8.9 | 炮8-7 |
| 5. 炮8-7 | 象3.5 |
| 6. 兵3.1 | 車9-4 |
- hình vẽ
- | | |
|----------|------|
| 7. 馬3.4 | 車4.4 |
| 8. 馬4.5 | 馬3.5 |
| 9. 炮5.4 | 士4.5 |
| 10. 相3.5 | 車4/2 |
| 11. 炮5/1 | 車4.3 |
| 12. 車2.3 | 車1-4 |
| 13. 仕4.5 | 車s.4 |
| 14. 炮5/1 | 車s-5 |

Đen chiếm tiên.



CHƯƠNG 15

PHÁO ĐẦU, TRỰC XA TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

CỤC 1

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 7

1. 炮2-5 馬2.3
2. 馬2.3 車9.1
3. 車1-2 馬8.9
4. 兵7.1 炮8-7
5. 馬8.7 車9-4
6. 兵3.1

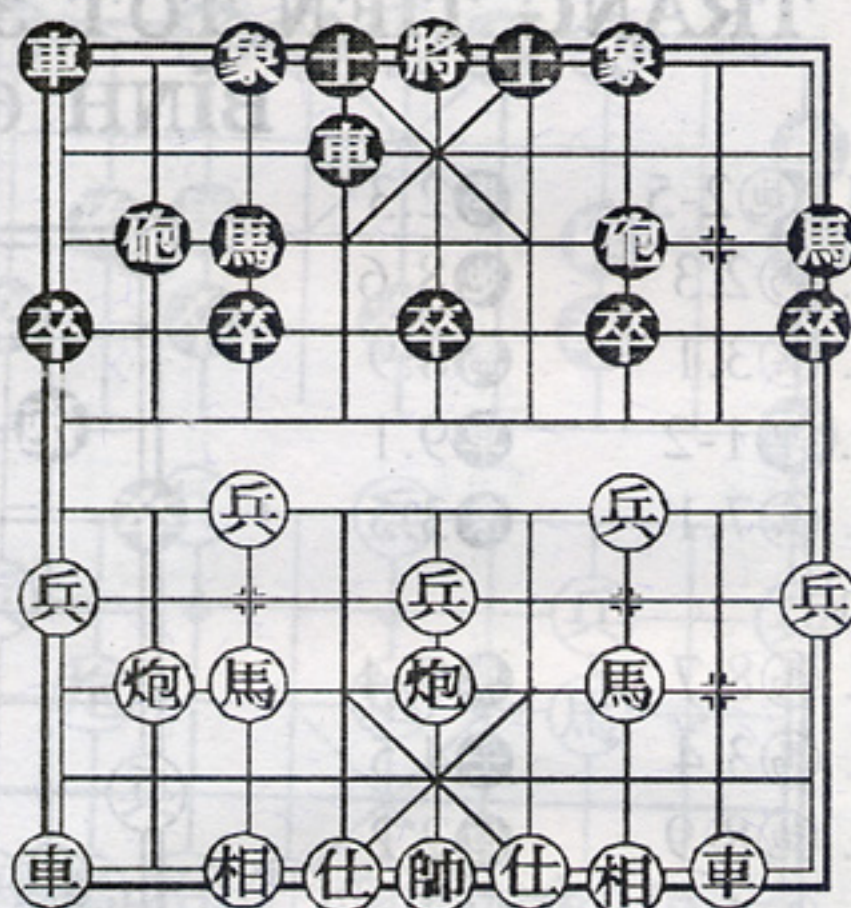
hình

Biến 1 :

6...卒7.1

7. 車2.4 車4.3
8. 馬3.4 車4-6
9. 炮8.2 象3.5
10. 炮5-4 車6-5
11. 相7.5 士4.5
13. 車2.3 車1-4
15. 兵7.1 象5.3
17. 馬4.5 馬3.5
19. 炮8-5 馬9.8
21. 炮4.6 馬7/5
23. 兵5.1 炮7-6

12. 兵3.1 車5-7
14. 仕6.5 卒3.1
16. 車2/1 象3/5
18. 車2-5 卒9.1
20. 車9-8 馬8.7
22. 兵5.1 炮2-4
24. 炮4-1



Trắng có ưu thế lớn

Biến 2 :

6...卒7.1

7. 車2.4

9. 馬3/5

11. 馬7.6

13. 炮8-5

卒7.1

象3.5

車1-4

車4.8

8. 車2-3 車4-7

10. 炮8.4 士4.5

12. 馬6.5 馬3.5

Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 2

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 6

1. 炮2-5

2. 馬2.3

3. 兵3.1

4. 車1-2

5. 兵7.1

hình

6. 馬8.7

7. 馬3.4

8. 炮8-9

9. 馬4.5

10. 炮5.4

11. 仕6.5

12. 兵5.1

13. 兵5.1

14. 車9-8

15. 相3.5

16. 車8.3

馬2.3

炮8-6

馬8.9

車9.1

象3.5

車9-4

士4.5

炮2.2

馬3.5

炮2-5

車4.2

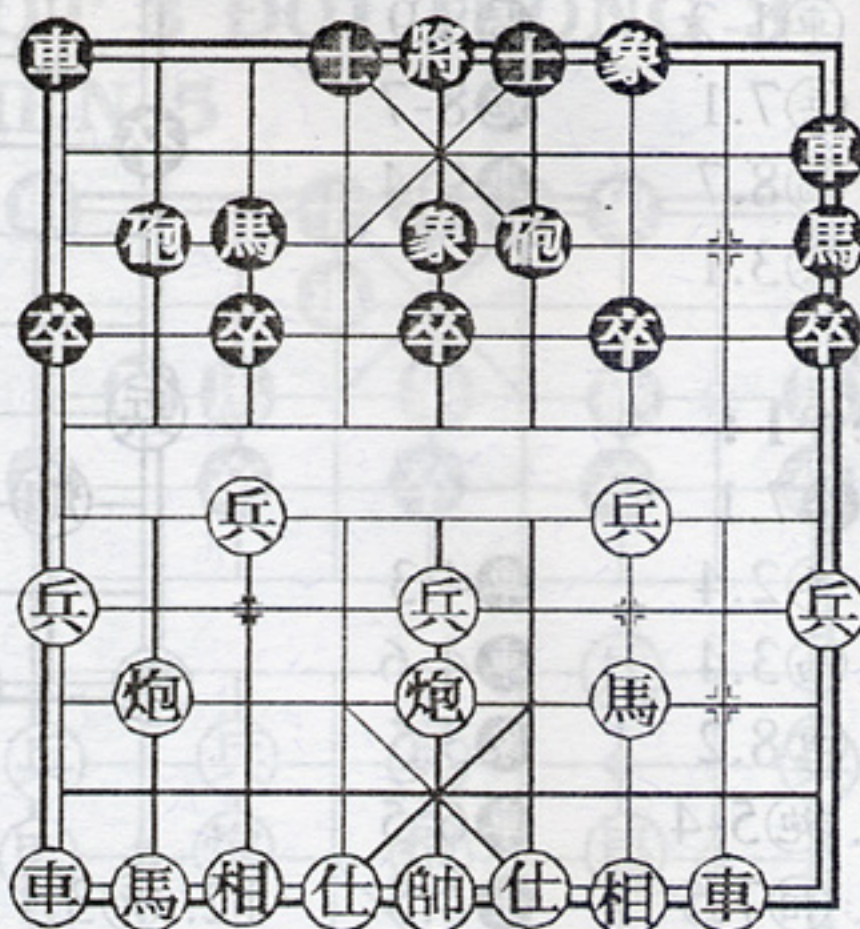
車4-5

車5.1

炮6.1

炮6-5

卒9.1



Đen ưu hơn một chút

CHƯƠNG 16

PHÁO ĐẦU, TRỰC XA TIẾN TỐT 5 TỐT 7 ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

CỤC 1

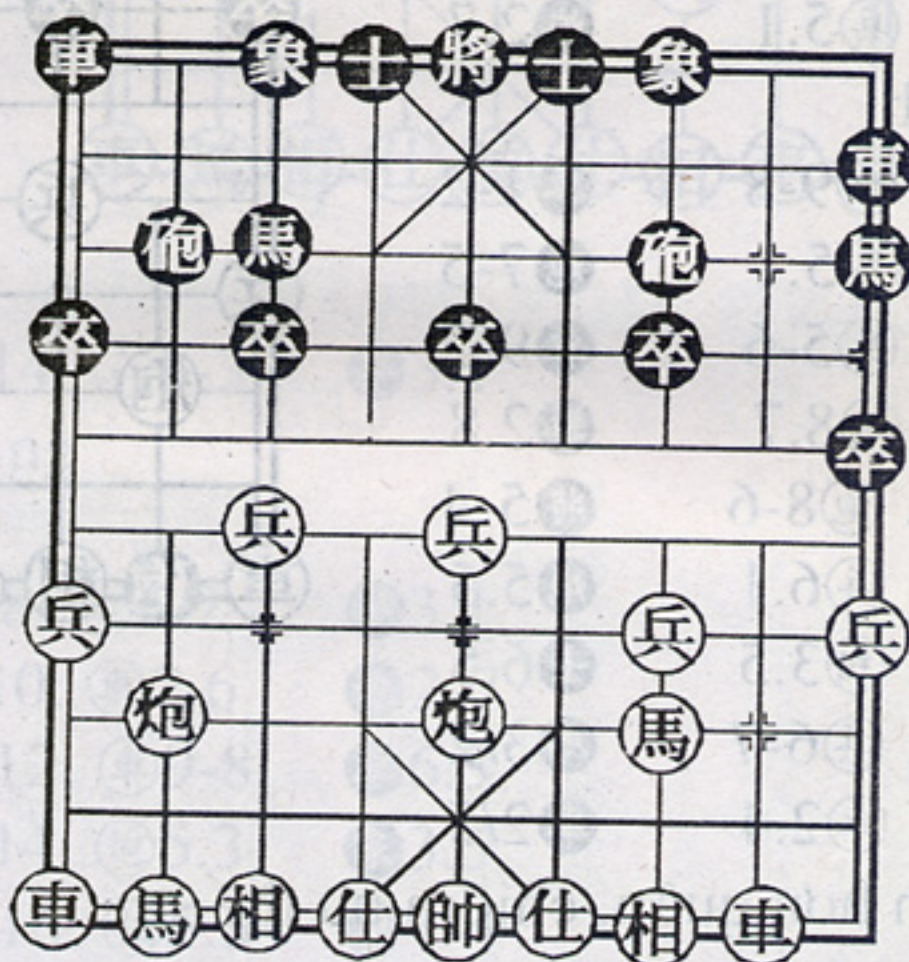
TRẮNG LIÊN TIẾN TỐT ĐẦU ĐỐI TỐT 9 TIẾN 1

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 兵7.1 | 炮8-7 |
| 5. 兵5.1 | 卒9.1 |

hình vẽ

- | | |
|----------|------|
| 6. 兵5.1 | 炮7-5 |
| 7. 兵5-6 | 車9-4 |
| 8. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 9. 兵6-7 | 炮5.5 |
| 10. 相7.5 | 卒5.1 |
| 11. 車2.4 | 馬3.5 |
| 12. 車2-7 | 炮2-5 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 13. 炮8.2 | 象3.1 | 14. 兵7.1 | 士4.5 |
| 15. 仕6.5 | 馬5.7 | 16. 兵3.1 | 馬7.5 |
| 17. 炮8-5 | 炮5.3 | 18. 馬8.7 | 馬9.8 |
| 19. 車9-6 | 車4.8 | 20. 帥5-6 | 車1-4 |
| 21. 車7-6 | 車4.5 | 22. 馬7.6 | 卒1.1 |



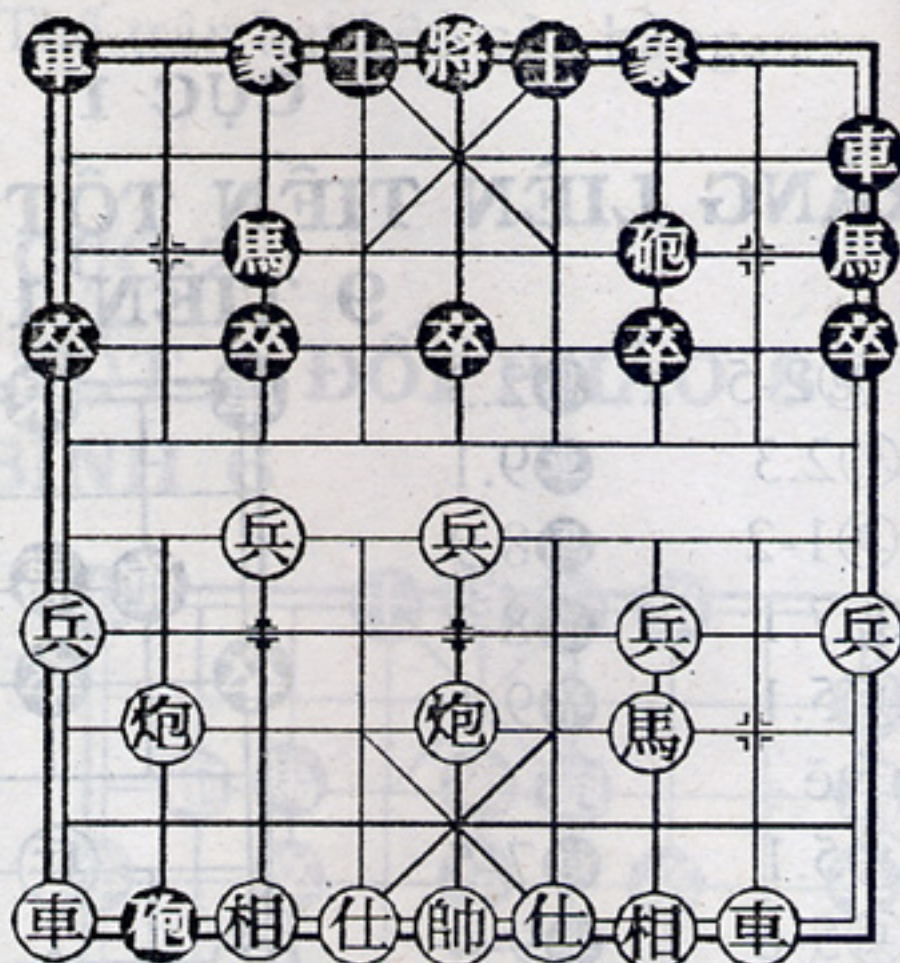
Thế tận hai bên cân bằng.

CỤC 2

TRẮNG TIẾN TỐT ĐẦU ĐỐI PHÁO 2 TIẾN 7 ĐẢ MÃ

- | | |
|----------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 兵7.1 | 炮8-7 |
| 5. 兵5.1 | 炮2.7 |
| hình | |
| 6. 車9-8 | 車1-2 |
| 7. 兵5.1 | 炮7-5 |
| 8. 兵5-6 | 車9-2 |
| 9. 炮8.7 | 車2.8 |
| 10. 炮8-6 | 將5-4 |
| 11. 兵6.1 | 炮5.5 |
| 12. 相3.5 | 士6.5 |
| 13. 兵6-7 | 馬3/2 |
| 14. 車2.4 | 車2/5 |

Đen hơn quân, chiếm ưu thế



CHƯƠNG 17

PHÁO ĐẦU BẮT TỐT ĐẦU ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

CỤC 1

TRẮNG HỒI PHÁO ĐẦU ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 5

1. 炮2-5 馬2.3
2. 馬2.3 車9.1
3. 車1-2 馬8.9
4. 炮5.4 馬3.5
5. 炮8-5 炮8-5
6. 炮5.4. 士4.5

hình vẽ

7. 車2.4 車9-6
8. 車2-6 車6.2
9. 炮5/2 卒7.1
10. 馬8.7 炮2-3
11. 車9-8 車6-5
12. 炮5.3 象3.5
13. 兵3.1 卒7.1

14. 卒6-3 卒3.1

Thế trận hai bên cân bằng

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 馬8.7 | 炮2.1 | 8. 炮5/2 | 卒3.1 |
| 9. 仕6.5 | 卒7.1 | 10. 車2.6 | 炮2-7 |
| 11. 相7.5 | 車9-6 | 12. 車9-8 | 車6.3 |
| 13. 車8.6 | 車6-5 | 14. 炮5.3 | 象3.5 |
| 15. 車2-1 | 卒7.1 | 16. 相5.3 | 車1-4 |

Thế trận cân bằng

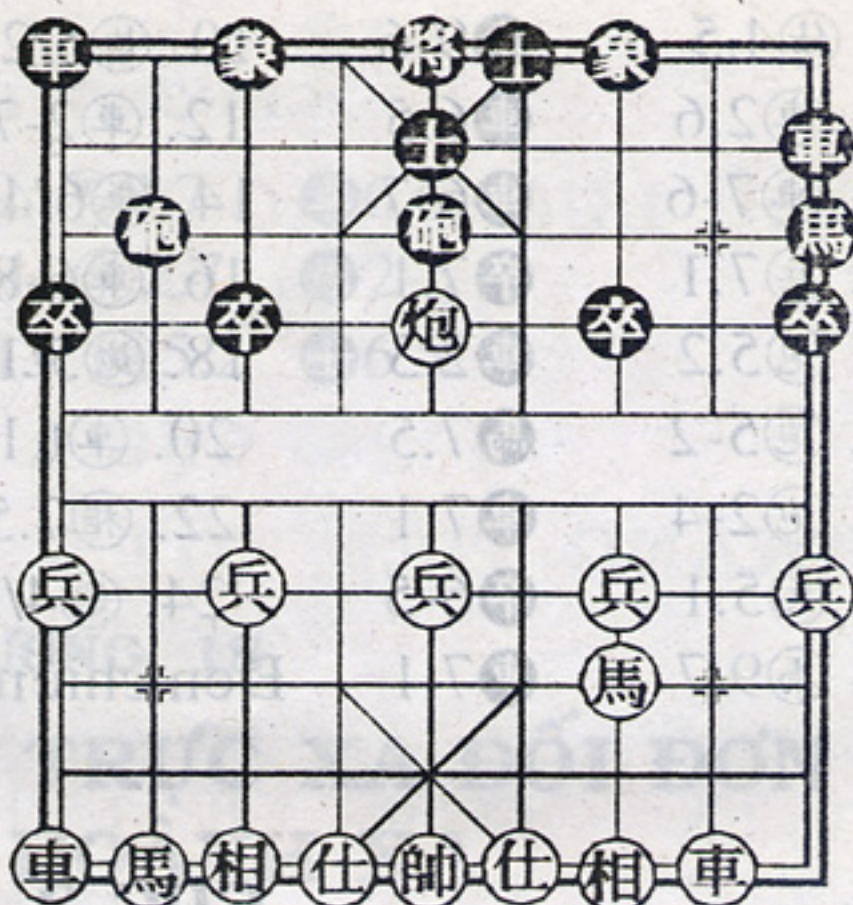
Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 仕6.5 | 車1-2 | 8. 炮5/2 | 卒7.1 |
| 9. 車2.6 | 車9-7 | 10. 車2-7 | 卒7.1 |
| 11. 兵3.1 | 車7.4 | 12. 馬3/1 | 炮2.6 |
| 13. 馬1.2 | 車7.1 | 14. 車7-2 | 馬9.7 |

Đen ưu thế hơn

Biến 4 :

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 7. 馬8.9 | 車1-2 | 8. 車9-8 | 炮2.5 |
|---------|------|---------|------|



- | | | | |
|----------|------|-------------------|------|
| 9. 仕4.5 | 車9-6 | 10. 炮5/2 | 卒7.1 |
| 11. 車2.6 | 車6.5 | 12. 車2-7 | 象3.1 |
| 13. 車7-6 | 車6-7 | 14. 車6/4 | 炮2/1 |
| 15. 兵7.1 | 卒7.1 | 16. 車6-8 | 卒7-6 |
| 17. 炮5.2 | 車2.3 | 18. 炮5/1 | 馬9.7 |
| 19. 炮5-2 | 馬7.5 | 20. 車t.1 | 車2-8 |
| 21. 炮2-4 | 車7.1 | 22. 相7.5 | 車8-6 |
| 23. 兵5.1 | 卒6-5 | 24. 炮4/3 | 卒5.1 |
| 25. 馬9/7 | 車7.1 | Đen chiếm ưu thế. | |

CỤC 2

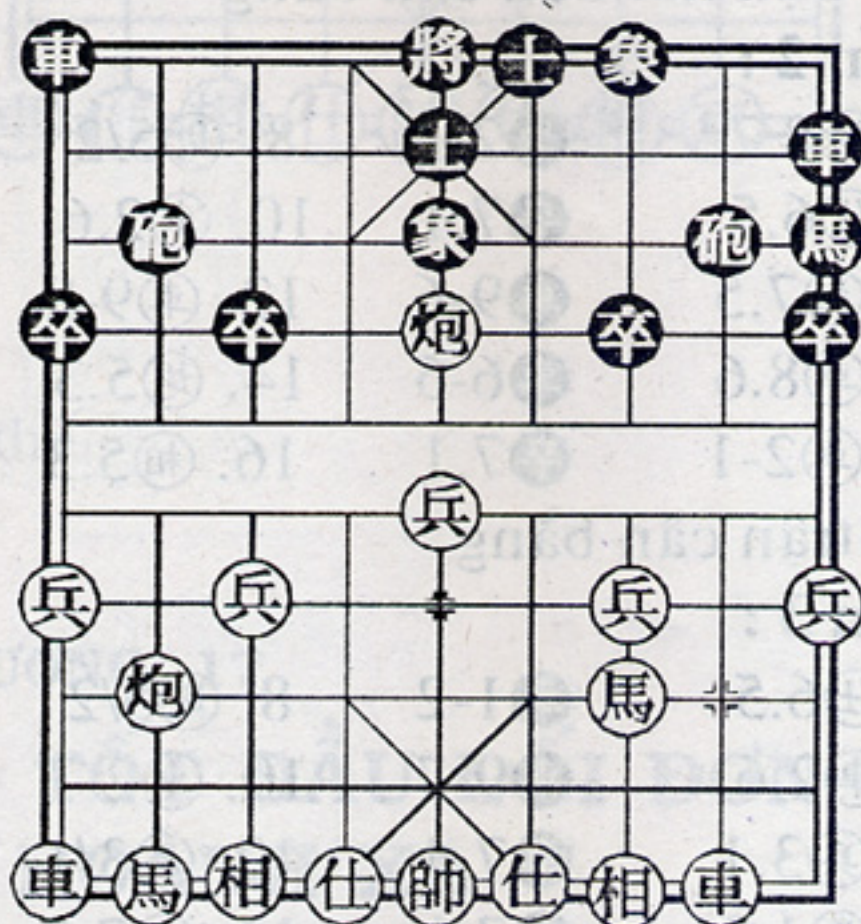
TRẮNG HỒI PHÁO ĐẦU ĐỐI TƯỢNG 3 TIẾN 5

- | | |
|-----------------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 車9.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.9 |
| 4. 炮5.4 | 馬3.5 |
| 5. 炮8-5 | 象3.5 |
| 6. 炮5.4 | 士4.5 |
| 7. 兵5.1 hình vẽ | |

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 7... 車1-4 | |
| 8. 馬8.7 | 車4.4 |
| 9. 車9-8 | 車9-6 |
| 10. 馬3.5 | 車6.3 |
| 11. 車8.6 | 卒3.1 |
| 12. 相3.5 | 車6-8 |
| 14. 車8-9 | 炮2-1 |
| 13. 車2.5 | 車4-8 |
| 15. 兵7.1 | |

Trắng nhiều Tốt chiếm ưu thế.



Biến 2 :

7... 車 9-6

8. 兵 5.1

卒 3.1

9. 馬 8.7

車 6.6

10. 馬 7.5

炮 2.2

11. 車 2.7

炮 2-5

12. 仕 6.5

車 6/4

13. 炮 5.2

士 6.5

14. 車 9-8

車 1-4

Trắng hơn Sĩ chiếm ưu

CHƯƠNG 18

NGŨ LỤC PHÁO TRỰC XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

CỤC 1

TRẮNG BÌNH GIÁC PHÁO ĐỐI XE 9 BÌNH 4

1. 炮 2-5

馬 2.3

2. 馬 2.3

車 9.1

3. 車 1-2

馬 8.9

4. 炮 8-6

車 9-4

5. 仕 4.5

炮 8-6

hình vẽ

6. 車 2.4

士 4.5

7. 馬 8.7

車 4.5

8. 兵 7.1

車 1-2

9. 車 9-8

炮 2.4

10. 車 2-6

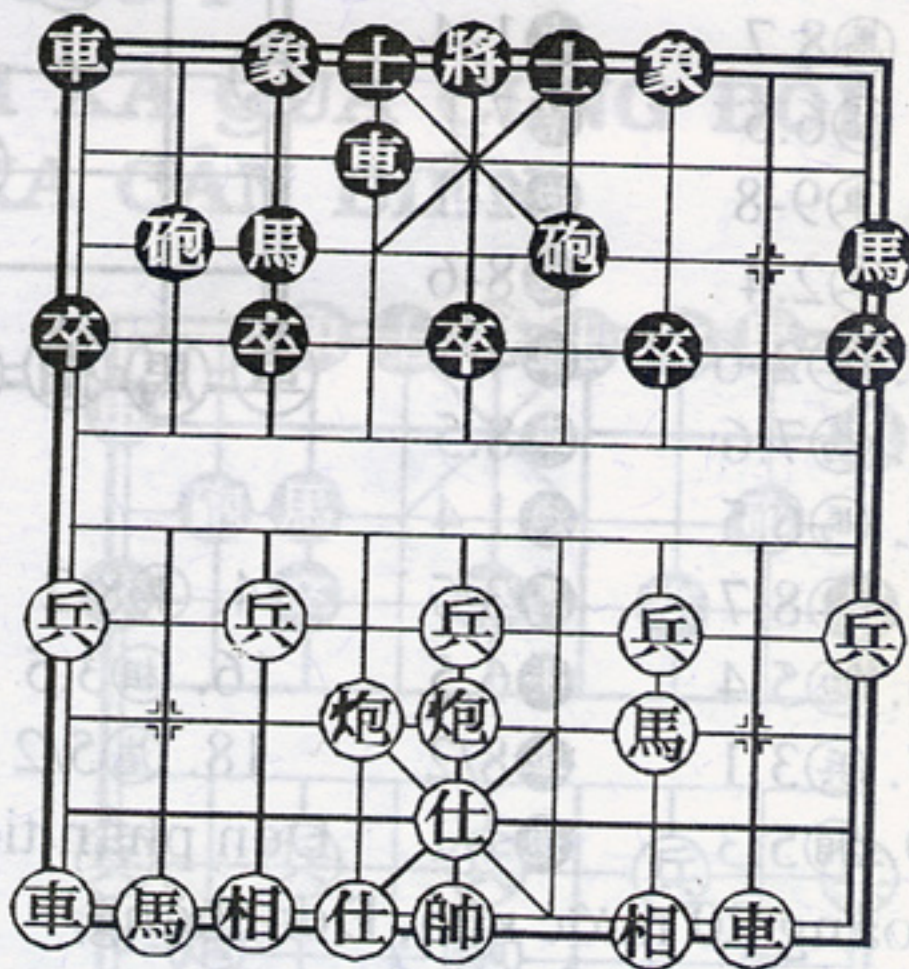
車 4-3

11. 兵 3.1

象 3.5

12. 兵 1.1

卒 1.1



Thế trận hai bên cân bằng.

CHƯƠNG 19

NGŨ LỤC PHÁO TRỰC XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ TRỰC XA

CỤC 1

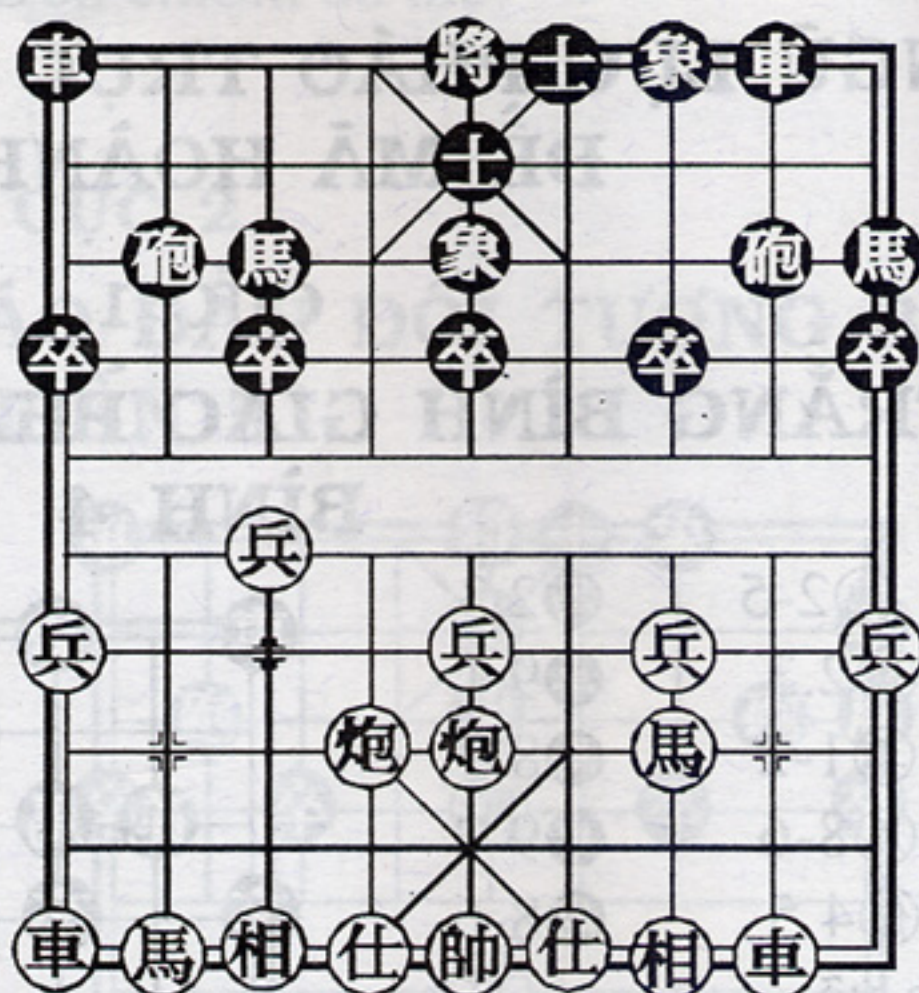
TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI TƯỢNG 3 TIẾN 5

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.9 |
| 3. 車1-2 | 車9-8 |
| 4. 兵7.1 | 象3.5 |
| 5. 炮8-6 | 士4.5 |

hình

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. 馬8.7 | 車1-4 |
| 7. 仕6.5 | 卒7.1 |
| 8. 車9-8 | 炮2-1 |
| 9. 車2.4 | 炮8-6 |
| 10. 車2-6 | 車4.5 |
| 11. 馬7.6 | 車8.5 |
| 12. 馬6.5 | 炮1.4 |
| 13. 車8.7 | 馬3.5 |
| 15. 炮5.4 | 士6.5 |
| 17. 兵3.1 | 車8/2 |
| 19. 相5.3 | 炮1/1 |



14. 車8.2 士5/4

16. 相3.5 卒1.1

18. 炮5/2 卒7.1

Đen phản tiên, đánh thêm
khoảng 20 nước nữa, Đen thắng.

Biến 2 :

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬2.3 | | |
| 2. 馬2.3 | 馬8.9 | 3. 車1-2 | 車9-8 |

4. 兵7.1	象3.5	5. 炮8-6	士4.5
6. 馬8.7	車1-4	7. 仕6.5	炮2.4
8. 兵3.1	炮2-3	9. 馬3.4	炮8.3
10. 馬4.5	炮8-3	11. 車2.9	馬9/8
12. 馬5/4	車4.5	13. 馬4.3	馬8.7
14. 相3.1	馬3.5	15. 車9-8	車4.1
16. 馬3/5	車4/2	17. 馬7/9	馬7.6
18. 車8.3	炮t-9	19. 兵5.1	炮9-5

Thế trận hai bên cân bằng

CHƯƠNG 20

PHÁO ĐẦU HOÀNH XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA

CỤC 1

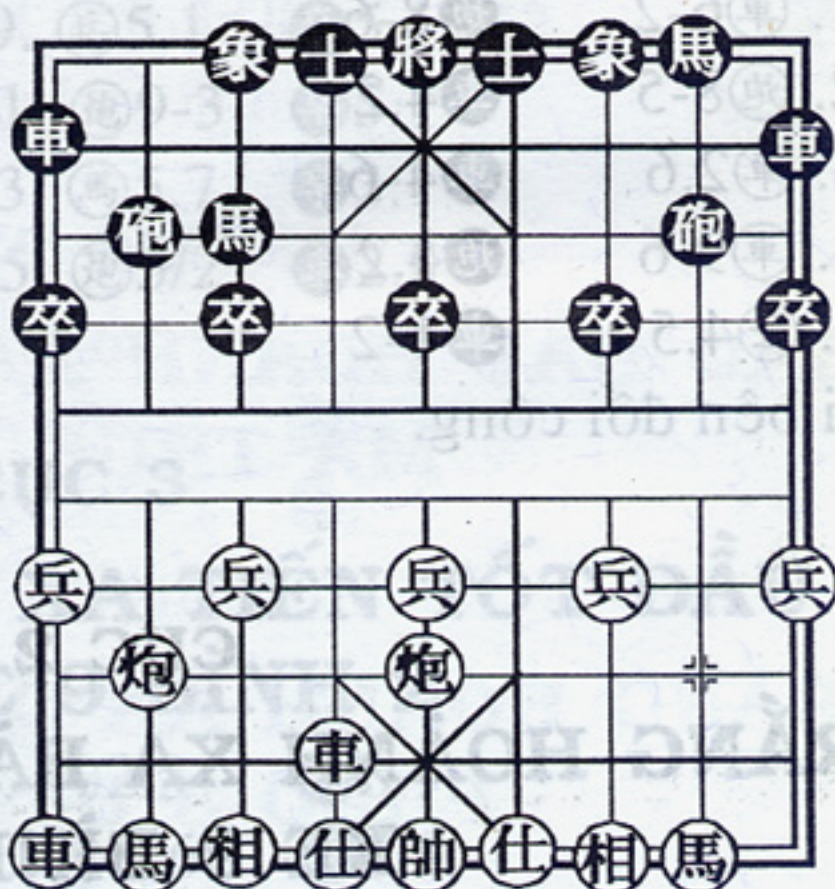
TRẮNG HOÀNH XA QUÁ CUNG ĐỐI SONG XA CẬN BIÊN

1. 炮2-5	馬2.3
2. 車1.1	車9.1
3. 車1-6	車1.1

hình vẽ

Biến 1 :

4. 車6.5	車9-4
5. 車6-7	車4.6
6. 炮8.2	象3.5
7. 仕4.5	車4-2
8. 炮8-7	炮2.7
9. 炮7.3	炮8-3



- | | |
|----------|------|
| 10. 炮5.4 | 士6.5 |
| 11. 車7.1 | 車1-2 |
| 12. 相3.5 | 馬8.7 |
| 13. 炮5/2 | 車s.2 |
| 14. 兵7.1 | 馬7.5 |
| 15. 車7.1 | 馬5.7 |
| 16. 炮5-3 | 車s-4 |
| 17. 兵7.1 | 車4.5 |
| 18. 馬2.3 | 馬7/5 |
| 19. 兵7.1 | 馬5.6 |

Đen có ưu thế lớn

Biến 2 :

- | | |
|----------|------|
| 4. 馬8.7 | 象3.5 |
| 5. 馬2.3 | 馬8.9 |
| 6. 兵5.1 | 車9-4 |
| 7. 車9.1 | 士4.5 |
| 8. 兵5.1 | 卒5.1 |
| 9. 馬7.5 | 炮2/2 |
| 10. 炮5.3 | 炮2-4 |
| 11. 車6-2 | 炮8-6 |
| 12. 炮8-5 | 車4.2 |
| 13. 車2.6 | 車4-6 |
| 14. 車9-6 | 炮4.2 |
| 15. 仕4.5 | 車1-2 |

Hai bên đối công.

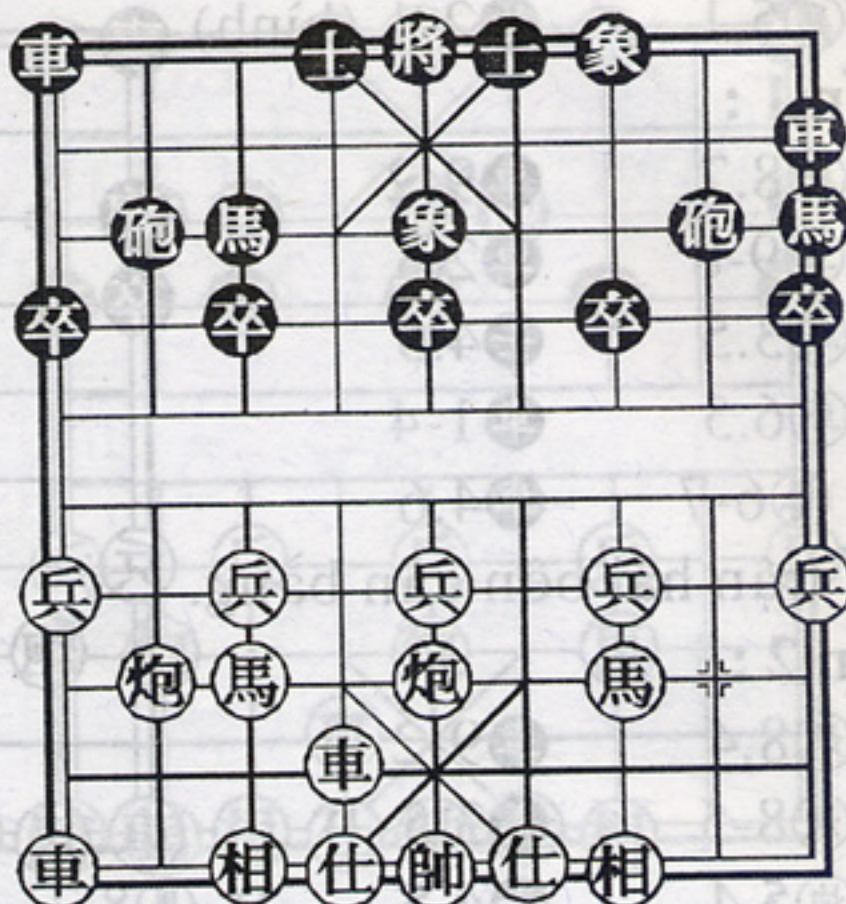
CỤC 2

TRẮNG HOÀNH XA BÀN ĐẦU MÃ ĐỐI XE 9 BÌNH 6

1. 炮2-5 馬2.3
2. 馬2.3 馬8.9
3. 車1.1 車9.1
4. 車1-6 象3.5
5. 馬8.7

hình vẽ

- 5... 士4.5
6. 兵5.1 車9-6
7. 兵5.1 卒5.1
8. 馬7.5 車6.2
9. 車9.1 炮8-6
10. 炮5.3 卒9.1
11. 炮8-5 馬9.8
12. 車9-8 車1-2
14. 馬3.5 馬8.6



Hai bên quân lực tương đương, nhưng Trắng có ưu thế hơn.

Biến 2 :

- 5... 炮2.2
6. 兵5.1 炮2-7 7. 馬7.5 車1-2
8. 炮8-9 車9-6 9. 兵5.1 卒5.1
10. 兵3.1 炮7.3 11. 炮9-3 卒5.1
12. 炮5.2 士6.5 13. 馬5.7 卒3.1
14. 馬7.5 車6.5 15. 炮5/2 車2.5

Bên Đen ưu thế.

CỤC 3

TRẮNG HOÀNH XA TIẾN TỐT ĐẦU ĐỐI XE 9 BÌNH 2

1. 炮2-5 馬2.3 2. 馬2.3 馬8.9
3. 車1.1 車9.1 4. 車1-6 象3.5

5. 兵5.1 炮2-1 (hình)

Biến 1 :

6. 馬8.7 車9-2

7. 車9-8 車2.3

8. 馬3.5 士4.5

9. 車6.5 車1-4

10. 車6-7 車4.6

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

6. 炮8.4 車9-2

7. 炮8-5 馬3.5

8. 炮5.4 士4.5

10. 馬3.5 卒9.1

12. 車9-8 車1-2

14. 馬5.7 卒3.1

16. 車6.3 馬7.9

9. 馬8.7 車2.3

11. 相3.5 馬9.8

13. 車8.5 車2.4

15. 馬t/5 馬8.7

17. 車6/3 卒7.1

Hai bên đối công

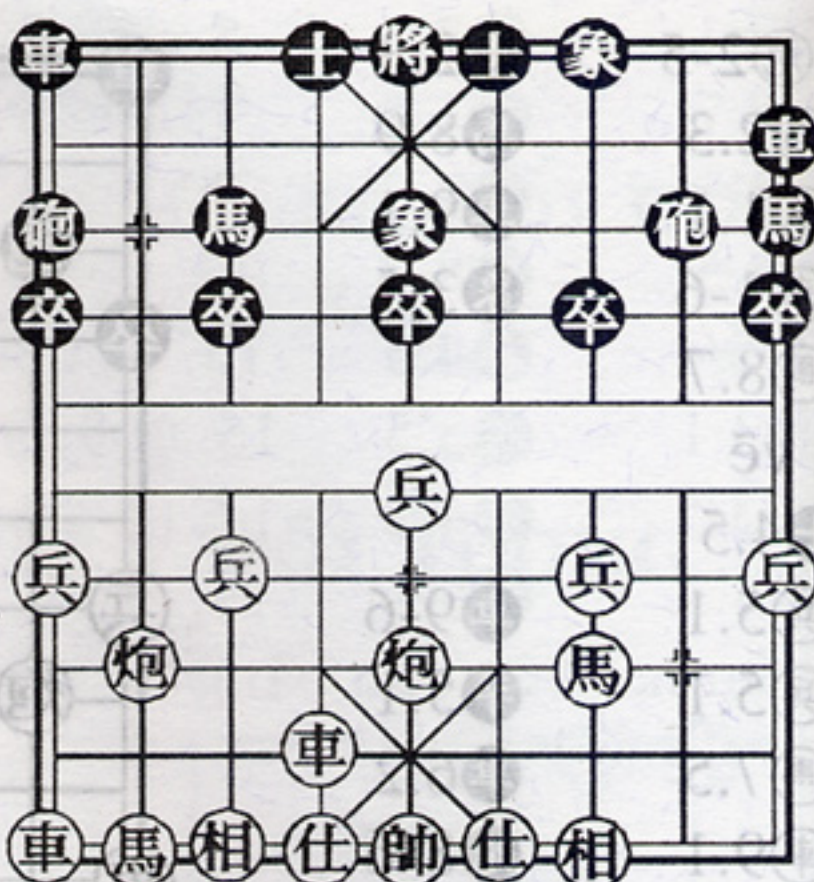
Biến 3 :

6. 馬8.9 車9-2

8. 馬3.5 士4.5

7. 車9-8 車2.3

Thế trận hai bên cân bằng.



CHƯƠNG 21

PHÁO ĐẦU HOÀNH XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ TRỰC XA

CỤC 1

TRẮNG HOÀNH XA QUÁ CUNG ĐỐI PHÁO 8 BÌNH 6

1. 炮2-5
2. 車1.1
3. 車1-6
4. 馬2.3

- 馬2.3
- 馬8.9
- 象3.5
- 炮8-6 Hình

Biến 1 :

5. 車6.5
6. 炮8.4
7. 炮8-5
8. 馬8.7
9. 車6-5
10. 相7.5
11. 兵3.1
12. 兵5.1
13. 仕6.5

- 卒3.1
- 士4.5
- 炮2.5
- 馬3.5
- 炮2-5
- 車9-8
- 車8.4
- 車1-4
- 車4.6

Thực lực hai bên cân bằng

Biến 2 :

5. 馬8.7
7. 車6.5
9. 馬7.5
11. 兵3.1
13. 炮5.4
15. 相7.5

- 士4.5
- 炮2.2
- 車1-2
- 炮7.3
- 馬3.5
- 卒3.1

6. 仕4.5
8. 兵5.1
10. 炮8-6
12. 馬5/3
14. 車6-5

- 車9-8
- 炮2-7
- 車8.6
- 車8-3
- 車3-7

Hai bên cân bằng

Biến 3 :

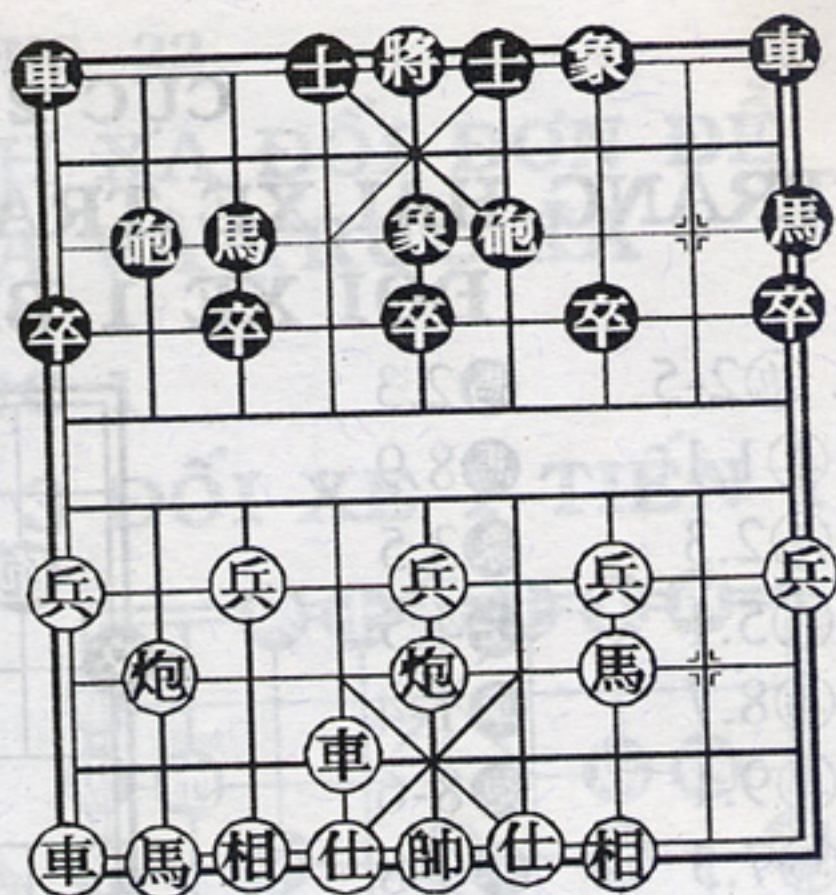
5. 兵5.1
7. 馬3.5
9. 炮5.3
11. 馬5.7
13. 馬7.5

- 車9-8
- 車8.4
- 士4.5
- 炮2-5
- 炮6.1

6. 兵5.1
8. 車6.4
10. 車6-7
12. 車7-5

- 卒5.1
- 卒3.1
- 炮2.2
- 車8-5

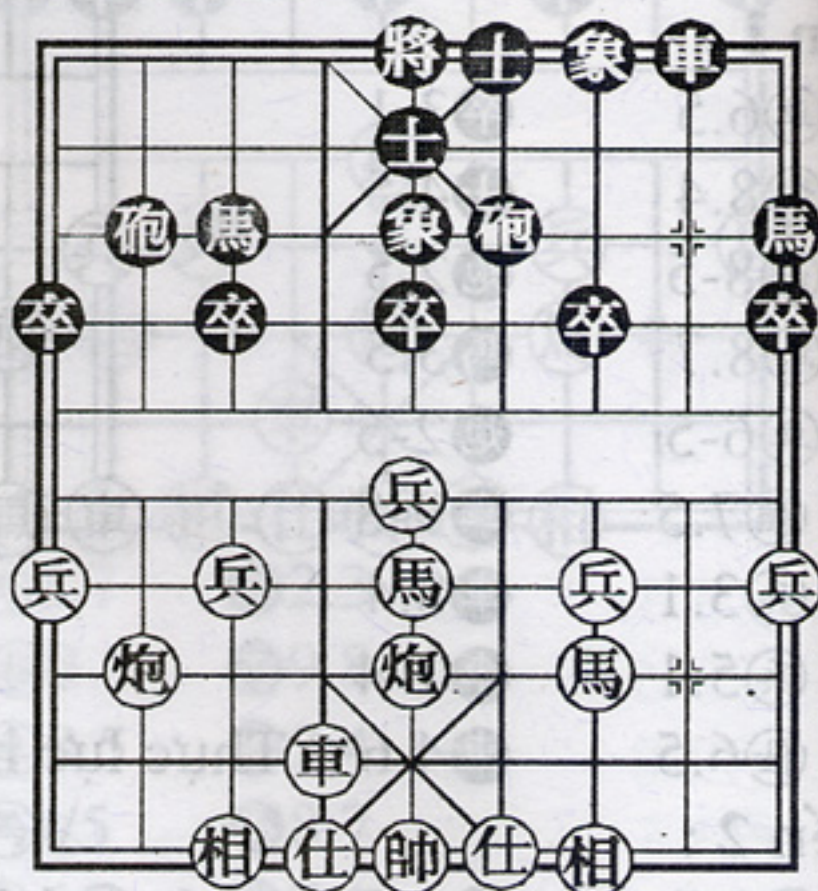
Thế trận hai bên ngang nhau.



CỤC 2

TRẮNG HAI XE TRANH CẬN BIÊN ĐỐI XE 1 BÌNH 4

1. 炮2-5 馬2.3
2. 車1.1 馬8.9
3. 馬2.3 象3.5
4. 兵5.1 士4.5
5. 馬8.7 車1-4
6. 車9.1 炮8-6
7. 馬7.5 車9-8
8. 車1-6 車4.8
9. 車9-6 hình



Biến 1 :

- 9... 車8.6
10. 兵5.1 卒5.1
11. 馬5.7 卒5.1
12. 馬7.6 炮6/1 13. 馬6/5 炮6-7
14. 車6.5 車8/1 15. 兵3.1 車8-7
16. 馬5.4 車7.1 17. 車6-7 炮7.1
18. 馬4/6 馬3/4 19. 馬3.5

Trắng chiếm ưu thế lớn

Biến 2 :

- 9... 車8.4
10. 兵5.1 卒5.1 11. 車6.4 卒9.1
12. 炮5.3 卒3.1 13. 車6-7 炮2.2
14. 炮8-5 炮2-5 15. 車7-5 車8-5
16. 炮5.3 炮6.4 17. 兵7.1 馬3.5
18. 兵9.1 馬9.8

Thế trận hai bên cân bằng

PHÁO ĐẦU HOÀNH XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ HOÀNH XA VÀ TRỰC XA

CỤC 1

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI XE 1 TIẾN 1

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2-5 | 馬8.7 |
| 2. 馬2.3 | 車9-8 |
| 3. 車1.1 | 馬2.1 |
| 4. 兵3.1 | 車1.1 |

Hình vẽ

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 5. 車1-6 | 車1-6 |
| 6. 馬8.7 | 士6.5 |
| 7. 兵9.1 | 炮8.4 |
| 8. 兵7.1 | 車8.4 |
| 9. 炮8-9 | 卒3.1 |
| 10. 車6.3 | 車6.3 |
| 11. 車9-8 | 炮2-3 |
| 12. 車6-7 | 車6-3 |
| 13. 馬7.6 | 車3-4 |

12. 仕6.5 卒3.1

14. 車7.1 車8-3

Về căn bản là ngang nhau.

Biến 2 :

- | | |
|---------|------|
| 5. 馬3.4 | 炮2-5 |
| 7. 馬4.5 | 炮8.7 |
| 9. 馬5/6 | 車8.4 |

6. 馬8.7 車1-6

8. 仕6.5 車6.2

Hai bên đối kháng

Biến 3 :

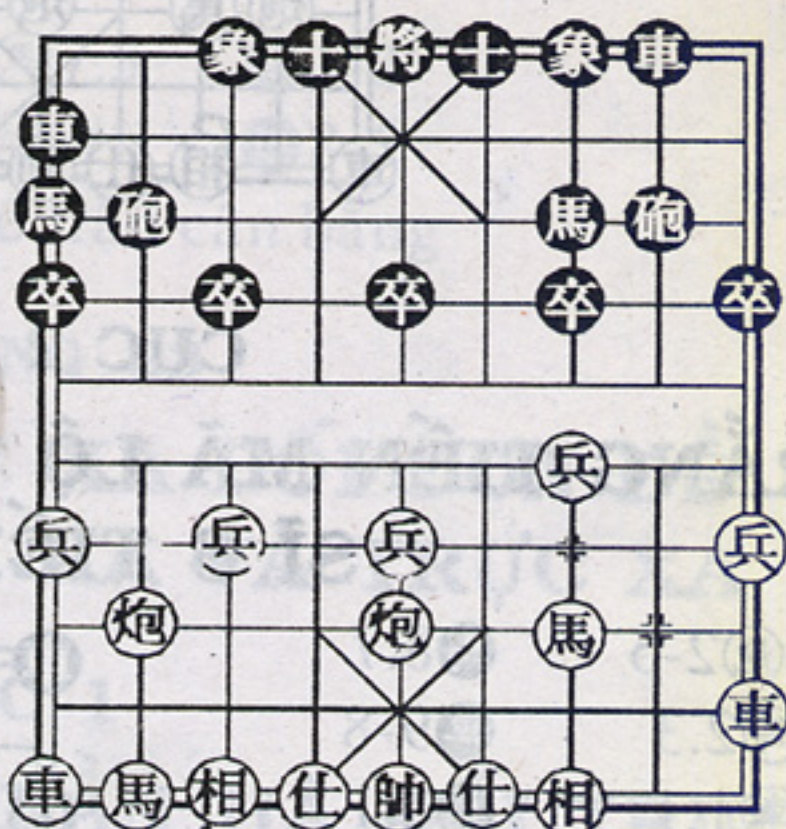
- | | |
|----------|-------------|
| 5. 馬8.7 | 車1-4 (hình) |
| 7. 兵5.1 | 炮2-5 |
| 9. 兵4.1 | 士6.5 |
| 11. 相7.5 | 馬7/6 |

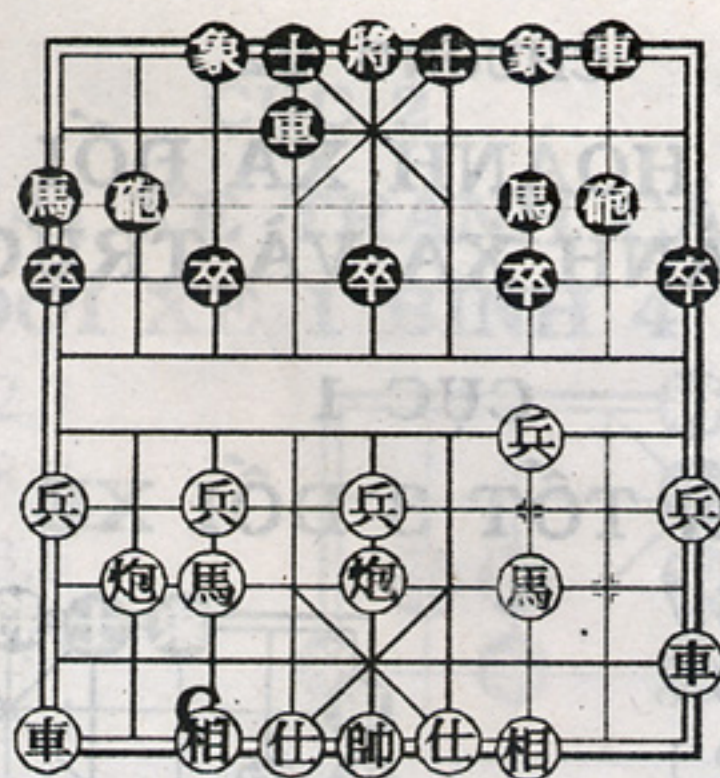
6. 兵5.1 炮8.5

8. 兵5-4 車4.5

10. 兵4-3 炮8-5

Hai bên tranh giành còn lâu.





CỤC 2

TRẮNG TIỀN MÃ LỘ 7 ĐỐI TRỰC XA SĨ 6 TIỀN 5

- | | |
|---------|------|
| 1. ②2-5 | ⑧8.7 |
| 2. ③2.3 | ⑨9-8 |
| 3. ④1.1 | ②2.1 |
| 4. ③8.7 | ⑥6.5 |

Hình

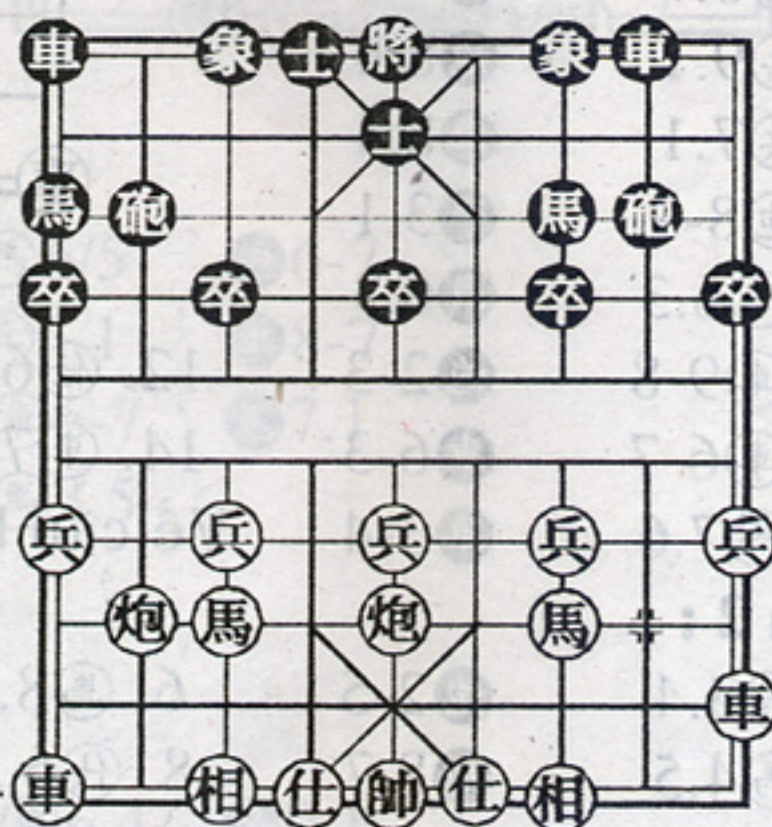
Biến 1 :

- | | |
|---------|------|
| 5. ④1-6 | ⑧8-9 |
| 6. ⑤7.1 | ⑨8.4 |
| 7. ②8.4 | ③3.1 |
| 8. ④6.3 | ②2-3 |

Thế trận cân bằng

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ④1-4 | ②2-4 | 6. ④4.5 | ④1-2 |
| 7. ④4-3 | ⑤7.5 | 8. ④9-8 | ④2.6 |
| 9. ⑤5.1 | ⑧8-9 | 10. ③3.5 | ④8.4 |
| 11. ③5.3 | ④8-7 | 12. ④3/1 | ⑤5.7 |



13. 兵5.1 炮4-5 Hai bên đối công

Biến 3 :

5. 炮8-9 車1-2 6. 車9-8 炮8.2
7. 兵7.1 卒1.1 8. 車8.6 炮2-4
9. 車1-8 車2.3 10. 車8.5 象7.5

Thế trận cân bằng

Biến 4 :

5. 兵5.1 炮2-5 6. 馬7.5 車1-2
7. 車9.2 炮8.4 8. 炮8/1 炮8-5
9. 馬3.5 車2.4 Thế trận cân bằng

CHƯƠNG 23

PHÁO ĐẦU TRỰC XA ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ TRÁI HOÀNH XA VÀ TRỰC XA

CỤC 1

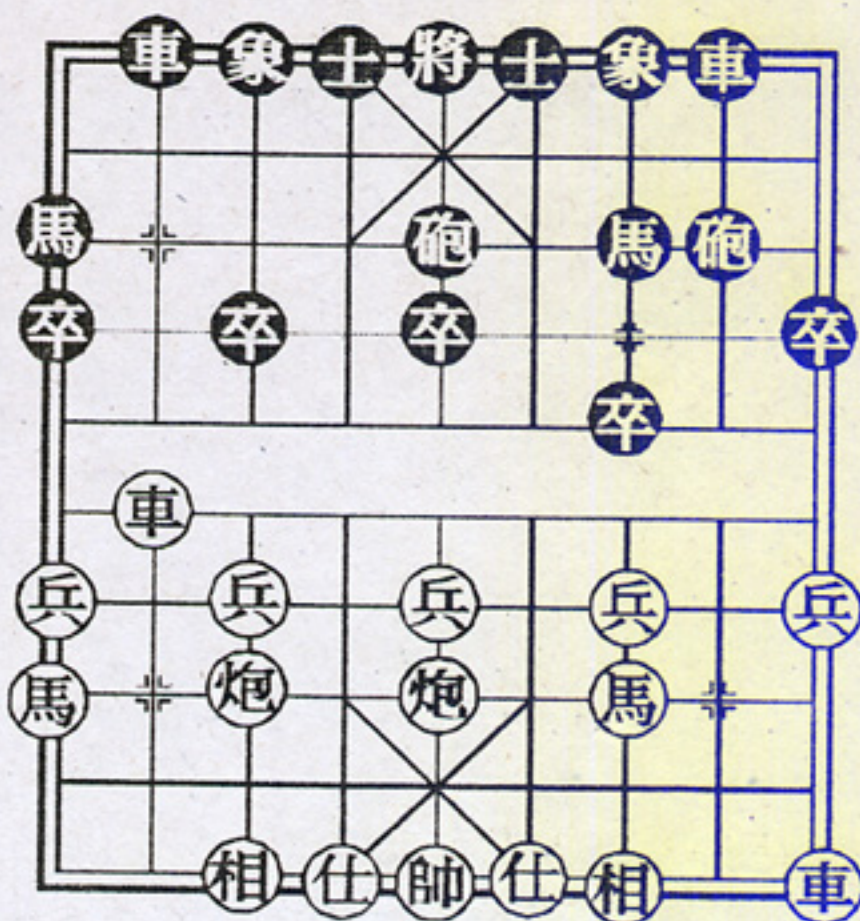
TRẮNG XE TRÁI TUẦN HÀ ĐỐI TRỰC XA PHÁO 2 BÌNH 5

1. 炮2-5 馬8.7
2. 馬2.3 車9-8
3. 馬8.9 卒7.1
4. 炮8-7 馬2.1
5. 車9-8 車1-2
6. 車8.4 炮2-5

hình vẽ

Biến 1 :

7. 兵9.1 炮8.4
8. 仕4.5 炮8-5
9. 馬3.5 車2.5
10. 馬9.8 炮5.4



11. 馬8.6 炮5/2 12. 炮5.1 車8.5

Bên Đen có phần ưu hơn chút ít.

Biến 2 :

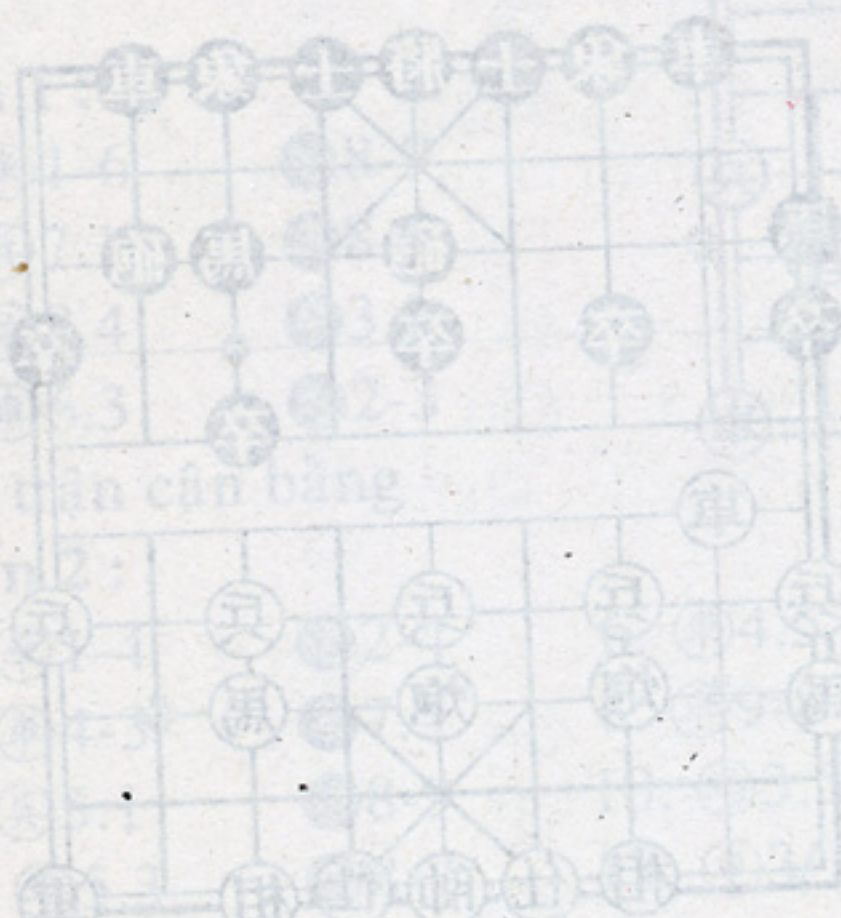
7. 車8-4	車2.4	8. 車4.2	馬7.6
9. 炮5.4	士4.5	10. 炮7-5	炮8.4
11. 車1.1	馬6.5	12. 車1-4	象7.9
13. 馬3.5	炮8-5	14. 仕4.5	車2-5
15. 帥5-4	炮t/3	16. 炮5.4	將5-4
17. 車s.4	車8.9	Đen chiếm ưu thế.	

Biến 3 :

7. 車8.5	馬1/2	8. 兵7.1	炮8.4
9. 兵7.1	炮5-3	10. 炮7.4	象3.5
11. 車1.1	炮8.2	12. 兵5.1	炮3.2

Hai bên đối công.

HẾT



NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TÌM HIỂU VỀ CÁC LOẠI KHAI CỤC TRONG CỜ TƯỚNG, TẠP CHÍ NGƯỜI CHƠI CỜ CUNG CẤP CÁC PHỤ BẢN CHUYÊN VỀ TỪNG LOẠI KHAI CỤC.

PHÁO ĐẦU ĐỐI BÌNH PHONG MÃ, TIÊN NHÂN CHỈ LỘ, PHI TƯỢNG CỤC, KHỞI MÃ CỤC, QUÁ CUNG PHÁO, SĨ GIÁC PHÁO, THUẬN PHÁO, LIỆT PHÁO, THIÊN PHONG PHÁO, PHÁO ĐẦU MÃ ĐỘI, PHÁO ĐẦU ĐỐI TAM BỘ HỔ, ...

Tạp chí Người Chơi Cờ của Liên đoàn cờ Việt Nam chuyên về các loại : cờ Tướng, cờ Vua, cờ Vây. Tạp chí cung cấp kiến thức chuyên môn ở mọi trình độ, các bài đồ giải các thế cờ, tin tức về cờ trong nước và trên thế giới, giới thiệu các danh thủ , luật cờ, giải đáp thắc mắc ...

Tạp chí ra hàng tháng, giá 5.000 đồng. Có thể đặt mua tạp chí và phụ bản của Tạp chí tại các bưu điện phát hành báo chí hay trực tiếp tại địa chỉ :

Toà soạn Tạp chí Người Chơi Cờ

Điện thoại : (04) 5118959

PHÁO ĐẦU ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ



12000

đ

**PHÁO ĐẦU ĐỐI ĐƠN ĐỀ MÃ
PHỤ BẢN TẠP CHÍ NGƯỜI CHƠI CỜ**

Giấy phép xuất bản số 2019/BC - GPXB - Bộ VH TT

Giá : 12.000 đồng